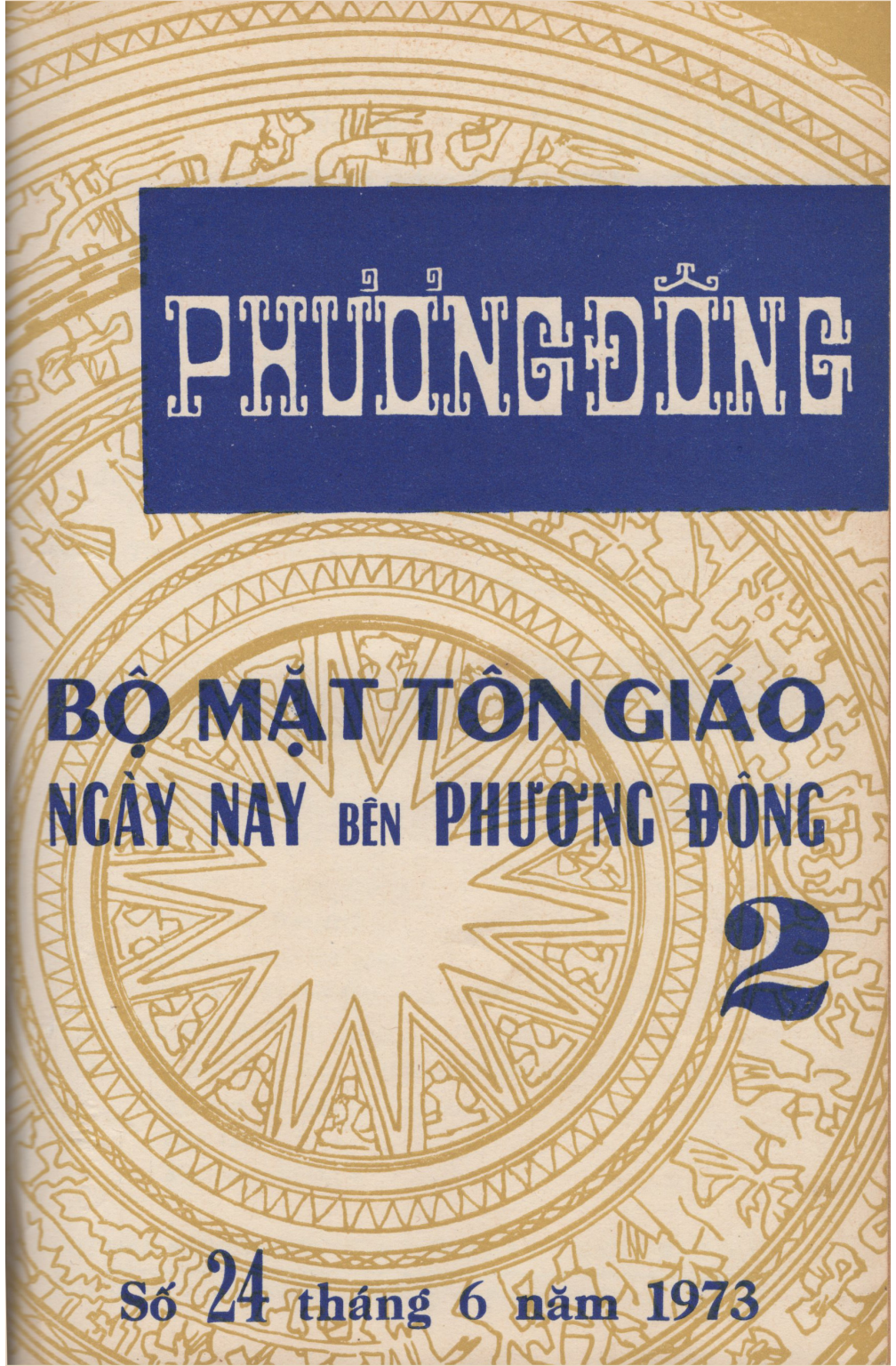




PHƯƠNG ĐÔNG

**BỘ MẶT TÔN GIÁO
NGÀY NAY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG**

2

Số 24 tháng 6 năm 1973

Nguyệt San **PHƯƠNG ĐÔNG**
Số 24 tháng 6 năm 1973 — QUÝ-SỬU

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ — Phó chủ bút : LƯU-TRUNG-KHẢO

**Đặc biệt : BỘ MẶT TÔN GIÁO NGÀY
NAY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG**

Nội dung :

1. *Phương đông có thể làm gì cho
một xã hội đương hồi tục ? (tt)* . . . HOÀNH SƠN — 373
 2. *Tín ngưỡng dân SỐ-ÍT gốc
miền Nam* NGUYỄN BẠT-TUY — 380
 3. *Khổng giáo vô thần
hay hữu thần (tt)* NGUYỄN VĂN THỌ — 386
 4. *Phật giáo và thiền học Việt-Nam* THÍCH MÃN-GIÁC — 395
 5. *Đạo giáo ở Việt-Nam (tt)* NHẤT THANH — 400
 6. *Towards a methodology in the
study of religious Taoism* MICHAEL SASO — 403
 7. *Krishnamurti (tt)* HOÀNG VŨ — 417
 8. *Kinh thư* PHẠM THIÊN THU — 422
 9. *Cao Đài Đại Đạo (tt)* TRẦN VĂN QUẾ — 424
 10. *Nhìn thẳng vào tôn giáo
Phật Giáo Hòa Hảo (tt)* . . . HINH PHƯƠNG CƯ SĨ — 429
 11. *Tôn giáo BAHAI* — 434
 12. *Hiện tình Công Giáo Việt-Nam (thống kê)* — 440
- Tin tức Văn hóa và Tôn giáo*
Hộp thư
Mục lục toàn tập 4

VIỆT NAM • PHƯƠNG ĐÔNG • THỜI ĐẠI • THẾ GIỚI • ĐẠO GIÁO

BÁO QUẢN : 161, Yên-Đà, SAIGON — Đ.T. : 24.592 — H.T. : 2 094

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24592

GIÁ BÁO

Mỗi số	120đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	1300đ
Một năm (độc giả sinh viên)	1150đ
Một năm độc giả ân nhân	3000đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung (từ Đà-lạt trở lên) thêm 150đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 350đ cước phí đường thủy một năm.

Ai tìm được 7 độc giả dài hạn 1300đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 1150đ, sẽ được thưởng một năm báo.

Một số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2.094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công số, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N.

Saigon T/M 57070, Tạp chí PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.500đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.300đ
	Trang bìa mặt sau 2 màu (nhiều kỳ liên tiếp)	:	14.000đ
	Trang bìa mặt sau 1 màu	:	10.000đ
	6 kỳ liên tiếp sắp lên	:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

Đỗ-thị-Phương

Thư ký tòa soạn :

Lê-thành-Chung

Xuất bản :

Phạm-ích-Anh

Đặc ủy viên :

Nguyễn-ngọc-Lễ

Phương Đông có thể làm gì cho một xã-hội đương hồi tục ?

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

(tiếp theo PĐ. số 23)

Xem như thế, Tây phương đã quá tục hóa, và phong trào «hồi tục» từ Tây phương đương lan rộng khắp hoàn cầu.

Trước hết, phong trào ấy cũng là phong trào «hợp lý hóa» (rationalisation) đời sống, tách địa hạt trần thế ra khỏi phạm vi thần thiêng, trả những gì của César lại cho César. Tục hóa như thế là điều tối cần thiết để giải thoát con người khỏi những kìm kẹp vô lý do ngộ nhận. Đây là ngộ nhận rằng nguyên do của bệnh tật và thời tiết là ở quỷ thần, chứ không phải tùy thuộc vào các định luật thiên nhiên. Đây cũng là lẫn lộn hai địa hạt văn hóa và tôn giáo...

Bỏ những sai lầm ấy là thoát ra khỏi tối tăm và thanh lọc tôn giáo cho tinh tuyền hơn, thanh cao và sáng sủa hơn. Có như vậy, tôn giáo mới phụng sự con người thay vì kiềm chế nó : «Ngày sabbat được làm nên vì con người, chứ không phải con người vì ngày sabbat», Chúa Giêsu nói thế. Có như vậy, trước mắt người học thức, tôn giáo mới khỏi bị coi là «đạo của đàn bà, con nít và những người mán mội».

KÍNH CÁO quý độc giả

Vì mọi thứ đều tăng giá, nên chống chọi mãi, rồi Phương Đông nay cũng phải **tăng theo** (bắt đầu từ tháng bảy). Vậy xin quý độc giả thông cảm.

Quý độc giả yêu thích Phương Đông đã thừa rõ những cố gắng của chúng tôi về bài vở cũng như tài chánh (một tờ báo cỡ này, dù bán mạnh đến đâu cũng không khỏi lỗ vốn). Do đó, chúng tôi kính thỉnh quý độc giả hết sức nâng đỡ và nhất là **cổ động** mạnh mẽ cho tờ báo. Đó là cách quý độc giả góp phần vào sự mệnh chung đối với văn hóa dân tộc.

Cũng xin quý độc giả dài hạn, vì phần lớn hạn mua báo sắp hết vào tháng sáu tới, hãy **tiếp tục mua và sớm gửi tiền** về Tòa báo theo cách thức ghi ở trang trước. Ai đã trả mà còn thiếu, xin liên dip trả nốt.

ĐA TẠ

Hồi tục cũng là đưa tôn giáo ra khỏi cung thánh bưng bít của người Do thái và garbha-grha cách biệt của người Ấn độ, sự phân ly thiêng với tục như thế sẽ khiến cho đường phố, nhà máy và bàn giấy trở nên độc lập đối với Trời Phật. Hồi tục là đưa Trời Phật vào hết mọi lãnh vực đời sống, khiến cho đâu đâu con người cũng tìm ra sự hiện diện thân mật của thần thánh, một hiện diện tối ư cần thiết đề thúc đẩy và hướng dẫn con người làm lành lánh ác trong tất cả : « Anh em sờ sờ ra đấy hần còn không yêu nôi, thì Chúa vô hình hần yêu làm sao được : (1) Yêu Chúa, theo Phật, không phải chỉ trong đền chùa, mà còn là phục vụ loài người trong các công cuộc phát triển kinh tế và xã hội, trong các trường học và viện cô nhi, trên diễn đàn chính trị cũng như ở giữa chợ búa và gia đình.

Nhưng ở đời này, dao nào mà chả có lưỡi. Đưa Chúa ra khỏi nhà thờ có khi rồi đánh mất Chúa luôn, và hợp lý hóa đời sống có thể hủy diệt ý thức thần thiêng, và đó là thực trạng rõ rệt hơn cả của thế giới ngày nay. Thế giới đang trở thành duy vật, và thay vì thờ Chúa, người ta đã mang cái bụng đặt ngồi chễm chệ trên ngai của tâm hồn.

Một khi thu hẹp lại và khấp kín nơi mình, vũ trụ sẽ thành chiếc nhà ngục khó thở, và con người hết ham sống trong đó. Và đây là thực trạng của các nước giàu có bây giờ. Sống đã là cái bụng, thì con người sẽ ngồi ngóp giữa bùn lầy trụy lạc, không thể ngóc đầu lên và vượt mình đề thành Nhân và thành Thánh. Sống đã là trục lợi, thì đời sẽ hết tình thương và con người sẽ thành « chó sói lẫn cho nhau » (homo homini lupus).

Làm thế nào đề cứu Chúa và Phật bây giờ ! Hay, nói cho đúng hơn làm thế nào đề cứu vớt con người, vì nó không sống hạnh phúc và sống cho ra người mà không có Trời Phật !

Biết bao nhiêu thanh niên thiếu nữ Tây phương, chán cảnh sống đầy đủ và bảo đảm, đã quay sang các Guru Ấn độ, mong chờ ở họ một cái gì khác thế. Dù họ có tìm thấy gì hay không, thì đó cũng là tìm và một thức bách đề tìm, chứng tỏ con người không thỏa mãn hoàn toàn bằng thế trần.

Đông phương có thể làm gì cho thế giới, khi mà thức giả Tây phương nghĩ rằng Ánh Sáng (cứu độ) mọc lên từ phương đông (Lux ex Oriente) : Nhưng Đông phương có thể làm gì khi mà chính mình cũng

đang ngồi ngó, dù chưa nguy đến độ khám phá thấy mình lâm nguy, đã từ đó ra đi tìm ánh sáng cứu độ, giới trẻ và thức giả Tây phương hiện đang làm ?

Thực ra, Đông phương có ánh sáng thật, nhưng Đông phương đã bỏ quên ánh sáng của mình khi bị đánh lừa bởi Maya của Tân văn-minh. Ánh sáng ấy là gì và ở đâu ? Làm cách nào để tìm lại nó đây ?

ÁNH SÁNG CỨU ĐỘ LÀ Ở MỘT PHƯƠNG ĐÔNG TỔNG-HỢP VÀ ĐỜI MỚI

Sự cứu độ nếu có phải đến từ Phương Đông. Đó không phải vì Phương Đông chưa phát triển mấy, nên cũng chưa duy vật đủ ; mà vì Phương Đông tuy đã đánh mất mình rồi, vẫn còn le lói bên trong một ánh sáng, tôi có ý nói đến cái văn minh tinh thần nó là sản nghiệp của ngàn vạn thế hệ góp gom.

TRUNG-HOA

Về phía Trung Hoa, văn minh tinh thần nói trên là luân lý Khổng-Mạnh, một nền luân lý tuy thiêng liêng, nhưng cũng rất nhân bản. Nó lấy tinh thần nhiệm vụ làm nền móng, lấy nghĩa khí làm linh hồn, và lấy chữ Nhân làm lý tưởng chiêm soi. Nhân, đó là con người toàn bích tinh thần, gồm thu nơi mình mọi đức tính ở chỗ hoàn hảo của chúng, khi mà những đức tính ấy đã trở thành tự nhiên, thành một với tâm tình và đời sống của con người.

Ngày nay, những yếu tố tùy phụ của «Con người mẫu» ấy phải thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh mới, nhưng trong căn bản, thì Con người tinh thần kia quả là đẹp cho hết mọi thời và mọi nơi.

Văn minh Trung hoa, đó cũng là văn minh được xây dựng trên lễ phải và lý trí. Một nho gia đúng nghĩa, tuy tôn kính thần, nhưng, « kính nhi viễn chi », chỉ lấy việc người ở nhân gian làm làm trọng, chứ không màng đến những chuyện rắc rối ở trên Trời. Cũng vì thế, nho gia không dễ sùng đạo, lại càng xa mê tín (1).

Thêm vào đấy, tinh thần Lão Trang là một tinh thần phá chấp, không vụ vào hình thức cứng nhắc bên ngoài, mà chỉ cốt sống tự nhiên sao cho hợp với cái Đạo nằm sâu trong con người « nhân chi sơ tính

1. Đạo của nho gia rất hợp lý, cốt lấy tinh thần làm trọng, như Đức Khổng nói : « Kính và Chú vốn từ bi, nhưng không cứu độ được người làm xằng ».

bản thiện ». Tinh thần Không Mạnh tổng hợp với tinh thần vừa nói sẽ khiến người ta biết quan tâm đến xã hội, biết hợp lý hóa đời sống và tránh sự gò bó của hình thức. Những yếu tố ấy cần thiết để tôn giáo được thanh lọc cho đến hạt sạn cuối cùng, nhờ đó trở nên tinh tấn, thiêng liêng, vừa không cản trở tiến bộ và phát triển thể trần, vừa giữ cho con người khỏi bị vật chất quyến rũ và sa lầy trong vũng bùn nhơ.

ẤN ĐỘ

Nhưng dù sao, Trung hoa quá thực tế vẫn không thể bay cao lắm. Ở điểm này, chúng ta cần đến Ấn độ.

Khắp thế giới đều công nhận Ấn độ là một dân tộc có ý thức tôn giáo sâu xa nhất. Chả thế mà nó đã sản xuất nổi những đại tôn giáo, thứ thì đề xài ở nhà, cho một Ấn độ rộng và đông gần bằng Âu châu, thứ thì dành xuất cảng, và đó là Phật giáo bành trướng khắp Đông Á. Ngoài ra, còn những phong trào Huyền học (như Thông thiên học) phát sinh từ Ấn, những tân giáo (như Ramakrishna Mission) có mặt cả bên Tây phương, những lớp Yoga, những phong trào tinh tâm bằng phương pháp Ấn, v.v... và v.v...

Thế giới đương sa lầy trong vật chất. Sa lầy trong vật chất, nó cảm thấy ngột ngạt và chán chường. Biết bao tâm hồn đang hướng về đất Ấn để tìm một ánh sáng giải thoát. Chính Hoa Kỳ, nước văn minh hơn cả bằng thứ văn minh của ngày nay, lại giàu có, tự do cũng nhất, chính nước ấy lại có nhiều người say mê Ấn độ hơn các nước khác và phần đông những người này thuộc các gia đình khá giả.

Tuy nhiên, rất đông người đến tìm hiểu Ấn đã ra về thất vọng. Vì sao thế? Số là Ấn giáo không phải một mặt, mà muôn mặt. Ngoài Ấn giáo của huyền nghiệm, còn có cả trăm thứ Ấn giáo bình dân thấp kém và pha đầy những mê tín, lạm dụng. Có điều dù mê tín, cũng phải có ý thức tôn giáo đã, rồi mới mê tín được. Mà nói về ý thức tôn giáo, thì không thể chẻ Ấn vào đâu cả.

Tôn giáo bình dân thì nhìn đâu cũng thấy, còn tôn giáo cao siêu lại là của ần sĩ nên khuất ần đối với những cặp mắt phàm phu, nhất là mắt du khách. Quả thế, ần sĩ vừa hiếm, lại vừa sống ở rừng núi và các khu hoang vu, thì mấy ai đến được.

Tuy hai bộ mặt tôn giáo huyền nghiệm và bình dân đối lập nhau, nhưng trong thực tế, chúng không hề sát phạt nhau. Đó là vì người Ấn

chấp nhận cả hai, và chấp nhận tương đối : đạo tầm thường vô minh cho người tầm thường tầm tối, và đạo lý tưởng chân thực cho những ai sống thoát tục.

Tuy coi đạo này là lý tưởng, người dân thường vẫn không tham, mà bằng lòng với hạ đạo khi thấy mình còn hạ trọc, chưa thề với cao hơn. Và tuy sống hạ đạo, họ không có ý dừng mãi ở đó, nghĩ rằng sau đây, ở kiếp này hay những kiếp sau, thế nào cũng có ngày thành công quả, và đủ lông cánh, họ sẽ tung mình bay cao được. Đó là cái khôn ngoan của Đông phương, biết người biết mình, biết cao biết thấp, và đó là Biết vậy ! Cũng vì biết như thế, nên không có ghen tị vô ích và tranh giành giữa hai thứ đạo.

Sẵn hai thứ đạo của sáng và tối rồi, nên khi văn minh đến, người dân Ấn cũng sẵn nhiều công thức, để thay thế thế không còn thích hợp nữa.

Có điều ánh sáng văn minh chưa phải ánh sáng của Huệ trí, mà chỉ mới là của Lý trí. Lý trí này cũng chưa định hướng về cái Thiện, mà chỉ mới là lý trí để biết khách vật và biến chế, điều khiển nó. Lý trí này vừa thức tỉnh con người hạ đạo, khiến nó từ bỏ thứ đạo bán khai đang sống, vừa cản trở người thức tỉnh ấy để họ từ bỏ tham vật mà quay sang Thượng đạo. Phải, Thượng đạo là thiêng liêng, còn văn minh ngày nay lại là thứ văn minh duy vật và nó từ chối màu nhiệm.

May thay, những khó khăn trên nếu có thể đặt ra với Ấn độ, thì lại không thành vấn đề cho lắm ở ngoài nước Ấn. Vì những cái xuất cảng từ Ấn, không phải hàng xấu của tôn giáo bán khai, nhưng là triết học và huyền nhiệm.

Huyền nhiệm Ấn là cái đỉnh cao để soi sáng cho người đời và thu hút họ về phía thiêng liêng. Và hiện tượng này đương diễn ra ở một vài nơi trên thế giới. Giáo lý của Rumakrishna, Vevekananda, Krishnamurti, v.v... đương là « sứ điệp » cho nhiều giới, và rất nhiều sách đã được viết đề loan « Tin Mừng » này. Những sách đó, tại Việt nam cũng như Tây phương, thường bán khá chạy, chứng tỏ lòng khao khát thiêng liêng của con người duy vật ngày nay. Giáo lý nói trên hướng con người về huyền nhiệm. Đoạn đường này, đã có xe đi bằng các phương pháp riêng của Ấn. Bên Tây phương, nhiều cuộc tĩnh tâm bằng Yoga được khá đông thanh niên thiếu nữ tham dự. Hai trung tâm Thiền của L.m. Lassalle bên Nhật luôn luôn có sinh viên và cả thương gia đến sống một

đôi tuần. Còn tại Việt nam chúng ta, số người tu tịnh trong nhà, vườn và ở sơn cốc vẫn không phải là hiếm.

Cũng ngày nay, nhiều đạo gia Ấn đương gắng thôi phân ly huyền nhiệm và triết lý với đời sống và xã hội. Họ muốn tìm một hướng đi cho thế giới. Họ đã thành công một phần, nhưng khó khăn còn quá nhiều, nhất là khi trong nền tảng. Ấn độ vẫn thiếu một triết lý Nhập thể kiểu Ky tô giáo, hầu có thể xây dựng một lý thuyết Nhập thể vững chắc.

Ky tô giáo có một lý thuyết Nhập thể, nhưng thứ triết lý Platon và Aristote làm nền cho nó lại duy lý, nhị nguyên và khinh rẻ vật chất, nên cản trở Nhập thể nhiều hơn là thúc đẩy nó. Ngoài ra, Ky tô giáo còn thiếu một phương pháp tu luyện hoàn hảo, để có thể dễ dàng nhập thể với một tâm hồn vượt thế. Phương pháp này và triết lý ấy, Ấn độ có thể cung cấp cho Ky tô giáo, và sự tương trợ giữa hai bên sẽ là ánh sáng cứu độ cho thế giới ngày nay. Một trong những tổng hợp như thế, chúng ta có thể tìm thấy nơi con người Đại đức (Mahatma) Gandhi. Trong suốt đời, Gandhi đã say mê BÀI GIẢNG TRÊN NÚI của Chúa Giêsu, một giáo lý cách mạng hết sức thích hợp với tâm hồn Ấn của ông. Bằng tâm hồn Ấn và các phạm trù triết lý Ấn, ông đã chiêm tư giáo lý ấy; và bằng phương pháp Ấn, ông đã tu luyện nên con người kiểu mẫu sống theo « Tám mối phúc thật » (1). Đồng thời, ông đã nhập thể đề tranh đấu cho lý tưởng nhân đạo hàm chứa trong đó, tranh đấu bằng phương pháp Bất bạo động cũng là của học thuyết nói trên :

— Tha cho anh em mình không phải bảy, mà bảy mươi bảy lần !

— Hãy làm ơn cho kẻ ghét mình, cầu nguyện cho kẻ bắt bớ, vu oan cho mình !

Con đường Bất phúc và Bất đạo động nói trên, Gandhi đã đi đến cùng và đã soi ngược lại cho các thế hệ sau ông, ngay ở chính các nước Ky tô giáo Tây phương. Suy tư về con đường của Gandhi, tín đồ Chúa Giêsu bỗng phát hiện thấy rằng chính con đường ấy mới là tột đỉnh con đường Phúc âm Ky tô giáo.

Bằng tâm hồn mềm mại xứ Ấn và nhào luyện trong tôn giáo Ấn, Gandhi đã thấu triệt lý tưởng Ky tô giáo; và chiêm ngưỡng lý tưởng ấy ông đã biết sống ở đạo giữa đời. Tuy hành động giữa đời như một Ky tô

1. « les huit béatitudes », một tên gọi khác của Bài giảng trên núi (Sermon sur la montagne).

hữu hăng say, nhưng nhờ ở lý tưởng diệt tham sân si của Ấn, Phật giáo Gandhi đã yêu đời mà không nhiễm độc của đời, tiến lên giữa bạc tiền danh vọng và thù đoạn của đời, mà lòng vẫn trong trắng, tâm hồn vẫn ngay thẳng, và lý tưởng vẫn sáng cao. Có thể nói rằng ông đã hòa hợp được Trời Đất, Đời với Đạo, và Thiên với Tục một cách hoàn hảo nhất.

Ngày nay, thường đức bác ái không cho phép con người trốn nợ đời như Lão tử và Trang tử, như thánh Antoine và thánh Phaolô xưa. Sự khám phá ra Đời khiến người ta biết nhìn nhận giá trị của ăn no mặc đẹp, của truyền thông đề cảm thông, của học hỏi và giải trí, của con người và thiên nhiên, của lịch sử và xã hội. Vì thế, vào đời đề tạo đời là một hành động rất người và rất thánh. Cho nên, nhân và thánh ngày nay thường không phải là kẻ rút lui ra khỏi lịch sử và xã hội nữa, nhưng là người làm lịch sử và đổi mới xã hội trong nhà máy, phòng nghiệm, cũng như ở nghị viện và trong gia đình.

Vấn đề chỉ là hành động như mọi người, nhưng với tâm hồn và phong độ khác người của thánh nhân. Đạo phải vào đời đề cải đời thành đạo, chứ không phải đề tan mất giữa đời. Chúng ta có thể làm như thế với ơn Trời và phương pháp tu tâm của Ấn. Chúng ta có thể giữ như thế với lý tưởng nhập thế Ky tô giáo và truyền thống diệt dục của Ấn, Phật giáo. Mà có giữ như thế, con người mới bình an và hạnh phúc, mới thể hiện được lý tưởng vượt thế, tức Bất tử, mà lòng họ hằng mơ ước và căng thẳng về.

BÉTALGINE

(B₁ + B₆ + B₁₂)

Chuyên trị :

Bệnh tê-thấp đau thần kinh, đau lưng,
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng.



Laboratoires TÈVÈTÈ SA
136, Yên-Đồ — Saigon

Tín-ngưỡng dân số-ít gốc Miền Nam

NGUYỄN BẠT-TUY

Mỗi khi nói đến *dân số-ít*, mà ta quen gọi là người thiểu-số, ta thường nghĩ ngay đến người Thượng. Thật ra, về dân số-ít gốc miền Nam, một sự phân biệt hợp lý và có hệ thống phải:

— đề ngoài những dân số ít miền Bắc di cư vào Nam, trong đó có người Tày (hay Thái), người Dao (hay Mán)¹, người Mông (hay Mèo)², nhất là người Giao-Mường, quen gọi là Mường, vốn chỉ là người Giao ta ở miền núi mà còn giữ những nếp sống cổ xưa³.

— gồm làm một dân Miền với các dân Thượng Âu⁴, trong đó, nếu kể từ Bắc xuống Nam, có những dân Bru, Pako (với Pahi), Katu, Takuò, Kuò (Kor hay Kol tùy vùng), Horê (ké Sơn hà, Roba Minh long)⁵, v.v.

— gồm làm một dân Chàm với các sắc dân Thượng Nê⁶, trong đó có những dân Churu, Raglai, Êđê, Mơđu (Mơđu), Trunk, Giarai, Harwai.

Nếu lại nói đến *tín ngưỡng* thì ta phải hiểu là có hai loại: một loại tự nhiên theo tập tục, mà bất cứ sắc dân nào cũng có, và một loại có thể tổ chức thành tông-phái, có luật lệ giáo điều, mà ta gọi là *tông-giáo*⁷, hay *đạo*.

Chẳng hạn, tục cúng dàng của người Thượng là một « *tín ngưỡng* » mà không phải là « *tông giáo* », trong khi các đạo Phật, Ki-tô, Tin lành, Hồi, Bà la môn, Ba hai, Cao đài, Hòa hảo, v.v., vừa là « *tông giáo* » vừa là « *tín ngưỡng* ».

Vì phạm vi nhỏ hẹp của bài này, tôi chỉ có thể trình bày đề-xét một cách khái quát, mà phân biệt các *tín ngưỡng* của các sắc dân số-ít gốc miền Nam theo ba nhóm: Miền, Chàm và Thượng. Những hình ảnh muốn trình bày cho bài viết thêm đầy đủ, tôi cũng đã phải tự ý lược bỏ, vì ngại gây tốn kém cho *Phương đông*, nhưng tôi có thể nói rằng phần lớn những tài liệu nêu ra dưới đây đều được ghi nhận bằng bằng châu thanh và

1. Tiếng người Mán tự xưng: Yaw.

2. Tiếng người Mèo tự xưng: hmunk.

3. Xin xem bài « Tét người Giao-Mường », *Phương đông* số 19-20.

4. Túc Austroasiatique, trước quen gọi là Mon-Khmer.

5. Xin xem chi tiết ở *Phương đông* số 15, tr. 214-215.

6. Túc Austronésien, đề chỉ chung các dân Nê Đen (Mélanézien) Nê Nhiều (Polynésien), Mã lai, Java, Xumatra, v.v.

7. Tiếng *tôn giáo* đầu nay quen dùng, vẫn nên bỏ, vì chỉ là một tiếng ký hủy với *tông* đã đổi thành *tôn*.

bằng từng bộ phim màu đề sang hay đề chiếu (slides), trong đó có bộ lớn đến 400 tấm hình-chiếu và hình-sang, như bộ « Lễ tôn-chức Thầy-cà Bà-la môn » sẽ đề cập ở phần TÍN NGƯỠNG NGƯỜI CHÀM.

Ngoài ra, vì lối viết quốc ngữ rất thiếu sót và sai lầm, ở bài này tôi đã phải thay đổi đôi chút các phiên âm theo khả năng ấn loát đề diễn tả âm thanh cho càng chính xác càng hay. Dưới đây là vài chỉ tiết mới về phiên âm đề bạn đọc chú ý đến :

c thay cho ch vì tiếng Miên tiếng Chăm, cùng nhiều tiếng Thượng có ch là âm-cản-ép c + âm hô h. Thí dụ : Miên *chnăM* « năm » khác *căMpa* « bông sứ ».

ey, êy, ow, ôw thay cho ay, ây, au, âu. Thđ : *séyma* thay vì *sâyma*.

M, N, nk chỉ những âm-mũi chặc, sau một âm-chính ngắn, thay cho m, n, ng là những âm lỏng chỉ dùng sau một âm-chính thường. Chẳng hạn tiếng Miên có *thôM* « lớn », đọc với giọng ngắn, khác *thôm*, có giọng thường, của ta, cũng như *thăM* đối với *tham*.

Cách phát âm Miên và Chăm đều theo giọng ngày nay mà không theo chữ, nhưng mỗi khi có thể sẽ chưa thêm hình thức xưa đề bạn đọc rộng đường tìm hiểu. Ngoài ra, người Miên miền Nam đã ưa pha giọng huyền và hỏi vào một số

tiếng vốn không thanh, nhưng cáo giọng này sẽ không được chua vì chưa có tác dụng biện-biệt (fonction distinctive), trong khi giọng huyền Chăm được ghi nhận cần thận vì ngày nay nó biệt-nghĩa được, nghĩa là có tác dụng (fonctionnel).

xxX

I. TÍN NGƯỠNG NGƯỜI MIÊN

Người Miên miền Nam có nhiều nhất ở các tỉnh An giang, An xuyên, Ba xuyên, Bạc liêu, Bình long, Châu đốc, Chương thiện, Gia định, Kiên giang, Phong dinh, Phước long, Tây ninh, Vĩnh bình, Vĩnh long. Nếu xếp theo thứ tự số dân lớn nhỏ, ngôi thứ các tỉnh trên đây sẽ như sau : Vĩnh Bình, Ba Xuyên, Kiên giang, Châu đốc, Bạc liêu, Chương thiện, Phong dinh, Vĩnh long, Gia định, Bình long, An giang, Phước long,, Tây ninh, An xuyên.

Cũng như bất cứ giống dân nào người Miên có những tín ngưỡng thông thường theo tập tục. Ở nhiều vùng, mỗi xóm Miên thường có một miếu ông Tà⁸ (pteah neak Ta) đề dân xóm đến khấn vái. Cũng có am ông-xác đề, với khăn đỏ áo đỏ, ông xác lên đồng (*Lêng reg* : nói là *hểg* ở Ba xuyên), mà

8. Ta chỉ có nghĩa là « ông », như trong *Ta Pa*, « Ông Pa », một-tên núi ở Trĩ Tôn, quen nói là *Ta Pá* ta đã hiểu chệch nghĩa mà nói *ông Tà* cũng như *ông Thăn*.

truyền lại những lời phán bảo của thần thánh cho tín-chủ.

Nhưng hầu hết người Miên đều theo đạo Phật và cái Chùa là nơi họ đã gói gắm cả cuộc đời. Nếu làm một vòng qua các tỉnh có nhiều người Miên nhất, ta sẽ thấy những ngôi chùa làm theo cùng một kiểu về đại cương, nhưng lớn hay nhỏ về kích thước, đẹp hay vừa về chi tiết, tùy khả năng tài chánh của tín đồ mỗi miền.

Chẳng hạn, không kể Chùa Miên ở đường Trương minh Giảng Saigon, mới xây cất gần đây và không có gì đặc biệt, nếu đi Ba Xuyên ta có thể thấy một loạt chùa như chùa Sóc trắng (*Srok Khleung*) ở ngay thành phố, chùa CămPa « bông xứ » ở làng Phú tâm, mà tên Miên là Kompônk Thôm (trùng với tên một tỉnh ở Kămpuchia, nghĩa là Bến Lớn), chùa Tài SuM ở ấp Tài SuM A, chùa Bãi Xàu ở cách thành phố 5 cs. Từ Ba Xuyên quanh sang Vĩnh bình. ta có thể thấy chùa Bôđhi Salarec (nói là Pôthi), gần nhà thờ đường Lê Lợi và chùa Samrông Ec ở ngay tỉnh lỵ Phú Vinh, trong số 137 chùa của 74 xã thuộc hội Phật giáo nguyên thủy.

Đi Long-xuyên mà rẽ về Ba-thê Mới⁹ ta gặp ngôi chùa đại thừa Kal Bô Pruk, tuy không to lắm nhưng tiêu biểu cho nếp sống tông giáo người Miên ở đó, mà Vùng Ốc-eo, ở ấp Trung sơn chỉ cách

xã Ba thê 4 cs, có lẽ còn giữ được một số di tích lịch sử, mặc dầu trước đây đã có nhiều cuộc đào bới. Từ xã Ba thê có kinh ra núi Tượng (*phnôm Pruh*) qua ấp Hạc-phong, nhưng ta qua ấp Vọng-đông để đi núi Sập thì cũng thấy thêm một chùa Miên ở ấp Vĩnh-trạch.

Từ Long xuyên đi Rạch giá, trong tỉnh Kiên giang, ta nhận thấy chùa chiến đã kém lớn, và ngôi chùa Phật lớn, không xa thành phố là bao, có một kiến trúc thật sơ sài nhất là ở phần mái. Trái lại, chùa Sóc Xoài ở trên đường Rạch giá Hà tiên có phần khá hơn, và từ Sóc Xoài nhìn theo con kinh Ba-thê thẳng tắp ta có thể nhận ra núi Ba thê ở mút xa xa. Nếu đi tiếp tới Hà tiên, ta còn gặp hai chùa Miên, một ở ấp Bãi Chà-và và một ở ấp Bãi Ớt, chưa kể một chùa Miên có cái tên lạ lùng là Xa Xía, so với tên Miên Khêtaq¹⁰ bo Rovên « tỉnh chung quanh », ở ranh Giao—Kămpuchia. Chùa này nằm trong một khung cảnh đầy cau giữa một vùng đồng ruộng ở làng Mĩ đức, nơi đó rải rác những cây thốt nốt (*thnốt*), hình ảnh đặc biệt của nếp sinh hoạt người Miên.

9. Từ Long xuyên đi tác ráng, một thứ xuống máy dài nhỏ... ta đi thẳng ngay dưới cầu sắt thì tới Ba thê Cũ, còn rẽ tay hữu, qua vùng sò (Krôm Kreng) thì tới ba thê Mới.

10. Chữ q chỉ một âm-cản ngang-hầu (Occlusive larynghe).

Nhưng phải đến quận Tri tôn thuộc tỉnh Châu Đốc ta mới nhận thức được mối quan hệ giữa người Phật tử Miên và ngôi chùa mật thiết như thế nào. Hai chùa Sway Tông ở ngay quận lỵ và chùa Kôk Rômdel ở làng An hảo thì thuộc phái Đại thừa, còn ngôi chùa Prêy Veng thì thuộc phái Tiểu thừa, chưa kể vài chùa nhỏ hơn như chùa núi Tà Pá (*phnôM Ta Pa*), chùa núi Pi (*phnôM Pi*), v.v... Mối quan hệ ấy ở cả trong kiến trúc chùa lẫn trong những hoạt động tông giáo của sư sãi và Phật tử.

XXx

Về kiến trúc chùa Miên thì đại khái ngôi nào cũng xây giữa một sân gạch lớn, có lan can hay tường gạch bao quanh, với một cổng gạch làm rất diêm dúa. Mái chùa thường có hai đầu nó cong vút và lợp thành 3 hay 5 khúc tùy chùa nhỏ hay lớn. Khúc giữa mái luôn luôn cao nhất và thường có một hình đầu người bốn mặt với chóp dài ở trên, gọi là *muK PrôM* : *PrôM* là tên một nhân vật thần thoại, nhưng vài sư sãi trẻ tuổi học ít mà cũng không biết mà gọi lầm hình đầu người ấy là *muk-Prurah* (mặt Phật).

Cửa sổ quanh chùa khá nhiều, nhưng thường đóng kín, để gìn giữ cảnh tôn nghiêm của phía trong chùa trông thông thoáng từ cửa vào đến bề Phật qua hai hàng dọc những cột cao đôi khi sơn vẽ công phu. Bề Phật (*Palănk Prurah*) thường có

nhiều tượng lớn nhỏ, và một số có thể do các chùa khác đem đến gởi. Phía trên bề có những lẵng hoa bằng giấy đủ màu mà Phật tử đem đến cúng, và một bên bề cũng có một cái ghế giảng-kinh (*kre tēyh*) đôi khi làm thành hình một con nai (*proh*) có gắn bánh đề vị sư thuyết pháp ngồi trên.

Về phần ngoài chùa, ở bốn góc chùa thường có bốn kiến trúc bằng gạch nhỏ, gọi là *sēyma*, đề yếm chùa khi khởi công xây cất, trong khi cái thứ năm nằm chôn ngay giữa chùa ở phía trong. Cái *sēyma* này, mà nhiều sư sãi vùng Kiên-giang nói chệch thành *sama*, có một phần « rễ » (*ruh sēyma*) ở dưới sâu và một phần « lá », (*slăk sēyma*) ở nổi trên mặt đất. Lễ đặt đá yếm (*coh sēyma*) là một lễ rất quan trọng và thiện nam tín nữ đem cúng vào chùa không thiếu thứ gì vào dịp này.

Phía trước chùa luôn luôn có nhiều tháp-táng (*ced dēy*) để chứa tro những người chết đem chôn ở chùa : vùng Tri tôn có lẽ chiếm bậc nhất về những *ced dēy* xa hoa mỹ lệ thực hiện bằng gạch men đủ màu đủ kiểu. Vì tục người Miên là thiêu xác, nhiều chùa có cả một cái lò thiêu để làm công việc ấy, trong khi nhiều đám thiêu khác thực hiện ở ngoài đồng với sự ban phép lành của sư sãi. Đó là nhà nghèo thì thiêu ngay sau khi đưa ma, nhưng nhà giàu thường chôn hết ba năm rồi mới lấy cốt lên

thiếu. Ngoài ra, chùa nào cũng phải có một nhà trú (*sala*) cho các sư sãi và cả một nhà-học (*sala riên*), nếu là một chùa lớn. Chính trong *sala* này mà sư sãi ăn những bữa cúng-dường.

xXx

Về đời sống tín ngưỡng của người Miên có thể nói rằng đó là hình ảnh rõ rệt của lòng thành tín. Họ có những đám « làm phước » (*boN*), trong đó họ mời sư sãi đọc kinh cầu an, khi giỗ cha mẹ, khi làm gì được linh lợi, hay khi khẩn việc gì có kết quả mà cần trả lễ. Họ có tết chịu tuổi (*cóy chnăM*) vào tháng 3, trong đó người chịu tuổi đi chùa 3 ngày, đem dầu thơm tẩm Phật và cơm canh cúng sãi, rồi mời khách họp nhau ăn.

Lại có lễ cầu-an (*thvor bǎN komsan*) vào cuối tháng 4 của thôn ấp tổ chức trong 3 đêm ngày ở một rạp lớn dựng lên. Ngày thì người ta làm cơm nước rước ông lục (*lóg*) đến đãi, còn đêm thì các ông tụng kinh, thuyết pháp, rồi ban tổ chức đưa ra các cuộc vui, trong đó có hát rằm (*roM labǎN*) : nói là *hổM* ở vùng Sóc trắng.

Đến tháng 10 thì có lễ dâng y rất sang trọng để biếu áo vàng « *kathǎN* » cho sư sãi sau một cuộc rước áo quanh làng trên kiệu áo (*riêng kathǎN*). Lễ nhận áo cử hành trong chùa, và cái cảnh mấy chục sư sãi, sau khi đã cầu kinh ban phước cho các người cúng, đứng lên cời áo cũ ra đồng thời

mặc áo mới vào ngay trước các thiện nam tín nữ, nhưng một cách rất kín đáo vén khéo, là một cái gì thật lạ mắt.

Cũng vào dịp này, có tục ăn cơm-giệp (*og oMbok* ; quen nói chệch thành *irMbok*) cho trẻ con. Người ta bày ban cúng ngoài sân rồi những người già cả hỏi trẻ con muốn gì để khi nó nói điều nó muốn thì cầu chúc cho nó đạt được nguyện vọng. Sau đó trẻ con được ăn cơm-giệp mà cha mẹ nó thường đâm lấy ở nhà : chúng thường lấy khúc chuối chắm cơm mà ăn. Nhiều đứa ăn vội, lại gặp cơm khô, thường mắc nghẹn, và người ta phải đâm lưng cho chúng để chúng nuốt trôi được tảng cơm.

Cố nhiên, không ai là không biết những cuộc đua ghe-ngo (*tug ngwo*) vào dịp lễ đưa nước hàng năm của người Miên vào giữa tháng 10. Ở Sóc trắng chẳng hạn, bấy giờ nếp sống trầm lặng của người dân chất phác cũng như của các sư sãi thoát tục vụt chốc bằng dậy. Các chùa Bãi Xàu, Tầm Vu, Bắg xa, Chẳm pa, v.v., đua nhau sửa soạn dự cuộc. Sư sãi áo vàng ngồi trên những chiếc ghe hầu (*tug hỏw*) gắp máy hay chèo tay và có đủ những màn xanh đỏ, để theo dõi cuộc đua và ngắm chiếc ghe đua chùa mình một cách hãnh diện.

Với 47 tay đua vạm vỡ, trong đó có một người đánh công điều khiển ở giữa, một người ngồi mũi, một người đứng lái, chiếc ghe đua

vươn cái mũi (*kbal tug*) uốn cong lên và giương cặp mắt (*phneg tug*) hau hâu ra, như một con ngựa đua đang rướn cổ để lấy thêm thế-trước khi về đến đích. Nhưng khác con ngựa đua, chiếc ghe đua còn có một mâm cúng nhỏ đặt ở đằng mũi, nơi đó người đua đặt hết tin tưởng vào : cờ vàng và tua xanh đỏ để trang hoàng cho thêm vẻ, long đỏ nhỏ để che cái *sala thor* gồm có nải chuối cầm nhang và một trái dừa.

Nhưng quan trọng nhất là lễ an táng một hòa thượng, mười năm gặp một lần. Cách đây vài năm, ở Ba xuyên có ông Sãi nhì (*anug*

kwoN) ¹¹ viên tịch ở chùa Tài Sum thì, sau khi chùa này lễ ba ngày, các chùa khác lần lượt đến đó dâng lễ, mỗi chùa một ngày. Phải được dự một lễ cầu siêu như thế mới thấy cái cảnh tụng niệm lễ bái của người Miên thành khẩn ra sao, ngoài cách trang hoàng bày biện các ban-thờ, nhất là chỗ đặt cái quan rất mất-tiền trong đó vị hòa thượng sẽ an nghỉ hàng tháng để chờ ngày lành tháng tốt mà được đem đi thiêu xác.

Đà Lạt, ngày 16-4-73

NGUYỄN BẠT-TUY

11. Ông Sãi cả (*mé kwoN*) thì ở chùa Kế-sách.

II
TRĂNG

Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

Khổng giáo vô thần hay hữu thần

NGUYỄN-VĂN-THỌ

(Tiếp theo PĐ. số 23)

5— QUAN NIỆM VỀ THUỘC ĐẾ QUA TƯ THƯ NGŨ KINH.

Phân tách lại những lời vua Khang Hi phiên trách các đức Giáo Hoàng thời ấy, ta thấy hiện rõ ra mấy điểm sau đây :

Các Ngài đã không tin những giáo sĩ dòng Tên là những người thông hiểu tâm lý Á Châu, lại cũng là những người rất tinh tường về Hán tự, mà lại đi tin những giáo sĩ chân ướt chân ráo ở Trung Hoa, không biết gì về đạo giáo, về phong tục tập quán, về từ ngữ Trung Hoa, đề rồi đưa ra những nhận định hết sức sai lầm, những quyết định hết sức tai hại. (1)

(1) Khang Hi trao trả cho sứ thần Mezzabarba thông điệp Ex Illa Die với lời nguyền phê đại khái như sau :

« Tout ce qu'on peut dire en voyant ce décret est de se demander comment les Européens Ignorants et méprisables osent parler de la Grande Doctrine des Chinois, eux qui n'en connaissent ni les règles, ni les pratiques, et ne peuvent comprendre pas même les caractères qui la fixent.

« Aujourd'hui le légat apporte un décret qui ressemble à ce qu'enseignent les sectes impures des Hoxans (religieux bouddhistes) et des Tassous (religieux taoïstes) qui se déchirent avec une cruauté impitoyable.

« Il n'est pas à propos de permettre aux Européens d'annoncer leur loi à la Chine. Il leur faut défendre d'en parler, et par ce moyen, on s'épargnera bien des affaires et bien des embarras... « Moi Empereur, qui m'applique à démêler ce qui est d'avec ce qui n'est pas, moi qui sais parfaitement distinguer le vrai d'avec le faux, j'ai disputé avec Yenn-Tang (Mgr Maigrot) pendant plusieurs jours sur les articles précédents, et j'ai démontré qu'on ne pouvait pas les approuver.

« Cet homme ne connaît pas cinquante caractères chinois, et encore n'en a-t-il jamais bien pénétré le sens. Il est allé communiquer à Rome les troubles qu'il avait répandus à la Chine. Cet homme est devenu l'ennemi de la religion chrétienne ; il s'est rendu coupable de révolte dans l'Empire.

« Mais n'est-il pas surprenant que tant de personnes que J'ai envoyées à Rome, pas une ne m'a fait réponse et n'a dit un mot pour me tirer de peine. On a poussé le crime jusqu'à tuer en secret ceux que j'avais chargés de mes ordres. (xem tiếp trang sau)

Gần đây Ông Malcolm Hay cũng có những nhận xét đại loại như vậy. Ông viết : « Ferdinand Verbiest (đồng tên) là một nhà Thiên văn, một nhà toán học, một kỹ sư cơ khí, đã ở Trung Hoa bốn mươi tư năm và đã gây được nhiều cảm tình với những nhà học giả Trung Hoa. Verbiest đã gặp phải cái nạn là làm Bề trên dòng Tên tại Trung Hoa thời mà Mairot và Pallu sang tới Trung Hoa tức là vào năm 1684. Maigrot và Pallu đã dạy Verbiest cách phải làm đề giảng đạo và thu phục người Trung Hoa. Ít người trong giới Công giáo ngày nay đã biết chuyện L.M. J.H.M. de Prémare (1665-1735), một học giả lỗi lạc về Trung Hoa. Ông đã dày công khảo cứu các thư tịch Trung Hoa, trong vòng hơn 30 năm trời, ấy thế mà đã bị hàng Giáo phẩm Lamã vừa mới tới Trung Hoa, không hề biết một chữ Hán nào bắt Ông phải thay đổi những ý nghĩa mà Ông đã tìm ra. Ông chỉ được phép ở lại chức cùng với các đồng nghiệp Ông, với điều kiện là tuyên thệ thay đổi quan điểm của Ông (1).

« Tous ces malheurs sont des suites de l'ignorance de Yenn-Tang qui n'a su écrire correctement deux caractères de ma langue. Il a indisposé tout le monde contre lui en Chine. Il mérite d'être rangé avec les Hoxans et les Tassous qui suivent comme lui une doctrine perverse. » (*Les Jésuites en l'Extrême Orient*, p. 183)

... Un Jésuite français éclaire ce point précis :

« L'Empereur devient tout mal plaisant et n'a que dégoût de nous, quand Il voit déjà deux légats du Saint Siège n'être venus de si loin que pour lui enseigner la grammaire chinoise et lui apprendre de la part de Mgr Maigrot que le *T'ienchangti* de l'antiquité ne signifie que le ciel matériel et le « *ling groé chin hoéi* » des tablettes ne signifie que la présence réelle des âmes... Cela nous fait sécher de douleur. » Ib. 184

- 1) ...Ferdinand Verbiest; astronomer, mathematician, engineer, who spent forty years in China and earned the amity and admiration of the Chinese Intellectuals. Verbiest had the misfortune to be the Jesuit Superior in China when Pallu and Maigrot arrived there in 1684, to give him instruction how to convert the Chinese.

Few people in the Catholic world today, apart from specialists in the history of missions, know the story of J.H.M. de Prémare (1665-1735), one of the greatest sinologists of all time. Although he had worked on Chinese texts for more than thirty years, he was ordered, by Roman ecclesiastics who did not know a word of language, to deny the meaning he had found in them. He was permitted to remain in office only on condition that he would agree, like the rest of his brethren, to retract his opinions under oaths...

Malcolm Hay, *Failure in the Far East*, p. 154

...Các giáo sĩ sô dĩ không dám dịch Thiên, Thượng đế là « Dieu » vì e làm thế sẽ khổ giảng đạo, vì như vậy công nhận Trung Hoa đã biết chân Chúa từ lâu. Các giáo sĩ cho biết bên Nhật đã dùng chữ Thiên, Thượng đế để dịch chữ « Dieu », nhưng sau đã làm cho nhiều trí thức tân tông bỏ Công giáo. (tiếp trang sau)

5— QUAN NIỆM THƯỢNG ĐẾ QUA TƯ THƯ NGŨ KINH.

Lập luận của các giáo sĩ Âu Châu, khi cho rằng Không giáo là vô thần đại khái có thể toát lược như sau :

Công giáo tin có một đấng Chủ tể Càn khôn và thờ phượng đấng chỉ tôn ấy, cho nên đạo công giáo là đạo hữu thần.

Không giáo không biết đấng Chủ tể càn khôn ấy, lại thờ Trời, mà theo họ thì Trời chỉ là trời mây, vô tri vô giác, vì thế nên Không giáo là vô thần, là tà đạo.

Linh mục Ruggieri viết :

« Trời không phải là thần minh mà là tòa của thần minh... Có thể ông Không đã dùng chữ trời mà chỉ một trí tuệ tối cao, nhưng tôi không biết ông Không đã nghĩ thế nào ? » (1).

Thật là một luận điệu hết sức là ngây ngô !

Ở Á Đông thì chắc không có ai dám nghĩ rằng Trời là Trời mây, khi nói Trời xem, Trời nghe, Trời giận, Trời phạt, Trời muốn v.v...

Ở Bắc Kinh xưa có đền thờ Trời trong đó có bốn chữ đại tự thiếp vàng : « *Hoàng Thiên Thượng Đế* » 2.

Chẳng lẽ *Hoàng Thiên Thượng đế* cũng là *Trời mây vô tri giác* ?

Khảo Tư Thư ngũ Kinh, ta thấy người xưa đã coi Trời như là một vị Chủ tể Càn Khôn, một vị Thượng đế cai quản quần sinh Vũ trụ.

(Des défections retentissantes de chrétiens influents apprendrent bientôt aux missionnaires combien il était périlleux au Japon, de se servir des termes chinois, comme Chang-ti, Tien pour Dieu ; ils en avertirent le visiteur, le P. Pasio, qui en référé aussitôt au nouveau supérieur de la mission de Chine, le P. Longobardo. (*Sagesse chinoise et philosophie chrétienne* P. 110) Vì thế sau này Longobardo dịch Thiên, Thượng đế là trời, là ảnh hưởng. Các nhà khoa bảng công giáo Trung Hoa rất bất mãn.

1. Le ciel n'est pas la divinité, mais le siège de la divinité... Peut-être par ce mot que vous croyez signifier le ciel, votre Confucius a-t-il voulu désigner cette intelligence suprême qui gouverne le ciel et la terre, mais j'ignore ce qu'il a pensé au juste (quid ille senserit ignoro).

Catéchisme du P. Ruggieri (1584) ; *Opere storiche*, Tome II page 507-520 — Henri Bernard Maitre, *Sagesse Chinoise et philosophie Chrétienne*, p. 99.

2. Cf. A.M. Bùi Hữu Ngạn, *Thượng đế trong Nho giáo*, tr. 47.

Điều này quá rõ ràng sáng tỏ, mà bất kỳ một người nào có thiện tâm, thiện chí, cũng phải công nhận như vậy.

Ta chỉ cần lấy ít nhiều câu trong Tứ Thư Ngũ Kinh minh chứng điều ấy.

Khảo Tứ Thư Ngũ Kinh, ta thấy người xưa chẳng những tin Trời kính Trời như vị Chúa Tể Càn Khôn, mà còn ước mong có một đời sống thánh thiện như Trời.

Trong Mạnh Tử, có thuật lời Đức Khổng bình về vua Nghiêu như sau :

« Vua Nghiêu đức nghiệp lớn thay. Chỉ có Trời là lớn ! Chỉ có vua Nghiêu là bắt chước Trời. » (1)

Khi vua Thuấn lên ngôi (2255) đã tế lễ Thượng đế. (2)

Vua Đại Võ, khi còn là hiền thần đã biết khuyên vua Thuấn sống cuộc đời đức hạnh « để có thể huy hoàng rực rỡ lấy Thượng đế. » (3)

Lúc trị thủy thành công trở về, Đại Võ dâng vua Thuấn một tấm ngọc huyền khuê, để báo cáo công việc hoàn thành (4). Phó Diễn bình rằng : Vũ dâng Thuấn ngọc huyền khuê là muốn nói cùng vua Thuấn :

« Đức hạnh của nhà vua đồng nhất với đức hạnh Trời. » (5)

Các vua sáng lập nhà Ân (1766-1122) cũng đã biết sống cuộc đời phối kết với Thượng đế.

1. Khổng tử viết : « Đại tại Nghiêu chỉ vi quân. Duy Thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi. »

(Mạnh Tử, Đằng văn công, chương cú thượng, 4)

2. Tứ loại vu Thượng đế.

Kinh Thư, Thuấn điền, 6.

3. Dĩ chiêu thụ Thượng đế.

Thượng Thư, Ích Tắc 2.

Jame Legge đã dịch Dĩ chiêu thụ Thượng Đế là You will brightly receive God. (Jame Legge, The Shoo King, Part II, Book IV, Ch. 1, 2, 4, note p. 79)

4. Kinh Thư, Vũ công, 38

5. Ngô quân chi đức dũ Thiên vi nhất.

(Couvreur, Chou King, p. 89)

Kinh Thi viết :

« Thừa nhà Ân còn thời thịnh trị

Đã từng cùng Thượng đế tất giao, » (1)

Vũ Vương (1122 BC) đã điều động binh tướng đánh Trụ vương với danh nghĩa « Thay Trời trừ bạo ».

Trong bài diễn văn quan trọng đề hô hào tướng sĩ ở Mạnh Tân, sau khi đã kể tội ác của Trụ vương, vua nói :

« Hoàng Thiên đã chán nộ, sai cổ quân tôi là Văn Vương kính cẩn ra oai Trời, nhưng đại sự chưa thành tựu. Tôi nay, còn là trẻ nít, ngày đêm những cùng lo sợ. Tôi đã nhận lãnh sứ mạng do cổ quân tôi, tôi đã tể lễ Thượng đế, tôi đã làm lễ nghi kính đất đai, và tôi nay hướng dẫn chúng tướng sĩ thi hành hình phạt của Trời. Trời thương dân chúng. Cái gì dân muốn, Trời cũng sẽ nghe theo. Xin các tướng sĩ hãy giúp tôi quét sạch bốn biên. Thời cơ này xin chớ để mất » (2)

Lúc lâm trận Mục Dã, trước một đạo binh vô cùng đông đảo của Trụ Vương, đề khuyến khích ba quân, Võ Vương đã kêu lên : « Thượng đế ở với ba quân, ba quân hãy vững lòng vững dạ ».

Kinh Thi viết :

Quân Thương Ân bạt ngàn Mục Dã,

Một rừng người chặt cả sa tràng.

Cho ba quân thêm dạ sắt gan vàng,

Võ Vương kêu : Thượng đế ở cùng ta đó,

Ba quân hãy vững lòng vững dạ. » (3)

Thượng đế trong Tứ Thư Ngũ Kinh có nhiều danh hiệu :

1. Ân chi vị tống sư,
Khắc phối Thượng đế.

(*Kinh Thi*, Đại Nhã tam, Văn vương chi thập tam chi nhất, chương 6)

2. *Kinh Thư*, Thái thệ thượng, 5-10.
3. *Kinh Thi*, Đại Nhã, Đại Minh, 7.

Đế (1), Thượng đế (2), Thiên (3), Hoàng Thiên (4), Thượng Thiên (5), Hoàng Thượng đế (6), Thiên Hoàng Thượng đế (7), Thượng Thiên Thần Hậu (8), Hoàng Hoàng Hậu đế (9)... Ấy là chưa kể đến những danh từ trừu tượng siêu hình như Dịch (10), Thần (11), Thái cực (12) v.v.v.

Trong Cựu Ước Công giáo, nhiều khi ta thấy Chúa mượn hình người xuống gặp gỡ các tổ phụ, ví dụ đã gặp Abraham ở gốc cây sồi Mambré (Sáng thế kỷ 18-1, 23) hay Jacob (Sáng thế kỷ 32-22, 23) hay Moïse (Exode 32-10, 11) v.v.v.

Trong Tứ Thư Ngũ Kinh trái lại tuyệt nhiên không thấy có sự hiện hình theo nhân dạng đó, vì Khổng giáo chủ trương Trời không tiếng không hơi (vô thanh vô xứ) (13) Tuy nhiên, Thi, Thư cũng một đôi lần ghi chép những lời Thượng đế phán bảo cùng các vị Thánh vương.

Kinh Thư, Thiên Duyệt mệnh thượng ghi chép : Vua Cao Tông (Vũ Đinh 1325BC) nằm mộng thấy Thượng đế ban cho một hiền thần. Vua tỉnh dậy, cho họa ảnh đồ hình, tìm tòi khắp trong nước. Quả nhiên gặp được Phó Duyệt ở đất Phó Nham đúng như hình vẽ. Vua liền phong cho Phó Duyệt làm tể tướng và giữ luôn bên cạnh mình. (14)

Kinh Thi, thiên Hoàng hĩ, có ghi những lời Thượng đế phán bảo cùng Văn Vương. (15)

1. *Kinh Thư*, Duyệt mệnh thượng 2. — Hồng Phạm 3-15. — Kim Đẳng 7.
2. *Kinh Thư*, Thuần điền — Thái giáp hạ 3. — Bàn Canh hạ 6. — Thái thệ thượng 6, 7, 10. — Thái thệ hạ 3. — Vũ thành 6.
3. *Kinh Thư*, Thái thệ 7. — Thái giáp thượng 2.
4. *Kinh Thư*, Thái giáp thượng 5. — Duyệt mệnh trung 10. — Y huấn 2.
5. *Kinh Thư*, Thương cáo 2.
6. Ib.
7. Legge, *The Shoo king* Part II, Book III, 2 notes.
8. *Kinh Thư*, Thương cáo, 4.
9. *Luận ngữ*, chương XX, 3.
10. Dịch, Hệ từ thượng, chương 7 câu 2.
11. Dịch, Thuyết quái, chương 7 câu 1.
12. Dịch, Hệ từ thượng, chương 11 câu 5.
13. Trung Dung, chương XXXII.
14. *Kinh Thư*, Duyệt mệnh thượng, 2.
15. *Kinh Thi*, Đại Nhã Tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất.

Kinh Thi viết :

Thượng đế gọi vua Văn phán bảo,

Người chớ nên trở tráo đảo điên.

Đừng cho dục vọng tàn phiền,

Đừng vì ngoại cảnh rối ren tơ lòng... » (1)

Trời đôi khi cũng phần nộ (2) vì những lỗi lầm (3) thất bại (4) hay tội lỗi (5) của các nhà cầm quyền, có khi cũng ra uy (6) giáng tai ách (7), nhưng thật ra ngài thương muốn dân vô hạn (8) đến nỗi muốn đồng hóa mình với chúng dân (9)

Kinh Xuân Thu cũng viết :

« Trời rất thương dân. Có lẽ nào Trời để cho một người trị dân theo ý riêng mình, theo tính xấu mình mà phế bỏ tính trời đất, ắt không thể nào được. » (10)

Trời oai nghi (11) nhưng luôn luôn để mắt nhìn xuống muốn phương (12) để điều dắt ám trợ chúng dân. (13)

Kinh Thi viết :

« Kia Thượng đế muôn trùng cao cả,

Oai nghi nhìn thiên hạ chúng dân.

1. *Kinh Thi*, Đại Nhã, Văn Vương, Hoàng hĩ Thượng đế 5, 7, 9

2. *Kinh Thư*, Hồng Phạm 3.

3. *Kinh Thư*, Hồng phạm 3.

4. *Xuân Thu*, Trang công năm 2.

5. *Kinh Thư*, Thái thế 9

6. *Kinh Thư*, Đại cáo.

7. *Kinh Thư*, Thái thế thượng 11.

8. *Kinh Thư*, Thái thế trung 7.

9. *Kinh Thư*, Thái thế 1

Bị chú : Xin xem thêm, Nguyễn văn Thọ, *Không học tinh hoa* tr. 8, 34

10. *Xuân Thu*, Tả Truyện, Tương công năm 14.

Couvreux, *Le Chou king* p. 310

11. *Kinh Thi*, Đại Nhã, Văn Vương, Hoàng hĩ Thượng đế, 5, 7, 9.

12. *Kinh Thư*, Cao Tông dung nhật, 3.

13. *Kinh Thư*, Hồng Phạm 2.

Nhìn quanh tứ phía hồng trần,
Tìm xem ai kẻ trị dân an bình. (1)

Bởi vì :

« Sinh dân Trời chẳng bỏ liều,
Liệu người cai quản đến điều mới thôi. » (2)

Khảo cứu Tứ Thư Ngũ Kinh ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy dân Trung Hoa xưa đã thờ Trời, tin Trời, kính sợ Trời. Hơn thế nữa họ còn coi Trời như Cha, vì thế mà vua nhiều khi còn được mệnh danh là *Nguyên tử*, là con đầu của Thượng đế. (3) Trịnh Khang Thành bình rằng : « Phàm là người ta, ai cũng là con Trời, *Thiên Tử* là con đầu, là trưởng tử ». (4)

Chính Trời cai trị hướng dẫn chúng dân.

Kinh Thi viết :

« Trời xanh dẫn dắt chúng dân,
Như là tấu khúc nhạc huân, nhạc trị.
Trời người đôi ngọc chương khuê,
Bên cho bên lấy đề huề xiết bao,
Tay cầm tay giặt khéo sao,
Trời xanh dẫn dắt dân nào khó chi. (5)

Như vậy các vua quan chỉ là những người đại diện, những thiên sứ, những tôi tá của Trời (6). Một tổ chức xã hội như vậy là Thiên trị (Théocratie) tức là được cai trị bởi Trời qua trung gian vua chúa.

1. *Kinh Thi*, Đại nhã. Văn vương, Hoàng hĩ Thượng đế I.

2. *Kinh Thi*, Văn vương, Hoàng hĩ 3.

3. *Kinh Thư*, Thiệu cáo, 9.

4. Phàm nhân giai văn Thiên chi tử. Thiên tử vi chi thủ nhĩ. (Legge. *The Shoo king* p. 425)

5. *Kinh Thi*, Đại Nhã, Sinh dân, Bản, 6.

6. *Kinh Thư*, Dận chính, 6.

Kinh Thư, Thang cáo.

Kinh Thư, Đại cáo 8.

Các trang thánh hiền, các thánh quân, hiền thần, đều ước ao sống cuộc đời thánh thiện, phối hợp với Thượng đế.

Những chữ «Phối Thiên», «Khắc phối Thượng đế» được đề cập đến nhiều lần trong Tứ Thư Ngũ Kinh (1).

Thực là lạ lùng khi nhận thấy người xưa đã có một niềm tin ngưỡng sâu xa về Thượng đế như vậy, một quan niệm chính trị và đạo đức như vậy, một lý tưởng đạo hạnh tuyệt vời như vậy.

Ngày nay khảo sát lại, chúng ta chỉ có thể cúi đầu bái phục mà thôi.

Như vậy, Không giáo xét theo Tứ Thư Ngũ Kinh, không có cách nào mà có thể cho là vô thần được.

Cho như vậy, chỉ có thể : Một là không bao giờ đọc tới Tứ Thư Ngũ Kinh, hai là đọc mà không hiểu, ba là đọc hiểu nhưng không có thiện tâm thiện chí, cố ý làm khuất lấp những dữ kiện lịch sử hiển nhiên, những chứng tích đạo giáo minh bạch. Nhưng không ai có thể mãi mãi làm khuất lấp chân lý được...

(còn tiếp)

1. *Kinh Thư*, Thái giáp hạ 3. — Thiệu cáo 14. 6. — Quân thích 8.
Kinh Thi, Đại Nhã, Văn vương 9.

Chu Tụng, Thanh miêu, Tư văn 1.

Trung Dung, Chương XXXI.

LỚP QUỐC HỌA Hưng giáo Văn Đông

Phương pháp cách mạng, học húng thú, mau tấn tới.

Có lớp cho thanh thiếu niên từ 14 tuổi sắp lên.

Có lớp cho thiếu nhi từ 8 tuổi sắp lên.

Do các họa sỹ danh tiếng hướng dẫn :

Thái Tuấn, Nghiêu Đề, Nguyễn Khai...

Học ngày Chúa nhật tại 161, Yên Đờ, Saigon.

Chia làm chia cấp, mỗi cấp ba tháng.

Và ba bậc : Căn bản, Sáng tác, Chuyên biệt.

Có cấp chứng chỉ và văn bằng.

Các khóa khai giảng vào tháng 3, 6, 9 năm 73

Ghi Tên Sáng Chúa Nhật, tại 161, Yên đờ, Saigon.

HỌC PHÍ : Rất hạ. 1.500\$ ba tháng. Lớp chiều trả thêm 300\$

Phật học và Thiền học Việt-Nam

THÍCH-MÃN-GIÁC

Dân tộc Việt Nam, một dân tộc trưởng thành bởi những huyền sử đầy màu sắc tâm linh trong một lãnh địa nhỏ bé, không ngừng hóa hợp và tranh đấu với thiên nhiên để sống còn. Hòa hợp với thiên nhiên, dân tộc Việt Nam khả dĩ tự thành cho mình một bản chất suy tư trầm lặng để đi sâu vào tâm thức. Tranh đấu với thiên nhiên, dân tộc Việt Nam không chối bỏ con đường thực tiễn của đời sống để sống còn và siêu việt.

Đây là nhận định khởi đầu cho những yếu tố tiên khởi cấu thành bản chất con người VN. Nhưng một nền văn hóa không chỉ do những yếu tố nội tại mà thành hình. Do những điều kiện địa dư và lịch sử, dân tộc VN không ngừng trở thành cửa ngõ đi vào của những dòng suối tư tưởng với những khuynh hướng khác biệt từ Bắc xuống, từ Nam lên. Địa dư, Việt Nam là một thành phần trong bán đảo Đông Dương, nằm giữa con đường giao tiếp của hai nền văn minh Trung Ấn.

Lịch Sử, một ngàn năm thời Bắc Thuộc trước khi tiến đến thời kỳ tự chủ, dân tộc VN đã phải trầm mình trong thức hệ của Trung Hoa một ý thức hệ thực tiễn trên

chiều hướng thiết lập thế quân bình và trật tự giữa con người với xã hội. Bởi thế, VN đã là Trung Tâm giao liên cho những trào lưu tư tưởng Á Đông : Khổng Mạnh, Lão Trang, Phật Giáo với Thiền Tông từ Bắc xuống, Mật Tông từ Nam lên qua cửa ngõ Chiêm Thành đã cùng được thu nhận vào trong nhãn quan của con người ở đây.

Theo bước chân thời gian, những khuynh hướng dị biệt trên kia dần dà được chuyển hoá vào đời sống và đời sống dân tộc đóng vai trò gạn lọc để tìm cho con người VN một cái nhìn toàn thể trong một đường hướng tư tưởng Nhất Quán. Khi cái toàn thể Nhất Quán nở ra trong đời sống cộng đồng và tư tưởng trí thức, dân tộc VN đi vào cõi sống huy hoàng. Khi cái toàn thể Nhất Quán đó phân ly và làm phân ly xã hội, dân tộc VN đi vào cõi chết âm u... Nhưng dù sao, không nở ra trong đời sống cái toàn thể Nhất Quán vẫn không mất, mà nằm trong tiềm thức dân tộc để rồi, chờ hoàn cảnh thuận tiện để sống dậy. Đó là nhận định khái quát về đặc chất của giòng lịch sử văn hóa dân tộc.

Nhận định đó, trong tư tưởng Phật Học VN lại càng nổi bật hơn

nữa. Trong nền tư tưởng Phật học Trung Hoa làm xuất hiện những Tông phái phiên toái với những hệ thống tư tưởng rõ rệt, thì nền tư tưởng Phật Học VN lại hầu như chỉ có một Tông Phái là Thiền Tông và Thiền Tông ở đây cũng không hình thành nên một hệ thống tư tưởng riêng rẽ nào trong toàn bộ tư tưởng của Phật Học. Khuynh hướng triết lý thực tiễn của Thiền Học Trung Hoa cùng với chiều hướng ma thuật của Mật Tông, cái nhãn quan « Tam giới Duy Tâm, vạn Pháp duy thức » của Duy-Thức-học cùng với cái Không-Lý của Bát-Nhã Trung-Quán hầu như cũng được thu nhập, bàng bạc khắp nơi và sống còn với thời gian. Đặc chất của dân tộc như thế cũng chính là một trong những đặc chất của nền Phật Học VN.

xxX

Những khảo sát gần đây của một số học giả VN như T.T. Mật Thê, Ông Trần văn Giáp... Căn cứ vào những tài liệu xưa có liên hệ đến Phật Giáo và những tài liệu có tính cách giả thuyết của một số học giả Âu Tây, hầu như đều cho rằng, đạo Phật VN được truyền vào bởi 2 đường : Đường thủy qua trung gian Chiêm Thành và đường bộ qua Trung Hoa. Buổi đầu, đạo Phật chưa thành nền nếp để có tính cách như một tôn giáo được truyền, hầu như là từ những thương nhân Ấn Độ. Phải đợi đến cuối thế kỷ thứ hai và đầu thế kỷ thứ 3, những

người hoằng Pháp (hóa đạo) mới thực sự có mặt. Tên tuổi của 4 vị sau đây gần như không còn gì ngờ vực để xem là những người đầu tiên vào truyền đạo đất Giao Chỉ :

- Ma Ha Kỳ Vực (Masajivaka)
- Khương tăng hội (K'ang-seng-Houei)
- Chi Cương Lương (Tche-Kiang-Loang)
- Mậu-Bác (Méou.Pô)

Trong 4 ngài, Mậu Bác là người Trung Hoa, còn 3 ngài kia đều là người Ấn Độ. Như thế trong buổi đầu du nhập, đạo Phật VN đã mầm mống 2 khuynh hướng :

1/ Khuynh hướng ma thuật thần bí tâm linh của Ấn Độ.

2/ Khuynh hướng triết lý tâm linh của Trung Hoa.

Thời gian này cùng với một thời gian dài kế tiếp sau đó, đạo Phật, dù có dịch kinh (như Ngài Khương Tăng Hội dịch được 15 Bộ kinh từ Sanskrit ra Hán văn, Ngài Thiệu Hữu dịch kinh Pháp Hoa Tam Muội...) dựng tháp, xây chùa, nhưng vẫn chỉ còn trong thời kỳ phôi thai.

Phải đợi đến 580, đời Hậu Lý Nam đế, Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi qua truyền Đạo, trú ở chùa Pháp Vân, Hà Đông, truyền thừa Tâm ấn Thiền Tông, thành lập phái Thiền Tông thứ 1 ở Việt Nam, đạo Phật mới thực sự khởi đầu cho một truyền thống.

Ngài vốn người Nam-Thiền-Trúc, tên chữ Phạm là Vinitaruci năm 574, đến Trung Hoa, không may gặp nạn Võ Đế nhà Bắc chu tàn phá Phật Giáo, đến Hà Nam ngài gặp đệ Tam Tổ Trung Hoa là Tăng Xán, được Tam Tổ truyền Tâm Ấn rồi dạy ngài đi về Phương Nam hóa đạo. Từ cơ duyên đó năm 580, ngài qua Nam Việt, trú trì chùa pháp Vân, lập nên dòng Thứ I Thiền Tông VN. Năm 594 ngài truyền tâm Ấn cho Ngài Pháp Hiền, ngài Pháp Hiền truyền cho ngài Thanh Biện... Đến đời Y Sơn Thiền Sư (1216) cộng lại tất cả 19 đời.

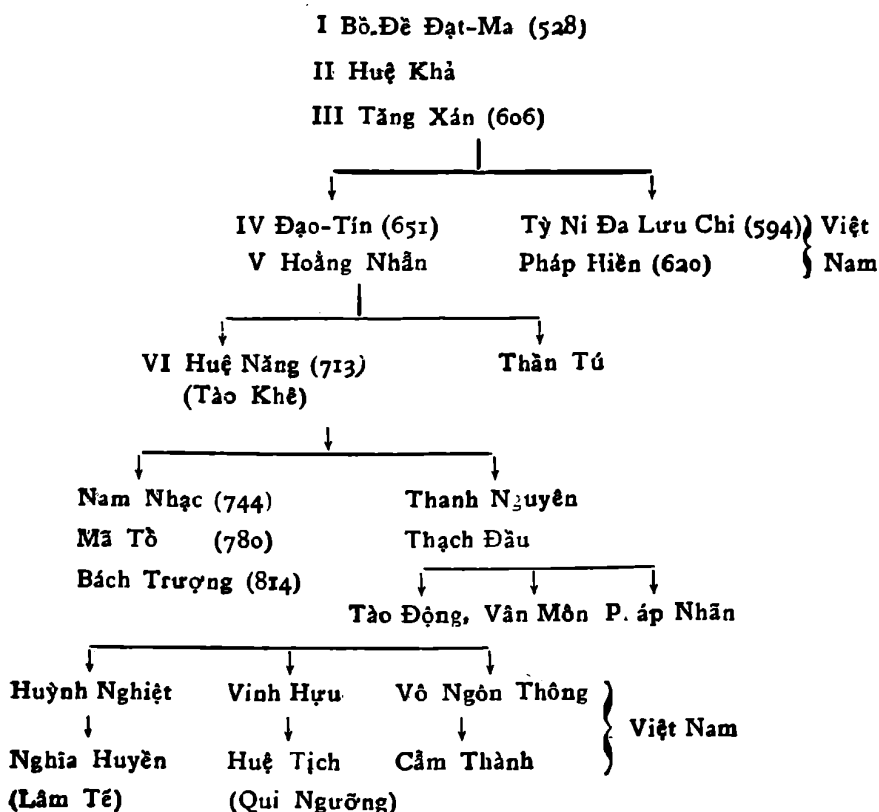
Khoảng thế kỷ thứ 9, năm 820 một phái Thiền Tông thứ 2 lại xuất hiện ở Việt Nam do Ngài Vô Ngôn Thông, người Trung Hoa lập thành. Ngài vốn người ít nói nhưng thông hiểu sự lý (Vô ngôn Thông) đặc pháp với ngài Bách Trượng truyền sư bên Tàu, năm 820 qua VN trú ở chùa Kiến sơ, Bắc Ninh. Về sau truyền tâm pháp cho Ngài Cầm Thành rồi tịch. Dòng Thiền này truyền được 15 đời, với 80 vị tổ kế thừa tất cả. Như thế, ngay từ những buổi đầu hạt giống Thiền Tông VN đã mặc nhiên ảnh hưởng đặc chất của Thiền Tông Trung Hoa. Dù vậy, cũng như đặc chất của tinh thần Văn hóa Việt Nam, dù ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa nặng nề, vẫn có những nét riêng biệt của nó. Phương chỉ, một trong những đặc tánh của

Thiền là thích hợp, là cơ cảm. Không thích hợp và cơ cảm, con người không thể nào tỏ ngộ Thiền và Thiền cũng chỉ là vô nghĩa. Người ta không thể chìm đắm trong những phạm trù duy lý và khái niệm của Tây phương mà đạt đến chân trời Ngộ (Satori) của Thiền. Đồi trước những công án giản dị nhưng vô cùng bí hiểm của những vị Thiền sư, đối với đầu óc của trí thức thường nghiệm, thực chẳng có gì đáng nói. Nhưng đối với Thiền-Sinh, nó lại khác. Nó là vấn đề sanh tử cho một quá trình tư duy của Thiền sinh tại sao ?

Câu trả lời chỉ có thể là thích hợp. Thích hợp thì sự kiện đầy đến Ngộ. Không thích hợp thì sự kiện chỉ là vô nghĩa.

Thế nên, chính vì thích hợp mà Thiền Tông Việt Nam hiển nhiên mang một màu sắc khác biệt với Thiền Tông Trung Hoa, cũng như Thiền Tông Trung Hoa có cái màu sắc đặc biệt đối với Thiền Tông Ấn Độ. Ngay cả trên cùng một quốc độ, mỗi phái Thiền cũng có một màu sắc khác nhau. Như Thiền Tông Nam Phương của Huệ Năng và Bắc Phương của Thần Tú ; như 5 phái Thiền của Trung Hoa, hai dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông dù cùng phát nguyên từ Tàu và này nở trên cùng mảnh đất, con người VN cũng có những tinh thần khác nhau. Dù vậy, tinh thần nền tảng của Thiền, không đâu là không lưu giữ.

Trở lại vấn đề sử lịch, biểu đồ sau đây chỉ rõ sự liên hệ của Thiền Tông VN đối với Trung Hoa.



Thiền Học Ấn Độ, bắt nguồn từ Yoga được hiểu như một kỹ thuật huấn luyện và điều khiển thân tâm để tâm thức con người đi vào trạng thái Đại Định. Dù Thiền Học được xem như một nhu cầu để con người thể nhập vào chân ngã Brahman, Thiền Học ở đây vẫn chưa có cái linh hoạt, diệu dụng như chính sự sống. Nói cách khác, Thiền là một kỹ thuật còn

nằm trong vòng của Giới. Thiền vẫn chưa đạt đến cái tinh thần tự do, phá chấp trọn vẹn, chưa thể phá giới trong tinh thần phá chấp, Phải đợi đến Trung Hoa, cái nền tảng tâm ấn, hội thông giữa đức Phật Thích Ca và Ngài Ca Diếp mới được thể hiện tận tinh túy của nó.

Với truyền thống di tâm Truyền tâm, cái tinh thần thích

hợp, nền tảng của Thiền chính ở đất này mà được sử dụng triệt để. Bằng một phong thái đặc biệt, Thiền-Sư thê nhập vào tâm thức Thiền-sinh để đánh tan những mây mờ còn lại trong tâm thức Thiền sinh và chỉ với Thiền sinh đó, trong không gian và thời gian đó.

Cái linh hoạt, như một điệu dụng của Thiền, cũng chính đất này làm cho nó trở thành một đặc chất của Thiền.

Thiền từ đây không chỉ là kỹ thuật mà còn là nghệ thuật tối cao của sự sống. Thiền là sự sống chứ không chỉ là kỹ thuật điều hợp thân tâm con người. Cái đặc chất linh hoạt này, đến ngài Huệ Năng, với tinh thần Kim Cang « Ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm » thực sự mới trở thành tinh thần truyền thống của Thiền Tông.

Thiền, từ đây không chỉ từ nơi tọa Thiền mà Thiền ở nơi mỗi hành động hằng ngày, bữa củi, gánh nước (Nhưng đừng tưởng rằng, cứ bữa củi, gánh nước là đạt Thiền) Thiền từ đây nằm ngoài mọi giới bị và đồng hóa với Huệ. Nói cách khác. Thiền ở đây không còn phân chia cấp độ trong học: Giới-Định-Huệ. Thiền là Định nhưng đồng

thời cũng là Giới, là Huệ. Và Giới cũng không còn là Giới, hiểu như một ràng buộc, kềm chế. Giới chỉ là Giới trong tinh thần phá chấp triệt để.

Trên đây là những đặc tính của Thiền Tông và Thiền Học Trung Hoa. Đó cũng là đặc tính của Thiền Tông và Thiền Học Việt Nam, vì Thiền Việt Nam vốn phát nguồn từ giòng suối Thiền Trung Hoa. Nhưng Thiền Việt Nam, ngoài những đặc tính lưu lộ trong Thiền Trung Hoa vẫn có những đặc tính riêng biệt của nó, ứng hợp với những điều kiện tâm lý và sinh hoạt của con người Việt Nam.

Đặc tính của Thiền Tông và Thiền Học Việt Nam, đó là một đối tượng cho những bài khác. Dù vậy, điều mà ta nên ghi nhận ở đây là Thiền Học Việt Nam đã thiết lập nên một tương quan mật thiết giữa Thiền và Mật, Thiền và Không, Thiền và Tịch mà hầu như truyền thống Thiền Tông của Ấn Độ, Nhật Bản và ngay cả Trung Hoa cũng không thể thành tựu một tương quan mật thiết như thế. Trong những tương quan này, tương quan Thiền và Tịch, chính là tương quan được thành tựu bởi Thiền Tông và Thiền Học Thảo Đường.

Tín Ngưỡng

Đạo giáo ở Việt-Nam

NHẤT-THANH

(tiếp theo PĐ. số 23)

Thờ chư vị.

Bên Chư vị thì đàn bà con gái có số thờ phải đến làm lễ đội bát hương ở đền hay ở phủ, xin làm con công đệ tử. Ai bị bát đồng thì phải sắm đủ khăn châu áo ngự, làm lễ trình đồng. Lễ trình đồng rất tốn kém. lại thêm thói ganh đua thành ra hao tốn tài sản, tai hại cho những gia đình không dư dật. Đồng các bà công chúa bắt làm con đồng thì gọi là đồng đức Mẹ, bị các vị Hoàng Tử bắt thì gọi là đồng đức Ông. bị các cậu quận bắt thì gọi là đồng Cậu, bị các cô bắt thì gọi là đồng Cô. Tuy là đức Ông là cậu Quận, con đồng đều là phụ nữ.

Người dư dật thường ham tỏ chức những buổi « hầu bóng » vài ba tháng một lần. Con đồng nghèo cũng cố chạy vay « hầu » một hai lần mỗi năm. Họ tin tưởng có như vậy mới được mạnh khỏe và làm ăn mới « mát mẻ ».

Mỗi lần hầu ba bốn « giá » ; bà chúa Thượng Ngàn vừa thăng đồng, thì lại tiếp tục ; hoặc đức Ông, hoặc cậu Quận, quan Tướng, hay Cô... Hết một giá đồng thì trút bỏ y phục của vai đồng vừa thăng ; con đồng lại vào « ngồi » với y phục bận thường, phủ một tấm khăn điều trên đầu che mặt. Đàn hát trống phách một hồi chừng năm bảy phút, là thấy đồng đảo ; mở tấm khăn phủ ra là đồng lên. Lúc này bắt đầu công việc trang sức đội khăn, mặc áo, thắt đai, quần tràng mạng.. Theo

đúng lẽ lối thích hợp với mỗi giá đồng. Đã có những thói quen về y phục, dáng điệu, cử chỉ, giọng nói khác nhau của mỗi giá đồng, như bà chúa Thượng Ngàn thì mặc theo lối Mường Thổ, nói giọng lơ lớ... đức Ông thì áo bào, cân đai, bài vàng khắc chữ « đệ nhất, đệ nhị, đệ tam... Hoàng Tử », đi đứng oai hùng, nói năng đĩnh đạc... đồng cậu thì vòng vàng khảm bạc, tràng mạng, văn hài, giọng nói bắt chước trẻ con... đồng cô thì tóc bắt bím, cò đeo kiềng tay đeo vòng xuyên, chân đi hài cánh phượng, giọng nói ẻo ọt nũng nịu.

Người đam mê thì tài cạy của sắm đủ thứ, càng hầu được nhiều giá càng hãnh diện. Mỗi lần ngồi đồng là mời bà con bạn bè đến « hầu dâng » có khi vài ba chục người. Trong khi cung văn đàn hát với trống phách tấu cảnh, con đồng múa những điệu nhịp nhàng theo âm nhạc, mỗi điệu có khác ; những người ngồi đứng chung quanh xem cũng thấy thích thú, nhất là người múa đã đẹp lại múa hay, khiến phái đẹp cũng phải mê, phái nam lại càng ngây ngất lác lác.

Vai đồng phán bảo điều gì thì những người hầu dâng lựa lời kêu cầu, tâng bốc, ngợi khen, chiêu chuộng, với những câu buồn cười, nhiều khi ngộ nghĩnh vô nghĩa, tí như.

Tấu Cô : Cô đẹp chín nghìn

Tấu lạy Bà : Bà đi mây về gió,

*Một trăm trái núi Bà tổ ngoài.
bàn tay*

Có khi cùng vãn hát những câu vãn
nghe như lộng cợt :

*Sơn thanh thủy tú ngự chơi,
Bà bắn súng lục Bà bơi thuyền
rồng...*

Trước đây có cả một cuốn sách
dạy châu vãn Chư Vị Thánh Mẫu
của Nguyễn - văn - Chiêu, xuất bản tại
Hà Nội năm 1936, có tất cả 24 bài vãn
châu, phần nhiều là vãn lục bát. Mỗi
bài hát châu là một giá đồng, như đồng
bà Liễu-Hạnh thì hát bài Địa tiên Thánh
Mẫu vãn, nếu giá đồng lâu quá thì có
thề hát thêm bài Tứ Phủ công đồng vãn
trong ấy có Liễu-Hạnh ; đồng Mẫu-Thoải
thì hát bài Thủy tiên Thánh Mẫu vãn, và
bài Đức vua Động đình vãn ; đồng Đức
Ông đệ nhất thì hát bài Đệ nhất Hoàng
tử vãn và Thập vị Hoàng tử vãn ; không
bao giờ bài vãn châu giá đồng này lại
đem hát cho đồng khác nghe.

Vãn châu có bài dài đến bảy tám
chục câu, cùng vãn thuộc năm lòng, hòa
nhịp với cùng đàn tiếng trống như nỉ
non thánh thót, khoái tai thích trí đối với
hầu hết các bà đồng mà trình độ vãn
hóa không những đã chấp nhận dễ dàng,
mà còn coi là những « áng văn tuyệt tác ».
Có thề rằng các vãn gia thì hào phẫn
thì chẳng ưa gì cái trò đồng bóng, phần
thì thấy những bài vãn châu kia « hay »
đến mức như đã được in thành sách bán,
cho nên đành chịu thua, không ai làm
được một bài vãn châu nào khác nữa.

Dưới đây trích lục vài bài, mỗi bài
năm ba câu, đề cùng « thường thức » và
cùng là đề lưu truyền (1) :

ĐỊA TIÊN THÁNH MẪU VỄN

(cả bài 76 câu)

*Bóng gương loan mẫu đơn một đóa,
Gió lay mảnh hương xa thoảng đưa.*

*Có châu nguyệt điện tiên xưa,
Lánh miên trần tục phận u Nam
thành.*

ĐỆ NHẤT HOÀNG TỬ VỄN

(cả bài 28 câu)

*Hương một rén chín lần soi thấu,
Giải lòng trần khỏi ấu tin thông.
Thỉnh mời đệ nhất tôn Ông,
Lai lâm chứng giám điện trung
ng hùng.*

*Anh linh lục tri thần thông,
Quản cai tam giới uy phong phép
màn.*

BÀI SAI NĂM DINH QUAN LỚN
(nhiều câu không ra lục bát, không ra
song thất)

*Trên sơn lâm vắng vẻ am thanh,
Non Bồng nước Nhược đỉnh sinh
thánh thần.*

*Đùng đùng một trận hắc vân,
Hào quang rạng khắp chín lần
tỏa sen.*

Những người hầu dâng cùng những
người dự lễ và cả những người đến xem,
được « ban tài ban lộc » tượng trưng
bằng một số tiền nhỏ, thời trước thường
là 5 xu, một hào (một cắc), bây giờ (1972)
thì lên đến năm ba chục, một hai trăm
đồng, và lộc thì là điều thuốc thơm,
miếng trầu vàng cau non, đôi khi có cả
bánh bích-quy, bánh ngọt... Nực cười
thay, nếu trong đám « khán thỉnh giả »
có người sang giàu thì thường được biệt
đãi, tài lộc được ban hậu hĩ hơn ; thì ra
Thánh cũng tây vù...

Việc đồng bóng trước kia rất thịnh
hành ở đất Bắc, trong Nam thì không,

nhưng từ khi có cuộc di cư vào Nam (từ 1954) Đồng-bồng đã theo chân những người « có số thờ » du nhập với « Chư vi », cái hạt lại dây dưa không dứt được. Nhiều bà nhiều cô thích đeo đẳng, bảo là tại số, cũng có lẽ một phần khi người ta tin tưởng, mà xem ra cũng có vì đám say, chẳng khác gì ngày xưa các ông mê đi hát (1), ngày nay người ta mê khiêu vũ, không có thì nhớ không chịu được.

Các bà công chúa được thờ tôn làm tam vị Thánh Mẫu là bà Liễu-Hạnh, sự tích đã nói ở trên (2) thuộc về Thiên-dinh, đình, bà Mẫu-Thoại thuộc về Thủy Phủ, và bà Thượng-Ngân ở chốn Sơn Lâm. Thờ tam vị Thánh Mẫu là thờ Tam Phủ. Khi nói Tứ Phủ thì vị thứ tự là Mẫu Nhạc phủ cai quản t âm hạ giới. Thờ Tam phủ cũng như thờ Tứ phủ thường tỏ tượng sơn thếp mặt hoa da phấn, bày ngang hàng trên hết. Hàng dưới kế tiếp thờ năm quan lớn : Quan Lớn đệ nhất áo đỏ, Quan Lớn đệ nhị áo lam, Quan Lớn đệ tam vui tính hay cười, áo xanh dương, Quan Lớn đệ tứ uy nghi áo vàng và Quan Lớn đệ ngũ tức Quan Lớn Tuần Tranh (đền chính ở Ninh Giang, tỉnh Hải dương).

Dưới 5 Quan Lớn là : 1) Tứ vị Thánh bà, phò tá tứ vị Thánh Mẫu, 2) mười ông Hoàng, 3) Mười hai Tiên Cô hầu đức Mẫu Thoại, 4) Ba cậu Quận chúa hầu ba vị Thánh Mẫu, 5) và nhiều Cô, Cậu.

Ở khắp nơi mấy tỉnh đường xuôi xứ Bắc hễ chỗ nào đông người ở là y như có đền thờ Chư Vi, nhất là ở các tỉnh thành; ở không thị tứ, như ở Hà Nội trước đây có đến vài chục ngôi đền, tất cả đều là của tư hữu các bà đồng quan. Nhiều bà có số thờ, ham mê đồng bóng, lúc về già trông cảnh góa bụa quạnh hiu, lại ít có liên hệ gia đình mật thiết, thường

nghĩ đến đi ở đền hầu Thánh, thừa kế một bà đồng là chị em có bác hay là một người đồng đạo đã hai năm mươi châu trời. Cũng nhiều bà lúc vẫn niên hằng ước mong, rồi quyết tâm gặp địa lợi và điều kiện thuận tiện thì liền lập một ngôi đền, đề ở đấy đền hương hầu Thánh cho con công đệ tử lui tới. Nhiều đền khi mới lập nên chỉ là vài gian xây cất lợp thảo, rồi dần dà Thánh cho ăn lộc, trở nên thịnh vượng, tu bổ thêm mãi. Cho nên ta nhận thấy hầu hết các đền bà đồng thờ Tam Tứ Phủ đều không được kiến trúc nguy ngất đại quy mô ; đồ thờ trong đền cũng vậy ít có công trình mỹ nghệ quý giá, và phần nhiều là đồ mã, vào đền thoạt trông nhận thấy ngay là nơi thờ Chư vi.

Mấy bà đồng có nếp sống hơi khác thường : trông dáng điệu và nghe lời nói « Lạy vua Lạy Mẫu », « Thánh cho ăn lộc »... người ta dễ nhận biết. Nhiều con đồng đàn em cũng như con công đệ tử thường gọi bà đồng đền là mẹ, có lẽ đây cũng là một nhược điểm về tâm lý khiến cho nhiều người ước mong gặp gỡ cái ngôi đồng đền.

Các bà luôn luôn được chiêu chuộng tăng bốc, lại còn quanh năm ngày tháng được ăn lộc không ít : những lễ vật người ta đem đến cúng rồi biếu bà, nào trầu vàng cau non thuốc lá thơm, nào hoa quả nhệp căng đất liền như nho, lê, táo, hồng... nào xôi vò xôi gấc, bánh ngọt, đồ chay... Thánh ban lộc đã vậy Thánh còn ban tài, là những món

(xem tiếp trang 423)

(1) ĐI HÁT : xem ĐẤT LỀ QUÊ THÓI, Nhất Thanh, chương VI, nói về thành ngữ này.

(2) PHƯƠNG ĐỒNG số 21 tháng 3/1973

towards a methodology in the study of religious Taoism

MICHAEL SASO

From JAPAN

The study of religious Taoism has recently become popular with research scholars, who have spent some time in the traditional Chinese communities of East and Southeast Asia. The colorful and popular rites of Taoist priests, who play an important role in the religious life of overseas Chinese communities, can hardly escape the attention of any scholar who lives but a short time in Asia. But after a more than superficial glance at the content and structure of the rituals, it becomes evident that Taoist religious practises are more complicated than the external performance of temple and household liturgies would suggest. Even the simplest of rites involves a knowledge of internal alchemy, breathing techniques, the summoning and envisioning of spirits, and prognostication methods which cross the boundaries of a single discipline to analyze and understand. It would therefore seem useful to lay down some guidelines for the study of religious Taoism, thereby making a first beginning towards a methodology in a field where there are no precedents to guide the research scholar in the study of a difficult and elusive subject.

Before coming to the main body of my discussion, I would like to point out a number of pitfalls and hazards in the path towards an understanding of Taoism as a liturgical tradition. The first and most important warning is that Taoists, like most other men and women who practise a closed profession, are most reluctant to part with the information whereby they make their living. In this way they are no different from the Chinese herbologist, tailor, or bean curd maker, whose trade secrets are passed down from father to son, and are taught to the apprentice only after years of hard work with the master. The young and enthusiastic scholar who comes from graduate school into the field to study Taoism is no different from the elementary school drop out who attaches him or herself to a carpenter to learn the trade. A Taoist usually begins learning his trade at the age of ten or eleven years, and is finally ordained at the age of 30, if he is truly ordained at all. It is therefore essential to approach the study of religious Taoism only after a careful preparation, which includes extensive reading in the Taoist Canon and the understanding of the rubrics involved in the performance of classical orthodox ritual. The obvious parallel with the

liturgy of Catholicism comes to mind, that is, it would be like stepping into a church for the first time and studying the Catholic Mass, with no preparation for the complicated ritual enacted by the priest. The scholar who would study religious Taoism must be familiar with the great liturgical sections in the Taoist Canon, about which I shall speak in a moment, before approaching the study of religious Taoism in the field.

By way of a second word of warning, before beginning the main body of the discussion, I would like to point out that there are many sects, orders, and fraternities of Taoists throughout East and Southeast Asia. The research scholar who reports that Taoist ritual is performed in such and such a manner can be contradicted by the scholar in the next village, who saw a rite with the same name performed in a different manner. Thus there are some religious sects who perform a rite of ordination in which the ordinandi is made to ascend a ladder made of 36 swords, with the blade-side up. The same rite is considered to be highly heterodox by Taoists of the *Cheng-i* « Orthodox One » sect, and is used as a part of public dramatic ritual in front of a temple, rather as a diversion to entertain the crowds, by Taoists of other popular « red-head » sects. Orthodox ordination, on the other hand, is most stately, and follows a manual deriving from Lung-hu Shan, and still used in parts of Taiwan that follow the « orthodox » tradition. It is therefore essential that the research scholar identify the order of the Taoist, and not only describe the externals of the ritual, which are but a bare fraction of the whole, but the internal meditation which accompanies ritual performance and upon which the efficacy of the rite is judged.

Finally, it is necessary to say a word about the term « orthodoxy » as opposed to the opprobrious epithet « heterodox » applied to the rituals of a rival Taoist or sect. The word « orthodox » (*Cheng*) is applied in its proper sense to ritual which follows the classical rubrics of the Taoist Canon, the so called *K'o-i* rites and the dance steps, mudras, mantras, talismans, documents and seals which were transmitted from antiquity and still make up the core and essential part of Taoist liturgy. « Heterodoxy » (*Hsieh*) on the other hand refers to rituals which either 1.) do not derive from a Taoist source but are used by Taoists in popular ritual performed for the sake of the popular religion, and 2.) rites which bear the name *K'o-i* but differ in content from the canonical or traditional liturgies. Thus, Taoists of the *Shen-hsiao* orders perform rituals with

classical names, (such as Tsao Ch'ao) but in fact the content of the rituals is quite different from the canonical text. In the first sense, rites such as climbing the 36 swords, or expelling the demons of pestilence are heterodox, because they were adopted from popular religious sources into Taoism. In the second sense, the rituals of the *Shenhsiao* orders are heterodox because even though the names of the rites are identical with those of their orthodox brethren, the contents are quite different. The research scholar must know that the Taoist whom he studies with most likely performs both orthodox and heterodox rituals, and either does not know the difference, or uses the lowly heterodox practices because they are so popular with the common folk who profess belief in Chinese religion. That is, professional and pecuniary interests supersede orthodox purity in the performance of many Taoist rituals. It is therefore necessary in a strictly scientific sense to lay down rules for distinguishing the classical orthodox ritual from the popular, simply for the sake of classifying and studying the various rites which come in unending variety and succession before the bewildered eyes of the researcher.

To begin with, then, one must distinguish the various orders of Taoists and the respective traditions of each order, as passed down from antiquity to the present. There are at present, in East and Southeast Asia, Taoists of the following orders which have thus far entered into the scope of my own research :

- 1) the *Cheng-i* — Heavenly Master sect, from Lung-hu Shan, Kiangsi Province,
- 2) the *Mao Shan* sect, with two varieties of ritual i.e., strict monastic ritual meditation based on the Yellow Court Canon, and military *Nin-jitsu* like ritual based on the *Ch'i-men Tun-chia*
- 3) The *T'ai-chi* sect from Wu-tang Shan in Hupei, with two styles of liturgy, i.e., military style exorcisms performed with sword, halberd axe, and spear, and meditations of internal alchemy after the tradition of Chang San-feng.
- 4) The *Ch'uan-chen* sect, influencing laymen who practise Taoist meditation and interior alchemy in the privacy of their own homes.
- 5) The *Shen-hsiao* order which includes Taoists who call themselves by many names and titles ; thus Taoists of the Ling-pao sect, Heavenly Master sect, Lord Lao sect and in general Taoists who derive their

ancestry from Chang-chou prefecture in Amoy province, practise ritual deriving from the *Shen-hsiao* tradition.

- 6) The *Lu Shan* order, or the *Lu-shan* order which can be identified because its adherents wrap a red cloth around the head, blow on a buffalo horn, and ring the Three forked bell deriving from Shingon Buddhism, during their liturgy.

Since there are some 86 orders listed officially with the gazeteers, and the government sponsored Taoist association, my list of six orders or rather six styles of ritual performances is indeed minimal, especially when one considers the number of unofficial sects, local variations, and family traditions which indeed do more than rival Buddhist schools, protestant sects, and religious orders within Roman Catholicism. The point which I wish to make clear here is that no matter what the sect, the persuasion, or the manner of performing liturgy be, there are certain basic notes and observations which the field researcher must be aware of, a knowledge of which vastly simplifies the study of religious Taoism, and puts some order into the proliferation of sects and religious practises to be found in religious Taoism today. The basic principles which formulate and guide Taoist ritual are as far as I can see adequately expressed in the styles of the few orders named above. I shall therefore speak briefly of the rituals of three of the above orders, namely the *Cheng-i* sect, the *Mao Shan* sect, and the *Shen Hsiao* orders, thereby suggesting a model for future research into religious Taoism.

By far the most important order in south China, that is, China south of the Yang-tze river, was from the Sung dynasty until the 20th century the *Cheng-i* orthodox. One order of Lung-hu Shan in Kiangsi Province. The overwhelming influence of the order in and after the Sung period was due to a variety of reasons, not the least of which was the attempt of the Imperial Court to control religions in China; Taoists were strongly advised to receive a document or license of ordination from the Heavenly Master at Lung-hu Shan, which served both as prestige for the Taoist master and a control over the Taoist orders themselves. As of the Ming dynasty, Taoists were given ranks and grades after the manner of mandarins, that is, a series of nine *P'in* or grades of excellence were given to the Taoists who came to Lung-hu Shan for ordination. Now the important point to remember is that all taoists, no matter what the order or sect, provided that they resided in southern China, were advised to receive their license of ordination from the Heavenly Master. Thus the

head of Cheng-i Taoism at Lung-hu Shan had the power to grant licenses in *Mao Shan*, *Wu-tang Shan*, *Ch'uan-chen*, and *Shen-hsiao* ritual, as well as in his own *Cheng-i* brand of Taoism. The ordination manual of the Heavenly Master demonstrates the fact very clearly, listing nine titles of quite different nature for each order. No was it a very difficult matter to know the various rituals of the famous Taoist mountain tops and their monastic fraternities of Taoist brethren. The Taoists traveled freely from monastery to monastery, and established schools of their own sect in each of the famous monastic centers.

Thus it is clear from the gazettes as well as from the dynastic histories, that Military Taoists from Wu-tang Shan, and Shang-ch'ing sect from Mao Shan, and the Ch'uan-chen sect from north China, each had at various times monastic enclaves in Lung-hu Shan, and in the other famous Taoist centers throughout south China. Furthermore, a Taoist could by traveling from center to center, learn the rites of various sects and orders. It was also possible to leave the monastery and set up a *T'an* or Taoist altar in a village or city, and derive a good profit from the practise of Taoist liturgy. Furthermore the « Fire-dwelling » (*Huo-chu* or hearthside Taoist) who married and lived as the common man, vastly improved his professional techniques by spending some years in a monastery, or even by journeying to Lung-hu Shan and obtaining a license of ordination from the Heavenly Master.

Therefore, though the sects and orders were many, there was in fact one unifying principle that brought Taoist together, that in fact made a fraternity of otherwise competing factions. That one factor was and still is the classical orthodox liturgy, called *K'o-i*, contained in the *Wei-i* liturgical sections of the Taoist Canon. No matter what the grade, sect, or persuasion of the Taoist, it was and still is necessary to learn the rubrics of *K'o-i* liturgies, which according to tradition had come down from the time of Chang Tao-ling at the end of the Han dynasty, had been formulated into a liturgical format by Lu Hsiu-ching and other Taoist masters of the North-south period, and are still considered to be the summit of Taoist liturgical perfection.

It is, however, extremely difficult to piece together the rubrical directions for *K'o-i* liturgy simply from reading the canon, making a trip to the field essential. There are some exceptions, as for instance the rubrical directions for the *Su Ch'i* rite in vol. 281 Ch. 16 of the Canon, or the *Chin T'an* ceremony described in immense detail in Vol. 985 of

the Canon. Though it is next to impossible to convince a Taoist master to explain the interior meditations which he performs while exercising the exterior movements of the liturgy, the task becomes much more feasible when the scholar shows a familiarity with the rubrics learned from his own reading of the canon. The Taoist usually refuses to speak of the mudras, mantras, talismans, and meditations, both from professional secrecy associated with the transmission of the rituals, and from the gross expectation for pecuniary remuneration, not uncommon with men who make a profession of performing religious ritual. Thus the field researcher can spend years of fruitless effort waiting for the *Yü-chüeh* or rubrical secrets to be revealed, only to find that after much expense and waiting, the secrets revealed by the Taoist turn out to be taken from the *Shen-hsiao* manuals, for which there are no special tattoos against divulgence, rather than from the orthodox *Cheng-i* registers for performing ritual. The research scholar must therefore know enough of the canon to distinguish between orthodox classical ritual, and the later *Shen-hsiao* liturgies which seem to have flourished during the Sung dynasty and thereafter. He must also come to the field with a good knowledge of the rubrical passages that are clearly written out in the canon, in order to facilitate the task of the Taoist Master he chooses to study with. It is forbidden, by Taoist custom to speak of the «secrets» with the unworthy, the outsider, or a rival order. But it is not in the least forbidden to discuss the rubrics, the manner of writing talismans, the meditations, and so forth, with the scholar who comes to the Taoist Master with a good command of the Canon.

Orthodox ritual is based primarily on the lists of spirits names known as « registers » that are to be found in the Canon in

Vol. 877, the *T'ai-shang San-wu Cheng-i Meng-wei Lu*

Vol. 878, the *T'ai-shang Cheng-i Meng-wei Fa-lu* and

Vol. 878, the *Cheng-i Fa-wen Shih Lu Chao Yi*

The last mentioned list or « register » is the basis for a grade 7 (Ch'i-p'in) ordination, and the title *San-wu Tu-kung* which the Taoist uses when signing his name. The second named list is the basis for a Grade Six ordination (Liu-p'in) and the first list for a Grade Five (Wu-p'in) and a Grade Four (Ssu-p'in) rank Taoist. The lists are to be found in a private manual which each Taoist master possesses called the *Wen Chien*, which contains besides the lists of spirits names, the formulae

for the various documents used during rituals to communicate with the heavens, and other information which varies according to the practises of individual Taoist families. The Taoist Master is usually unwilling to speak of the spirits, but is quite agreeable to show his *Wen-chien* manual to the research scholar who asks directly to see it.

Similar lists to the *Wen Chien*, manuals, but shortened for use in specific rituals are to be found in the *K'o-i* manuals used during liturgical performances. Thus the various *K'o-i* rituals, such as are used in *Chiao* liturgy of renewal and *Chai* liturgy of burial all follow a pattern, one of the steps in which is the summoning of the special heavenly spirits whom the Taoist alone knows the titles of, and to whom he directs the particular ritual. Thus each of the *K'o-i* rituals has its own list of spirits which are summoned by the Taoist, and its own liaison officials used to carry the petitions, documents, and so forth to the heavens. The research scholar can easily determine the order, the rank, and the orthodoxy of the Taoist master by comparing the lists in his ritual manuals with those in the Taoist canon.

In the above paragraph it was pointed out that *K'o-i* rituals follow a common pattern, one step of which is the summoning of a series of spirits to attend the liturgical performance. The format for orthodox liturgy seems to be of very ancient origin, such works as the *Wu-shang Pi-yao*, and the *Wu-shang Huang-lu Ta-chai Li-ch'eng Yi* the former from the North-south period, and the latter from the T'ang, already showing clearly the stages in *K'o-i* ritual still in use today. In general, orthodox ritual follows the pattern listed below :

- 1) Entrance into the *T'an* (sacred temple area) from the meditation room in solemn procession.
- 2) *Pu Hsu* meditative hymn, accompanied by the *Yu Pu* pace of Yü establishing the *Lo Shu* or the 8 trigrams of Wen Wang around the area where the Taoist will perform the liturgy, and *Jao-t'an* walking around the altar a total of 5 times while summoning the vapors of the five elements.
- 3) *Ch'i Pai*, a slow chanting of the names of each spirit invited to the ritual. The Taoist must envision each spirit as he or she is called.
- 4) *Ju-i* or reading of the official document to be sent off during the ritual. The documents are *Shu-wen*, *Piao*, *Tieh*, *Chang*, *Kuan*, and so forth, depending upon the rank of the spirit or the kind of ritual.

- 5) *Ts'un Nien Ju Fa* ; while the Taoist kneels in the center of the temple, and contemplates, reciting incantations and forming mudras with his left hand, the hymn *Wu Hsing Lieh Chao* is sung.
- 6) « *Sound the Drum of the Law (Tao) 24 times* » while the great drum is struck 3 x 8 times, the Taoist meditates according to the rubrical directions found in his *Yü Chüeh* manual.
- 7) *Fa Lu*. The recitation of the text « *Wu-shang San T'ien, Hsüan, Yuan, Shih San Ch'i...* » during which time the High Priest performs a meditation taken from the discipline of internal alchemy. The Taoist spirits of the Prior Heavens are summoned by secret mudras and mantras, and the Mandala of the Taoist heavens is constructed in a contemplative meditation accompanied by the circulation of breath. Directions for the meditation are found in the *Yü Chueh* or *Mi Chüeh* manual, and in various places in the canon.
- 8) The ritual proper begins at this time ; thus, whether in burial, or ritual of renewal, whatever rite is proper to the day or the occasion is performed at this juncture : e.g., the *Su ch'i*, implanting the Five Talismans, the *Cheng Chiao* worshipping the three ure ones, and so forth.
- 9) *Worship of the Ten Directions*.
- 10) *Chung Ch'eng Fa Wei*. A re-initiation of the ceremony, in which the document sent off to the heavens is received back in the form of a rescript. Intricate ritual dance steps occur at this point, where most of the variations between the sects and orders are to be observed.
- 11) *Renewal of the ten vows*.
- 12) *Putting out the incense and lamps. Concluding ceremonies*.

With the exception of a few elaborations according to the kind of ritual performed by the Taoist. *K'o-i* orthodox liturgy in general follows the above pattern. It must not be concluded, however, that all Taoist ritual follows the *K'o-i* pattern. On the contrary, most of the rites which the devout believers in Chinese religion witness are of an entirely different nature, that is, the rituals performed for the sake of the people also include the reading of *Ching* canonical texts of merit and repentance, and *Fa Shih* or Taoist magical rites meant to cure sickness, expel demons, and offer worship in local temples. It would be a great mistake, however, to lay too much emphasis on the *Ching*, or the *Hsiao Fa*

« little rites », even if these latter two forms of ritual or more frequently seen and popularly called for. The *Ching* canons of merit and repentance are obvious imitations of Buddhist scriptures, and like their Buddhist counterparts, are used to fill the hours of monastic living with prayerful intonations, as well as to satisfy the need of the common folk for acts of merit and repentance, thought useful to win heaven's blessing, free souls from hell, or cleanse from impurity. The *K'o-i* rituals are hidden from the people, performed behind the locked doors of the temple, or if done in public the mudras are discreetly hidden by holding the long sleeves over the hands, and the mantric conjurations are mumbled in a low voice. They are, nevertheless the core and essence of Taoist ritual, and the field worker must be aware that the « secrets » for their performance are contained in the *Yü Chüeh* or *Mi Chüeh* manuals of the Taoist master.

If *K'o-i* ritual follows the above outline, as a general rule, its proper performance can also be used as a criterion for orthodoxy. Ritual is therefore an accurate guide to the order, sect, and grade that the Taoist actually belongs to, no matter what he claims to be. The closer a Taoist is to orthodoxy, the nearer his text will be to the versions in the Canon, and the closer his performance will follow the outline. The popular *Shen-hsiao* orders, it was noted above, use similar titles and even similar divisions to the same 12 listed above. But the content is different, and especially the explanations and rubrics in the *Yü Chüeh* manuals are faulty or lacking. It is therefore most important to have read the *Wei-i* sections of the Canon, and whatever texts possible which contain rubrical explanations, such as are to be found in the *Shang-ch'ing Ling-pao Ta-fa* of the Sung dynasty Taoist Chin Yü-chung, the *Tao-men Tung-chiao Pi Yung Chi* of Lü T'ai-ku, also of the Sung period.

It was also stated under point # 10 in the outline of orthodox ritual that the « sending off of the document » step is crucial to identifying the order of the Taoist, and the tradition to which he in fact belongs. Taoists from the *Yü-ching* sects, that is monastic orders deriving from Mao Shan or Hua Shan, perform a most beautiful series of ritual dances before sending off the *Piao* or *Shu-wen* by burning. A Taoist playing the role of *Tu-chiang* or Chief Cantor first carries the document into the center of the T'an area, using a dance step based on the *Lo-shu* or the 8 trigrams of King Wen. He presents the document to the Taoist High Priest, who then performs another series of dance steps based upon

the *Ho-t'u*, that is, the 8 trigrams of Fu Hsi. The dance is repeated 12 times, that is, one time beginning from each of the 12 earthly stems arranged in a circle about the center of the temple. While doing the dance steps he performs a most complicated series of meditations, deriving from the interior alchemy school of Mao Shan, in which the various trigrams are « opened » or « sealed », allowing benevolent spirits into the center of the temple (the microcosm) and keeping evil spirits away from the sacred area. The dance was made a part of the ritual repertoire of the Heavenly Master at Lung-hu Shan, and orthodox Taoists ordained there during the Ch'ing period brought the tradition with them to many parts of East and Southeast Asia.

The *Shen-hsiao* Taoists, on the other hand, even if they received a document of ordination from the Heavenly Master, do not perform the Mao Shan dance at the end of their *K'o-l* ritual. In its stead, a series of other dance steps are substituted, and other dramatic forms of entertainment are used in replacement. Thus the « Thunder magic tablet » a block of wood made from a date or a peach tree, about which I shall speak in a moment, is freely substituted. A long black cloth is hung from north to south in the temple, symbolizing the joining of heaven and earth, and so forth, before sending off the memorial by burning. The *Shen-hsiao* rituals are typified by the free use or insertion of dramatic rituals, which serve to edify and instruct the populace, but which in fact have little bearing on the ends of orthodox ritual, or the meditative use of interior alchemy in liturgy. There is no question but that the rites of the *Shen-hsiao* taoists are both entertaining and most easy to appreciate by the populace. Thus the Taoist who includes these rites in his repertoire will increase the public demand for his services in temple and family ritual. Among such popular rituals are the climbing of the 36 swords, the dipping of a hot iron into a bowl of vinegar, after which the worshippers are allowed to pass through the acrid fumes as purification, the use of blood from a chicken's comb and duck's bill for purification, burning the effigies of the demons of pestilence, and so forth. It is my opinion that some of these rites can be traced to aboriginal practises adopted by the expanding Han people in their push into south China, and others were inspired by the rituals of popular Shingon and T'ien-tai Buddhism. Others again can simply be ascribed to the inventiveness of the Taoists throughout a long history of serving the believers in China's popular religion. Such rituals must of course be recorded and accounted for by the research scholar, but

must not be mistaken for orthodox Taoist practises. Furthermore, there are no taboos against teaching *Shen-hsiao* style rituals to the foreign scholar; thus the research scholar may spend many months in the field, regaled with the feats of a *Shen-hsiao* version of the liturgy, only to find that the orthodox *Yü-chüeh* secrets were in the not revealed, or kept carefully hidden from his perusal.

Having spoken of some orthodox forms of Taoist ritual, and mentioned only briefly the dramatic quality of *Shen-hsiao* services, I would like to return to the other orders which I mentioned in the beginning of the discussion, that is the *Ch'uan-chen* sect, the *Mao Shan* order, and a type of military Taoism associated both with *Mao Shan* and *Wu-tang Shan* in Hupei province. The *Ch'uan-chen* sect did not have a great influence in Taiwan, nor as far as I have thus far seen in most of Southeast Asia. There were Taoists in Taiwan, however, who were ordained as *Ch'uan-chen* monks, and there are laymen who practise meditation according to a variety of monastic patterns. But since it does not enter directly into the discussion, I would simply like to point out that *Ch'uan-chen* Taoists do also perform *Chiao* liturgy of renewal, and do bury the dead, as do their other Taoist brethren. But their influence was unquestionably stronger in north China where indeed they were far more powerful than the *Cheng-i* Taoist masters. The names *Mao Shan* and *T'ai-chi* or *Wu-tang Shan* Taoist do however frequently occur, along with the highly respected « Five Thunder Method », about which the field worker should be familiar. To my knowledge there is very little written about these orders in western languages.

The *Mao Shan* sect, also called the *Shang-ch'ing* or the *Yü ching* order, has had significant influence on the Taoism practised in Southeast Asia and Taiwan. The influence of the order is seen in two quite distinct types of liturgy. The first and basic rites and meditations of the order are associated with the *Yellow Court Canon* and the *Ta-tung Chen-ching*. Taoists who use these texts are to be found in Taiwan, especially in the northern part of the island, where the population is predominantly from *Ch'uan-chou* in Fukien province. The second kind of liturgy ascribed to *Mao Shan* is more properly « popular » in nature, that is, concerned with cures, exorcisms, and a type of *Jen-shu* (*Ninjitsu* in Japanese) about which I am at present preparing a monograph with detailed explanations of the method. In general, the ritual associated with the *Jen-shu* method is based on the use of the Pole Star constellation (*Ursa Major*) and the

spirits associated with the seven stars in the dipper. The power to summon the pole star spirits, and the « Six Chia Six Ting » gods to effect cures, and to subdue one's enemies, is claimed by many Taoists to derive from Mao Shan. In fact, the 8th master of Mao Shan, T'ao Hung-ching writes of the method in the Liang dynasty work, *T'ai-shang Ch'ih-wen Tung-shen San Lu* as distinct from the *Yellow Court-Canon* tradition, proper to the Mao Shan method.

Closely associated with the *Jen-shu* military techniques in Taoist ritual is the Wu-tang Shan order from Hupei province. The influence of this order too is to be seen throughout southeast Asia, and like the Mao Shan order its methods can be divided into the meditative rites for personal perfection, and the popular rites of exorcism used in public ritual. The meditations of the order are said to have been developed by Chang San-feng, based on breath control, the taking of herbal medicines and the infamous *Fang-chung* techniques of sexual hygiene. The popular rituals of exorcism, on the other hand, are similar to the Mao Shan *Jen-shu* techniques mentioned in the above paragraph, with a larger list of spirits, to be found in the *T'ai-shang Pei-chi Fu-muo Shen-chou Sha-kuei Lu* and other works in the canon associated with *Hsuan-t'ien Shang-ti* the spirit patron of the order. Furthermore, the geomancers or *Feng-shui* experts, fortune tellers, and the masters of physical exercise techniques of *T'ai-chi Ch'uan* etc., are often given ranks in the order. The Taoists who claim membership in this order call themselves *T'ai-chi* or *Pei-chi* Taoist Masters.

In fact, there are very few Taoists who belong exclusively to one or the other of the above two orders. Rather the Taoists of East and Southeast Asia learn the various methods, rituals, and magic from each other, and include in their lengthy titles the grades and styles of liturgy that they have learned. Thus a Taoist will sign himself as being knowledgeable in Mao Shan, Wu-tang Shan, and Cheng-i orthodox Taoist methods. It is up to the field researcher to determine, by knowing the corresponding sections in the Taoist canon, as to whether or not the claims of the Taoist are true. It is, furthermore, quite within the Taoist tradition to make such inquiries, and in fact to act as Taoist master oneself, once the familiarity with the registers and rituals in the Taoist Canon has been attained.

A final case in point is the famous « Five Thunder Method » a form of Taoist ritual deriving from most ancient sources, and highly

prized amongst Taoist masters even today. The Five Thunder Methods are considered the most secret and precious rituals in the Taoist's possession, and he is least willing to speak of them, among all the various treasures in his professional storehouse of secrets. But as in the above cases, the Taoist Canon provides a very complete list of the Thunder Method registers, rituals, and so forth in the *Tao-fa Hueiyüan* Vols. 884-941 in the Canon. Many Taoists claim to be expert in the Thunder Magic methods, and freely use the *Wu-lei-p'ai* a small wooden block made of peach wood, essential to the system, in their ritual. But in fact the research scholar must be especially cautious in accepting the Taoist's word, and come well prepared with a knowledge of the canon, before attempting to study this and other forms of Taoist ritual. In the majority of cases that I have seen, the Taoist master claimed far more than he was really able to perform, and in fact due to over caution in passing on the secrets of Thunder Magic, the traditions have for the greater part been lost, or diluted in the syncretistic practises now found throughout Southeast Asia. The tradition has, however been carefully preserved by the *Cheng-i T'zu-t'an* in north Taiwan, the manuals of which I have recently brought to the Ch'eng-wen press in Taipei for publication.

The scholar who would study « Taoism in the field », therefore, must come to his subject well prepared, and ready to deal with the Taoist masters as equal, rather than as disciple. Though traditional scholarship has tended to distinguish between monastic and popular Taoism, in fact both traditions are to be seen functioning in the rituals of the Taoists in parts of East and Southeast Asia. The preparation for ordination that the Taoist disciple must go through include the meditations of interior alchemy, breath control, sexual hygiene, and the consuming of herbal medicines for longevity. *Feng-shui* techniques of geomancy, prognostication, and *Yin-yang* philosophy are all an essential part of the training of a true Taoist master. The scholar who would make meaningful study of religious Taoism as it is practised in Asia today can save himself years of frustrating labor by being aware of the above points, and coming to his topic of field research familiar with the liturgical and meditative sections of the canon.

I would therefore propose that in studying religious Taoism, the styles of liturgy be accounted for as either *orthodox*, that is, deriving from the classical *Wei-i* sections of the Canon, or *popular* (let us reserve the term « herodox » as a value-word, used to speak of a rival

group rather than a scientific label for liturgy) that is, deriving from a source other than classical ritual. Most of the rituals that are commonly performed in the temples and private households of East and Southeast Asia belong to this latter category. The scholar must identify the order of the Taoist, and the kind of ritual he sees according to meditative content as well as exterior performance of rubrics. Many popular rites, such as the casting out of the demons of pestilence in a boat, can be found in the catholic Philippines, in the villages of Okinawa, and other parts of Asia, with no known connection to orthodox religious Taoism. The rituals must nevertheless be accounted for, and the task of recording their details, a colorful and interesting study, is almost untouched in the annals of contemporary sinological studies.

Bản dịch tiếng Việt của bài này : xin coi PD số 25

**TÁC ĐỘNG CHỐNG SỰ CO THẮT TRỰC TIẾP
TRÊN CƠ TRON CỦA THỰC QUẢN, DẠ DÀY,
RUỘT, ỐNG MẬT, NIÊU-ĐẠO...**

*** mạnh * nhanh * ít độc**

LÈVOSPASME

BICHLORHYDRATE DE DIPIPROVÉRINE

☐ **LỢI ĐIỂM :**

- Không làm nở con người
- Không làm khô miệng
- Không tăng nhịp tim
- Không ảnh hưởng trên các cơ năng khác

☐ **TRÌNH BÀY :**

- Viên bọc đường
- Chích thịt

☐ **CẢM KÝ :**

- Mất hóa lực (glaucome)
- Khó tiểu tiện (Dysurie)

LES LABORATOIRES DAUSSE — PARIS 13^e

NHÀ NHẬP CẢNG : UFFAMA CÔNG-TY

184-186, Tự-Đức SAIGON — Tel. 95 308 — 92.830

Krishnamurti :

Một thông điệp mới...

HOÀNG-VŨ

(Tiếp theo PD số 23)

4. HÀNH ĐỘNG THUẦN TÚY VÀ SỰ CỐ GẮNG :

« Hành động thuần túy (không nhằm đạt tới một sự trở-thành nào) (l'action sans devenir) là một trạng thái thực nghiệm sống-thực, trong đó không có đối tượng của cuộc thí nghiệm, và cũng không có chủ thể chịu nhận sự thí nghiệm». Hành động theo quan niệm thường chỉ là dư-phần của ý tưởng bao giờ cũng chi phối nó : ý tưởng chỉ huy hành động.. Về mặt khác, sự đề cao trí thức (l'intellectualisme) bóp nghẹt chúng ta, cấm cửa không cho chúng ta mở rộng tâm hồn đón nhận thực tại. Trí thức càng gia tăng, khả năng hoạt động càng giảm thiểu. Sức mạnh của ngôn từ trước hết là một sức mạnh làm tê liệt, nó phân cách chúng ta vĩnh viễn với thực tại. « Ý tưởng chỉ là một kết tinh của tư tưởng thành một biểu tượng và sự cố gắng tập trung tinh thần quy về biểu tượng khai sanh ra một điều mâu thuẫn, » Bởi vậy nên, khi nào còn một cái khuôn trong đó tư tưởng được đổ vào, thì sự mâu thuẫn còn tiếp tục ; và đề đập tan cái khuôn đó và hủy bỏ sự mâu thuẫn, sự tự-tri thực là cần thiết.

Chúng ta đã thấy rằng ý chí đề đạt đến một cứu cánh chỉ khiến cho ta đạt được sự dự phòng của tư tưởng chúng ta. Chúng ta thường dựa vào tư tưởng để vượt thoát mọi áp lực, cùng giải quyết những mâu thuẫn và những vấn đề của chúng ta ; thực ra tư tưởng chính là phương tiện nó làm tê liệt chúng ta và giam hãm chúng ta ở bên trong mình, cắt đứt mọi tương quan mà chúng ta có thể có được với vũ trụ và đưa chúng ta đến đối diện với những giới hạn không-thề-nào-vượt-được mà chính chúng ta đã lựa chọn. Sự cô lập, cuộc sống tù hãm trong sự ồn ào của những tiếng động mà chúng ta tưởng rằng có ý nghĩa, làm tê bại chúng ta về phương diện thể chất, và những hành vi của chúng ta trên thực tế chỉ là những hình ảnh mờ nhạt của những ý tưởng của chúng ta. Mùi từ khí lan tràn trên các thành phố của con người nô lệ và đề sống sót, chúng ta chỉ tìm ra được những ngôn từ khác để thêm thắt vào những ngôn từ đã là nguyên nhân cội rễ của sự sa đọa của chúng ta.

Không có hành động thuần túy, hành động không có đối tượng trở-thành, thì tự cố gắng chỉ là một sự cố gắng xuân động, nó lay chuyển chúng ta và đun đầy chúng ta lên chỗ tột đỉnh của chúng ta có thể mà

thôi. Chúng ta muốn làm một cái gì, chúng ta muốn hoán chuyển thất bại thành thành công, nhưng luôn luôn, chúng ta bị chính những bàn chân của chúng ta làm quẩn bước và chỉ dầm quanh. Chúng ta đưa những án ngữ ra để thay cho tấm phản cứu sống; chúng ta tìm kiếm khắp nơi đến độ cho rằng mỗi mầu dư thừa của tư tưởng đều đáng tin cậy và chúng ta đi theo những ảo giác ngoạn ngoạn như một bầy cừu. « Bằng sự tự tri, bằng sự sáng suốt thường xuyên, người ta sẽ thấy rằng sự đấu tranh, những cố gắng dễ trở thành, chỉ đưa đến thất vọng, đau khổ và vô minh. Nhưng sống giác ngộ về tình trạng tâm-không bên trong đó và sống với nó cùng chấp nhận nó toàn diện, chính là phá vỡ ra cái miền an tịch diệu kỳ, nó không thể giải nghĩa được, không thể được tạo thành, mà chỉ là hậu quả của sự hiểu biết về những gì có thực. Chỉ có tâm trạng an bình đó mới là tâm trạng của con người sáng tạo.

5. TỰ DO VÀ SÁNG TẠO :

Krishnamurti chỉ thử làm một cuộc thúc đẩy *ngay-bây-giờ*, vào lúc mà những tiếng động đến tới chúng ta, để đưa chúng ta đến thẳng nhãn quan về thực tại, đến thẳng mà không một sát-na chờ đợi. Lần đầu tiên chúng ta có cơ hội để hành động, để lại phía sau những ngôn từ chết cho những ai còn thích thú chúng; những phê bình, những xét đoán, và những thứ tương tự như vậy.

« Khi mà tôi nhìn thấy bạn là tôi phản động. Sự kiện đặt tên cho phản động ấy không phải là một kinh nghiệm. » Ở đây bắt đầu nhãn quan và thực tại. Thực tại vượt xa giả tưởng với điều kiện là người ta hành động mà không vụ một sự trở-thành nào, hành động thuần túy, hành động không thôi, không mưu cầu một sự gì.

« Nếu hành động của bạn có khởi điểm là trung tâm cái tôi của bạn, chắc chắn nó sẽ gây ra nhiều sự tranh chấp, nhiều lộn xộn, nhiều đau khổ hơn nữa. »

Bây giờ chúng ta đề cập đến sự cố gắng nó thúc đẩy chúng ta mưu tìm hành động này hay hành động khác. Rất có thể là chúng ta có cảm tưởng rằng một sự cố gắng thực là cần thiết ngay cả trong trường hợp mà chúng ta không có ý niệm gì về một mục đích phải đạt. Có thể chúng ta nghĩ rằng hành động thuần túy không vụ một sự trở thành nào là hậu quả của cố gắng. « Thử hỏi hạnh phúc có thể-hiện được bằng cố gắng không ? Có bao giờ bạn đã cố *thử* để có hạnh phúc chưa ? Một điều như vậy dĩ nhiên là không thể được. Nếu bạn tranh đấu để có hạnh phúc thì

chắc chắn hạnh phúc đó sẽ không có. Sự an vui không đến do đàn áp hay ngự trị, nó cũng không đến do buông thả, bởi vì buông thả thế nào cũng đưa đến chua cay.

Ở đây cũng vậy, tư tưởng không giúp ích để khơi mào hay để thực hiện hành động thuần túy. Tư tưởng gây ra sự căng thẳng và khiến cho chúng ta không sao tìm thấy được sự gì chúng ta muốn. « Sự Cố gắng dẫn chúng ta xa lìa thực tại. » « Người ta không thể làm cho một mặt hồ trở nên phẳng lặng. Mặt hồ sẽ phẳng lặng khi nào hết gió. » Trước hết chúng ta phải là những con người tự do để thấy rằng an vui và hạnh phúc không phải là sản phẩm của một sự cố gắng. Có bao giờ người ta sáng tạo được bằng vận dụng ý chí ? Trái lại người ta sáng tạo khi nào thôi không còn cố gắng. Người ta chỉ sáng tạo, viết, họa hay ca hát, khi nào tâm tình hoàn toàn cởi mở, khi nào ở mọi mực độ người ta ở trong tâm trạng hội thông, khi nào người ta đã hòa nhập. Chỉ khi đó người ta mới cảm thấy an vui, rồi diễn tả sự an vui đó bằng một tác phẩm nghệ thuật. Cái khoảnh khắc sáng tạo đó phỏng phải là sản phẩm của một sự tranh đấu.

Các nghệ sĩ sáng tạo kinh nghiệm rằng họ chỉ sáng tạo được một khi mà không còn một sự cố gắng nào trong tâm thần họ hết. Tâm trạng sáng tạo cũng vậy, nó nảy sinh đột ngột khi mà chúng ta cảm nhận được thực tại, nghĩa là khi chúng ta « không còn cảm thấy sự hiện diện của mình đối với chính mình nữa, trong đó mọi công tác đều ngưng chỉ, ngay cả cái động tác cảm nhận sự vận chuyển của tư tưởng. » Chỉ nguyên sự hư không sáng tạo đó (le vide créatif) mới là hạnh phúc không-thời-gian.

6. TÂM KHÔNG :

« Một bình chứa chỉ có thể sử dụng được một khi nó trống không, và một tâm thần đầy ắp những tín tưởng, tín điều, những điều khẳng định, những danh ngôn thực ra là một tâm thần cần cỗi, một cái máy nói nhắc lại ». Cái trạng thái tâm không đó chính là sự mà chúng ta luôn luôn thử chốn chạy xa lánh bằng tất cả mọi phương tiện. Chính vì thế mà sự cô đơn là nguy hiểm bởi vì nó đặt chúng ta vào tình trạng dễ thụ nhận. Khi ấy chúng ta đi tìm những sự mà chúng ta gọi là những sự giải trí ; chúng ta tìm cách lấp đầy sự vắng lặng bằng những tiếng động nó đưa chúng ta xa khỏi tâm trạng hư không bằng cách đưa chúng trở về quá khứ hay tung-phóng chúng ta về tương lai. Chúng ta dùng những tư tưởng để thiết trí cho niềm cô đơn của chúng ta. Nhưng sự vắng lặng

hư-không không vì thế mà biến đi mất hẳn. Chúng ta chối bỏ nó nhưng chúng ta không hủy diệt được nó. « Nếu bạn đạt tới được sự giải thoát toàn diện, thì bạn sẽ thấy mình trong một trại dưỡng bệnh thần kinh, hay là bạn trở thành một người hoàn toàn ngu xuẩn. Và chính tình trạng đó đang xảy ra ở trên thế giới ». Giải pháp duy nhất để không còn sợ sự tâm-không đó, là đừng chốn chạy nó, là nhìn thực tế ngay chính diện, không nói năng, không suy nghĩ.

« Trạng thái tâm-không sáng tạo không bao giờ xảy ra khi nào còn có một người tư tưởng đứng đó mà chờ đợi, rình mò, quan sát để thu lượm kinh nghiệm và để củng cố tinh thần mình. Nếu bạn « muốn » cái kinh nghiệm đó thì bạn sẽ có ; nhưng sự mà bạn tìm thấy sẽ không phải là cái tâm-không sáng tạo, mà chỉ là phóng ảnh của ước vọng của bạn, một ảo ảnh. Nhưng bạn hãy bắt đầu quan sát bạn, bạn hãy tập ý thức những hoạt động của bạn từng khoảnh khắc một, bạn nhìn toàn bộ sự diễn tiến của bạn như ngấm mình trong gương, rồi sau cùng bạn sẽ đạt tới trạng thái tâm không đó khi mà bạn đã tiến tới đủ sâu vào bên trong bạn : chỉ trong tâm không mới nảy sinh ra được sự đổi mới. Tâm-không không thể vun trồng được ; nó tới mà không mời ; và chỉ có trong nó mới có thể hoàn tất cuộc cách mạng đổi mới. »

Chúng ta cảm thấy sự tâm không đó khi mà chúng ta chốn chạy xa lánh nó, trông nó như một vực thẳm ; khi mà chúng ta kiếm nó thì nó vượt thoát khỏi chúng ta. Nó không ở một nơi nào cố định và chính bởi vì nó lưu lưu như nước chảy cho nên nó chỉ xuất hiện cho những ai không có « tri thức » mà thôi.

« Những ý tưởng không phải là chân lý. Chân lý phải được sống trực tiếp, từ khoảnh khắc một. » « Đó mới chính là chân lý, là cái khả năng giao tiếp mọi sự, từ khoảnh khắc một, theo cung cách của một con người mới, không bị quy định bởi quá khứ, không bị cách biệt với sự vật bởi những phản ứng theo điều kiện xáo tích lâu ngày. » « Ý tưởng chỉ ngưng lại một khi có tình thương. Tình thương không phải là kỷ ức. Tình thương không phải kinh nghiệm. Tình thương không có tư duy. »

Sự lưu chuyển của chân lý đòi hỏi một sự uyển chuyển của hành động mà chỉ có con người không vắn vớng, không kiềm tỏa mới đạt được ; con người đó tự do như gió ngàn, bởi vì hắn đã trông thấy thực tại. Sự cảm nhận mau lẹ của hắn bắt kịp chân lý bởi vì hắn không bị ràng buộc bởi bất cứ một phương thức nào, một sự huấn luyện nào. Những

giới hạn của tư tưởng của hần cũng bị xóa bỏ và hần đạt tới được cái vô-ngôn, cái không-lời. « Nếu chân lý là một điểm cố định, thì nó không phải là chân lý mà chỉ là một dư luận. Chân lý là một cái vô tri và con người đi tìm kiếm nó sẽ không bao giờ thấy nó, bởi vì tất cả mọi yếu tố tạo ra nó đều thuộc về phạm vi cái khả tri. Tâm thần là kết quả của quá khứ, là sản phẩm của thời gian. Nó là dụng cụ của cái đã-được-biết, như vậy nó không có khả năng khám phá ra cái không-biết-được, cái vô-tri ; nó chỉ có thể đi từ cái đã biết này sang cái đã biết khác mà thôi. »

Sự giải thoát, trạng thái không-đau-khổ, niềm hạnh lạc an vui, tất cả những thứ đó là tâm không (la vacuité) và tâm không ở ngoài, ở xa tất cả những thứ đó. Tâm thần an bình và thụ cảm khi đó sẽ ở trong trạng thái hoạt động đích thực, trong sự linh động, và nó sẽ cảm nhận chân lý vô ngôn, bất khả ngôn. Tâm thần đó sẽ vượt thoát khỏi không và thời gian. Nó cởi mở hoàn toàn và không khép mình trên bất cứ một cái gì. « Làm sao mà có thể nắm giữ làn gió trong nắm tay được ? »

Tin dịch

- Hồi 14 giờ 30 Ngày 17-6-73 CHI HỘI DỊCH LÝ VIỆT-NAM (khu vực Hàng Xanh, Gia-định) sẽ tổ chức nhiều lớp hướng dẫn :

- A. Cách LUẬN-ĐOÁN VẬN-MỆNH theo phương pháp dịch số học
- B. Cách ĐỘNG-TĨNH theo Bát môn tượng số học.
- C. Cách TỒ CHỨC, LÃNH ĐẠO theo Thiên nhiên xã hội học.
- D. Cách TU CHỨNG vào CHU BIẾN TRÍ (Trí biết khắp vũ trụ vô hữu) theo Tiên hậu thiên trí tri ý học.
- E. Cách KHAI VẬT THÀNH VỤ theo Việt-nam khoa dịch lý học

- Mời Quý THIÊN HỌC GIẢ muốn truy tầm và nhận diện chân lý đang thể hiện qua hai mặt Cát-hung, đắc-thất đến ghi tên tại số 194/19E đường Bạch-Đẳng, Gia-định từ ngày 5-5-73.

LƯU Ý :

Chi-Hội chỉ thu nhận 10 học viên cho mỗi lớp học.

Cưỡi khóa, học viên ưu tú sẽ được hướng dẫn thêm cách đo cửa sứa nhà với cây Dịch môn bảo xích của vua Phục-Hy.

KINH T'HO'

CITAVAGGO

phàm tâm như biển động
huyễn hóa sóng muôn trùng
bậc trí giữ chánh trực
như khéo chuốt cần cung

lo đọa cõi quỷ ma
như cá nằm trên bờ
vùng vẫy tìm đáy suối
nhớ quê dòng biếc xưa

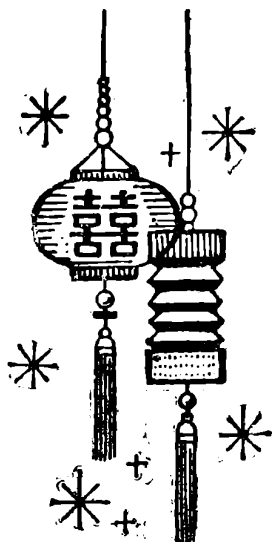
tâm phàm theo ngũ dục
tự biển nổi phong ba
điều ngự tâm yên bình
sóng tan cơn cuồng nộ

lòng phàm theo ngũ dục
như u ần vực sương
kẻ trí điều tâm thức
như dừa hạt kim cương

lòng phàm hun hút tối
như trăng ẩn động sâu
điều tâm như chuốt ngọc
tỏa ánh sáng nhiệm màu

sưởi ló xò bọt nổi
nào in rõ trăng vàng
chẳng lín tâm kiên cố
tìm sao được lối sang

tâm không gợn sóng hoặc
vượt thiện, ác lẽ thường
là trăng tròn thắm tằm
tỏa chiếu bến mù sương



thân dù như hạt móc
tâm giữ, vững thành trì
dẹp ma, vung tuệ kiếm
như gió một lần đi

ôi tấm thân mây nổi
sáng hợp rồi chiều tan
khi thần thức lìa khỏi
còn chỉ ngời bụi vàng

hơn đòi lượng máu thù
hơn trả dòng lệ bạc
sầu dằng dặc thiên thu
khi tâm nghiêng tàn ác

chẳng nhờ tay cứu độ
tâm niêm một đường lành
bè mây qua bến ngộ
nào thấy sóng trùng xanh

PHẠM THIÊN THƯ

trích tập **suối nguồn**

vi diệu, mới xuất bản

TÍN NGƯỠNG ĐẠO GIÁO Ở VIỆT-NAM

(tiếp theo trang 402)

tiền người ta đưa lễ bà sửa lễ bao giờ cũng phải dư trội về phần bà. Nhiều bà đồng tiền bạc rủng rinh, trang sức y phục, con công đệ tử trông mừng tượng như đức Mẹ bà Chúa.

Liều-Hạnh công chúa, như đã nói trên (1) bị Ngọc sư dùng pháp luật bắt, Bà quy Phật cho nên được giải cứu ; ở thôn quê ít có bà đồng tự lực làm riêng đền thờ, dân xã nào thờ Bà thường cũng xây cất đền ở sau chùa hoặc ở cạnh chùa, là vì thế. Hễ thờ Liều-Hạnh là đương nhiên thờ Tam Phủ hay Tứ Phủ, và đền thờ của thôn xã như vậy bao giờ cũng gọi là Phủ để phân biệt với đền miếu thờ Thành hoàng của làng nếu có.

Nổi tiếu nhất trước đây là đền Lộ thờ Tứ Phủ, ở ven sông trên bến dưới

thuyền. Làng Lộ (không nhớ tên chữ là gì) thuộc huyện Thanh trị, tỉnh Hà đông, mỗi năm có mở hội đền gọi là hội Lộ từ ngày 6 đến 10 tháng hai âm lịch (2) ; các con đồng và con công đệ tử lũ lượt về đền hành hương đông như nước chảy. Những ngày hội các con đồng hầu nhiều giá, thi với nhau ; ai hầu giỏi hầu đẹp, làm lễ xin âm dương thánh cho đỡ thì được gọi là bà đồng quan, có danh giá hơn các con đồng khác.

(còn tiếp)

(1) PHƯƠNG ĐÔNG số 21 tháng 3-1973

(2) ĐỊA DƯ CÁC TỈNH BẮC KÌ Đỗ đình Nghiêm, Ngô vi Liên, Phạm văn Thư.

NIFLUCID

Acid niflumique SQUIBB

☐ **CHỦ TRỊ :** đau, sưng, nhức mỏi.
không có tính chất CORTICOÏDE

☐ **DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP :**

● Thống phong (goutte)

● Phong thấp, các bệnh đau nhức của người lớn tuổi

● Sưng vì trật xương, gãy
xương, bị thương, nhổ răng

● Các bệnh của khớp xương

☐ **TÁC ĐỘNG :**

— Mạnh, nhanh

— Ít phản ứng phụ

— Không làm quen thuốc

— Đề thay thế dần trong sự trị liệu bằng Corticoïde

Hãy dùng

NIFLUCID

UFFARMA CÔNG TY NHẬP CẢNG

186 Tự-Đức, Saigon — Tel : 92.830 - 95.308

Cao-Đài Đại-Đạo

HUỆ-LƯƠNG TRẦN-VĂN-QUẾ

(Tiếp theo PD số 23)

III— PHẦN ĐỊNH NGHĨA CÁC DANH TỪ, CÁC TỪ NGỮ THÔNG DỤNG.

1) Ý nghĩa hai chữ : CAO ĐÀI.

Vào năm 1921 Đức Thượng Đế Cao Đài có giáng cơ tại đền Chiêu Minh (Cần Thơ) giải nghĩa danh từ ấy như sau :

- « Linh tiêu nhút tháp thị Cao Đài,
- « Đại hội quần tiên thủ ngọc giai,
- « Vạn trượng hào quang từng thủ xuất,
- « Cờ danh bửu cánh lạc Thiên-thai »

Thích nôm :

Nơi Linh tiêu điện, trên Thiên đình, có một cái tháp gọi là Cao Đài. (Linh tiêu điện là nơi Đức Ngọc Hoàng Thượng đế ngự).

Trước bệ ngọc ấy thường có mở Đại hội quần tiên.

Hào quang muện trượng từ đó mà chiếu ra.

Tên xưa của cánh bửu ấy là : Lạc Thiên-thai.

2) Ý nghĩa từ ngữ : Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ :

a— *Đại Đạo* : Cái Đạo lớn, Đạo của Trời, nền tảng của các tôn giáo xưa và nay.

b— *Tam Kỳ Phổ Độ* : Phổ độ lần thứ ba. Có ba kỳ Phổ độ từ xưa đến nay như sau :

Nhứt thiết Long Hoa Thiên Khai Tỷ hội. — Trong thời kỳ này có bốn vị thánh nhân ra đời dạy Đạo :

Đức Nhiên Đẳng Cồ Phật (Thích Giáo).

Đức Phục Hi (Năm 4449 trước Tây lịch) (Nho Giáo).

Đức Vạn Pháp Thiên Tôn (có chỗ cho là Đức Thái Thượng Đạo Quân) (Tiên Giáo).

Đức Moïse (1400 hoặc 1200 trước Tây lịch) (Do-thái-Giáo).

Nhị thiết Long Hoa Thiên Khai Sửa hội. — Trong thời kỳ này có bốn vị thánh nhân làm phạm dạy Đạo như sau :

Đức Thích Ca Mâu Ni (658 trước Tây lịch) (Thích giáo).

Đức Lão Tử (604 trước Tây lịch) (Tiên Giáo).

Đức Khổng Tử (551 trước Tây lịch) (Nho giáo).

Đức Jésus Christ (Năm thứ 4 trước Kỷ nguyên Tây lịch) (Christo giáo).

Tam thiết Long Hoa Thiên Khai Dẫn hội. — hay là *Huỳnh Đạo.* (từ năm 1926 đến nay). — Kỳ này Đức Thượng Đế không mượn xác phạm nữa mà chính Ngài dùng đien quang giáng đàn dạy Đạo — Theo lối truyền Đạo này Đức Giáo Chủ kỳ này tức là Đức Thượng Đế. Ngài vẫn luôn luôn hằng tại và thị hiện được khắp năm Châu, cùng trong một lúc.

3) Ý nghĩa danh từ : Long-Hoa, Long-Hoa Hội là ngày chư Phật đang diện đề xét xử việc lành dữ của nhân gian.

4) Ý nghĩa danh từ *Huỳnh Đạo*, Huỳnh Đạo cũng gọi là : Huỳnh lão chỉ Đạo là Đạo tu đơn, đến ngày cùng thoát tục siêu phạm. Mỗi Đạo này đã được Vua Huỳnh Đế thời tới cở bên Tàu

rồi sau lại được Đức Lão Tử Xương Minh — Cho nên gọi là Đạo Huỳnh Lão.

5) Ý nghĩa Tam Giáo Qui nguyên và Ngũ chi phục nhứt trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

a. — Tam giáo Qui nguyên. Có nghĩa là mối Đạo lớn và lâu đời nhứt ở Viễn Đông là Thích, Lão, Nho nay nhìn nhận đồng cùng một gốc, một nguồn mà ra hầu tránh sự thù nghịch chống đối nhau.

Ở nước Tàu, cũng như ở nước ta, trước kia các đạo gia đồng nhìn nhận Nho, Thích, Đạo đều cùng một nguồn gốc. Nhưng Đạo nào giữ nguyên vị trí của mình. Bởi sự nhận thức ấy mới có tư tưởng : Tam Giáo đồng nguyên.

Nay Trời mở Cao Đài Đại Đạo và nêu lên tiêu ngữ : Tam Giáo Qui Nguyên, Tiêu ngữ ấy có nghĩa : là trong Cao Đài Đại Đạo về phần Hình nhi thượng cũng như về phần Hình nhi Hạ có sự tổng hợp những tinh túy, những nguyên tắc căn bản của Tam Giáo Nho — Thích — Đạo — Và, chỉ có Đức Thượng Đế mới có quyền thực hiện sự tổng hợp ấy. Lẽ dễ hiểu là Tam Giáo nói riêng và Vạn giáo nói chung đều, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, do Ngài mà ra.

b. — Ngũ chi phục nhứt. Ngũ chi là năm cấp bậc tu hành trong Đạo Trời hay Đại Đạo. Năm cấp bậc ấy là : Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo. Năm cấp bậc ấy đều qui về một gốc, về ngôi Một là Đức Thượng Đế,

Có câu : Tu hành là học làm Trời,
Phải nào kiếp kiếp làm người
thế gian.

IV. — Ý KIẾN CỦA TỬ GIÁO THÁNH NHƠN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

1) Ý kiến của Chơn linh đức Thích Ca Mâu Ni.

Đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự đêm 8 tháng tư năm 1926 Thích Ca Mâu Ni Phật giáng cơ :

Thích Ca Mâu-Ni Phật

Chuyển Phật Đạo

Chuyển Phật Pháp

Chuyển Phật Tăng, Qui Nguyên Đại Đạo, trí hồ chư chúng sanh !

Khánh hỉ ! Khánh hỉ ! Hội đắc Tam Kỳ Phổ độ ! Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đại hỉ, phát đại tiếu. Ngã vô lự tạm đồ chỉ khổ. Khả tòng giáo Ngọc Đế viết Cao Đài Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

2) Ý kiến của Chơn linh đức Lão tử.

Bài trích trong Quyền Kinh Tam-Ngươn Giác-thế.

Đạo Quấn thị ngã

Thi

Tam giáo đồng nguyên hiệp nhứt gia,
Tam Ngươn tái lập tạo san hà,
Thần Tiên giáng thế hoàng Khai Đạo
Độ tận hoàn cầu thiện sĩ đa.

(Đoạn văn trích trong bài trường thiên do Đức Lão Tử ban cho, ngày Lễ Kỷ niệm Giáng sanh của Ngài).

Đồ Tam Giáo ban ơn kẻ bần,
Rước Ngũ Châu kíp đèn đường tu,
Hầu mong tránh khỏi ngục tù,
Ngày ngày vui thú ngao du non Bồng.

Hữu phúc thay con Hồng cháu Lạc,
Nơi ơn lành khai hoạt từ xưa,
Khuyến chung nam nữ thượng thừa.
Học câu đạo đức kíp mùa yên vui.

3) Ý kiến của Chơn linh đức Không tử.

(Trích trong quyền Kinh Tam Nguyên
giác thể).

Thi

Ngã dĩ từ chương giáo nghĩa phương,
Khổng văn hoàng hóa đạo luân
thường,

Phụ thê, phụ tử, quân thần đạo,
Tử đệ phùng thời độ thiện lương.

Diễn dụ

Các sĩ cùng chư khanh nghe cho rõ :
việc Tam giáo hiệp nhứt. Từ mới mở
mang Đạo Trời (Cao Đài Đại Đạo) đã
có Đại Đạo Tam Giáo vốn một nhà. Đời
sau chia làm ba, chứ kỳ trung một bần.
Kẻ thế không thông hiểu đề tranh luận
với nhau hoài. Những người xưng mình
là Minh Sư thọ truyền cho đồ đệ thì mỗi
người cũng muốn khoe tài mình mà truyền
khẩu với chúng sanh rằng đạo mình
chánh, đạo khác thì tà. Té ra mình là
manh sư gạt chúng.

Nếu Đạo Tiên, Đạo Phật mà không
dùng văn chương thì lấy chi mà tả Kinh,
diễn kệ. Còn học Nho mà không học Đạo
thì hóa ra người cuồng sĩ kiêu căng !
Vậy khuyến mấy sĩ ba Đạo cùng đồng
tìm kiếm gốc cho mình chơn lý động
trước độ mình, sau độ chúng. Vậy mới
gọi là Chánh kỷ hóa nhân.

Thi rằng :

Tam Giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau làm tưởng vọng chia ba,

Minh tâm may hiểu đường chơn giáo,
Mẫn tánh mới thông nẻo chánh tà.
Thích, Đạo tỳ như hành lộ khách,
Nền Nho, ví tựa chiếc đồ qua.
Muôn ngàn Kinh kệ do nơi chữ,
Tam Giáo từ xưa vốn một nhà.

Có bài thơ xưa tả Tam Giáo đồng
nguyên như sau :

Tam Giáo nguyên lai nhứt lý đồng,
Bất phân Nam, Bắc, bất Tây Đông,
Tam-nguyên, Tam-bửu, Tam-quí - lý,
Ngũ khí, ngũ hành, ngũ giới thông.

4) Ý kiến của chơn linh đức Chúa Jésus (Gia Tô Giáo Chủ).

Thi

Thập tự tội tiền vị chúng sinh,
Kiêm triêu hưởng phúc tại Thiên đình.
Đạo Cao Tứ Giáo vô nhơn thức,
Chỉ tại nhơn quần luyện bất tình.

Gia-tô Giáo-chủ

(Đoạn văn sau đây trích trong bài
trường thiên do đức Gia Tô Giáo Chủ
ban cho nhân lễ kỷ niệm ngày Giáng
sinh của Ngài).

Thi bài :

Mừng thay ngày lễ Giáng sinh,
Ban ơn vạn loại phúc lành hưởng
chung.
Riêng nơi cửa nhà Chung Đại Đạo
(Cao Đài Đại Đạo)
Ta giáng đàn chỉ bảo dưới trên.
Dạy chung âm đức xây nền,
Hiệp nhau huynh đệ dưới trên một
lòng.
Cơ vận chuyển long đong chờ nán,
Bước Qui nguyên phải ráng tiến mau,

Đại đồng nhất bước hô hào,
Thống qui Đại Đạo một màu mới nên
Long Hoa hội Ở Trên khai mở,
Chọn nguyên căn hàm hử bước vào ;
Chen vai gồng gánh Đạo Cao,
Dù cho gian khổ chẳng nao mới tài.
Nơi Nam Thiên phước lại Khai Đạo,
Dạy môn sanh cõi áo chia bầu,
Hữu duyên mới ngộ Đạo màu,
Thì nên học lấy ngõ hầu nên danh.

Nhiên Đấng Cồ Phật thị ngã,
Thích Ca Mâu Ni thị ngã,
Thái Thượng ngươn thì thị ngã,
Kim Viết Cao Đài.

4) *Mấy bài thơ sau đây tiếp được tại Thiên Lý Đàn (Hòa Hưng) trong trường hợp như sau :*

Một đêm kia chư Như lập đàn cơ
cho Đức Thượng - Đế Cao-Đài giáng
xuống dạy Đạo. Khi cơ lên Ngài giáng
xuống cho xưng danh như sau :

Muôn thuở từ bi vớt chúng sanh,
Không phân kẻ dữ với người lành,
Nghiep duyên vay trả tùy căn độ,
Tam Giáo khác màu cũng một danh

Thầy linh hồn các con nam nữ. Thầy
mừng các con đăng đẳng. Thầy miễn lễ
các con an tọa..

(Hơn một tiếng đồng hồ đáng Chí
Tôn dạy Đạo từ việc này đến việc nọ.
Khi cơ viết :

Thầy ban ơn các con. Thầy..

thì một vị hầu đàn bạch lớn xin ơn
Trên cho biết vị ấy phải chọn pháp danh
nào vì trước kia vị ấy được các Đấng
Thiêng liêng ban cho pháp danh : Đạ
Châu Tinh và gần đây các Đấng Thiêng
liêng lại ban cho pháp danh mới là : Thiên
Phước Tinh Quân. Vị ấy vừa bạch xong,
thì ngọc cơ chuyển động mạnh và viết
ra như sau :

Thi :

Con biết chăng con mấy kiếp rồi,
Mấy lần cây cỏ mấy lần người,
Mỗi tên mỗi kiếp đều không giống
Tên tuổi kiếp này vậy đó thôi.

V.- TƯ TƯỞNG TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN NÓI RIÊNG và VẠN GIÁO NHỨT LÝ NÓI CHUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐỨC THƯỢNG ĐẾ CAO ĐÀI XÁC NHẬN TRONG MẤY BÀI THƠ SAU ĐÂY :

1) *Bài thơ trích trong Quyển Chiêu-
Minh-Đàn (Cần-Thơ) như sau :*

Phật Trời, Trời Phật cũng là Ta,
Mỵ phải đi xa, khó kiếm mà,
Phải mượn nhiều ngôi mà giáo Đạo,
Xét coi cho kỹ có ai mà !

2) *Bài thơ thứ hai cùng một xuất
xứ.*

Chính ngôi Thái Cực vốn là Ta.
Mượn tiếng Cao Đài xuống thứ ba,
Thích, Đạo, Gia-Tô tay chường quán,
Thương dân xuống thế độ lần ba.

3) *Đàn cơ tại Vĩnh Nguyên tự đêm
4 tháng Tư 1926.*

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao
Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát
Giáo Đạo Nam Phương.

Thi bài :

Tự con nhận hiểu đủ rồi,

Tên nào cũng phải, ngược xuôi làm
gì ?

Tu đi, con hãy tu đi.

Tên nào cũng được, ngại chi, con
hiền ?

Hiếu rằng nghiệp quả trần duyên,

Tên là cái giả trần miên muôn đời.

Xuống lên, lên xuống luân hồi,

Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đòi thay;

Khí xưng Giáo Chủ Cao Đài,

Khí xưng Thiên Chúa, khí khai Di Đà

Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,

Bao lần Không, Mạnh cũng Già
này đây.

Khuyến con an dạ từ rày

Nghiem suy cho hiểu lời Thầy định
phân.

VI.— KẾT LUẬN.

Nói tóm lại, khi Năm Châu Thế giới còn phân cách bằng biển rộng, núi cao và các dân tộc quanh quần chỉ biết địa phương của mình Đức Thượng Đế, tùy phong tục, tùy nhu cầu địa phương cho

mở ra nhiều mối Đạo với nhiều sắc thái đặc biệt. Ấy là thời kỳ : Nhứt bồn tán vạn nhũ.

Ngày nay, Năm Châu được chung chợ, bốn biển được chung nhà, đề tương xứng với trình độ đại đồng của nhân loại Ngài cho mở các mối Đạo có tính cách tổng hợp về Hình nhi hạ cũng như về Hình nhi thượng. Thí dụ : Đạo Cao Đài trong thời kỳ : Vạn thù Qui Nhứt bồn này. Câu ấy không có nghĩa là : tất cả các tôn giáo ra đời trước ngày ấy phải ngưng hoạt động mà, trái lại, các tôn giáo nói trên vẫn hoạt động như xưa nay. Nhưng sự xuất hiện của Đạo Cao Đài cốt giúp các tôn giáo nói trên nhìn cùng chung một gốc là đức Thượng Đế hầu xóa bỏ sự thù nghịch giữa nhau và thay thế vào đó tình thương Vô lượng, một trong các Thánh Đức của Thượng Đế. Nhưng Đạo Cao Đài không phải là duy nhất có tính cách đại đồng và tổng hợp. Trên hoàn cầu eòn có nhiều mối Đạo như thế. Như Đạo Hồng-Vạn-Tự ở Trung Hoa, Đạo Omoto (Đạo Đại Bản) ở Nhật v.v...

HUỆ LƯƠNG
(Trần-vân-Quế)

UỐNG KHỎI CHÍCH
là tả, Kiệt ly - có đằm, mầu

VEREX

NGƯỜI LỚN — CON NÍT

53' KH 908 . 817 / QCBP. 29-10- 69

Nhìn thẳng vào tôn giáo

Phật Giáo Hòa Hảo

HÌNH-PHƯƠNG CƯ-SĨ

(tiếp theo PD số 23)

Song song với những hoạt động trên, còn có hàng trăm cuộc phỏng vấn được trả lời cho các ký giả, các phái viên các đài vô tuyến truyền thanh và truyền hình trong và ngoài nước hỏi về P.G.H.H. Hàng ngàn buổi diễn giảng đạo pháp với nhiều đề tài nghiên cứu cần thận được các vị Giảng viên Giáo lý đi diễn giảng khắp đô thị, thôn quê do nhu cầu của đại chúng. Một phái đoàn xuất dương sang các nước Nhật Bản, Ấn Độ và Thái Lan với hàng ngàn kinh, sách, báo được mang theo; cũng như nhiều phái đoàn khác được đưa ra nhiều Tỉnh miền Trung để sinh hoạt Giáo Lý P.G.H.H. đều không ngoài mục tiêu đã nhắm.

Đề xây dựng cho có nhiều cán bộ có khả năng hầu nỗ lực hoạt động đạo pháp trong hiện tại cũng như trong tương lai, 21 trung tâm tu học Giáo Lý P.G.H.H. đã được mở ra tại Thánh Địa cũng như tại các tỉnh trong các năm 1966-1969. Mỗi trung tâm tu học này thu nhận khoảng 500 tu sinh, trong số đó lứa tuổi không đồng đều, nhưng toàn thể đều nỗ lực tu học theo một chương trình chung do cơ quan phổ Thông Giáo Lý biên soạn, giảng huấn và điều hành guồng máy hoạt động. Sinh hoạt này thật hết sức cần thiết cho một nền Đạo lớn, do

đó mà Giáo Hội lúc nào cũng cố sức chăm lo cho được mỗi ngày này nỗ thêm người tài đức hầu chuẩn bị việc đưa sinh viên xuất dương du học, chuẩn bị giáo sư dạy về Giáo Lý tại các học đường, hoặc sung vào cơ quan tuyên úy P.G.H.H mà Giáo Hội đang tranh thủ.

Cùng với việc đào tạo lớp người mới đề nối tiếp với thế hệ nhân viên tuổi sắp về chiều, còn có công tác quan trọng nữa là khai thác các nhân tài đang có sẵn, tùy khả năng tham dự vào các tiểu ban, động viên hết nhiệt tình vào việc đạo. Nhờ vậy mà trong nhiệm kỳ I, riêng về phương diện truyền giáo, tính từ tháng 12 năm 1964 đến tháng 12 năm 1968 đã có đến 3263 vụ được hoàn toàn thanh toán, 407.760 ấn bản thuộc tài liệu tu học và nghiên cứu được xuất bản, và 458.352 quyển kinh, sách, báo được phát hành trên toàn quốc và hải ngoại. Như vậy, tính chung đã có đến trên 866.112 ấn loát phẩm được đưa ra (1)

Hiện nay, chương trình tu học còn được chuẩn bị sẵn sàng cho các khóa huấn luyện Độc Giảng Viên,

(1) Đó là chưa kể đến hàng 100.000 học liệu của 10 trung tâm tu học được tiếp tục khai giảng từ tháng giêng đến tháng 7 năm 1968.

khóa đào tạo thiếu nhi, khóa sơ cấp bổ túc, khóa trung cấp đề tiến lên cao cấp.

Tóm lại những điều mà Đức Giáo chủ phán dạy phải làm, như việc tra cứu kinh điển, việc dịch sách, việc viết sách nói về đạo Phật, cũng như việc mở trường dạy đạo Phật, việc phái người đi giảng giải Đạo Phật... đều đã được nỗ lực thi hành trong thời khoảng ba năm qua. Nhưng vấn đề lớn lao và rộng rãi, chương trình cần phải liên tục và trường kỳ mới có thể đi đến cái đích viên mãn của nó (1).

ẢNH HƯỞNG P.G.H.H.

Từ năm 1947, vì phải đứng lên vừa chống xâm lăng vừa chống độc tài, người công dân trong danh nghĩa quân đội Hòa Hảo hoặc Dân xã thường bị đối phương đưa ra những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, cố làm cho đoàn thể này bị mất uy tín.

Thật ra, với nền kinh tế tự túc, tất cả nhu cầu cần thiết như quần trang, quần cụ cho tới thực phẩm, thuốc men... quân đội đảng phái trong tình trạng vô chánh phủ lúc đó làm sao không trông cậy vào sự tiếp tế của nhân dân. Do đó, mà đã có một số dư luận bất công không tránh được đối với P.G.H.H.

Tuy nhiên, từ 1954 trở đi, giới thanh niên trong quân đội Hòa Hảo trở về với nếp sống tín đồ, còn quân đội D.X. rút lui vào bưng biển bất hợp tác, thì người ta mới

có dịp so sánh và lần hồi được thấy rõ những gì cần nhận định cho đúng đắn, và nhờ vậy họ có cảm tình đối với đoàn thể P.G.H.H.

Qua mấy năm Giáo Hội củng cố lại các cơ cấu và hoạt động mạnh trên hai phương diện truyền giáo và hành thiện, ảnh hưởng của P.G.H.H. đã lan rộng nhiều nơi. Các giới chức chánh quyền đều ủng hộ. Các vị Chủ Tịch, Quốc Trưởng, Thủ Tướng trong các chánh phủ từ 1963 đến nay, đều có đến viếng thăm Thánh Địa Hòa Hảo và bày tỏ mối cảm tình đối với đoàn thể này.

Hàng chục phái đoàn trong mỗi năm, gồm có Thượng Hội Đồng, Hội Đồng Nhân Sĩ, Hội Đồng Lập Pháp, Dân Biểu Lập Hiến, Thượng Hạ Viện, các nhà lãnh đạo Tôn Giáo các Tổng ủy Viên, các Tổng Bộ Trưởng, các Tướng Lãnh đại biểu Chánh phủ, các vị Tư Lệnh vùng, trước sau tiếp nối về Tò Đình để vấn an Đức Bà, thân mẫu Đức Huỳnh Giáo Chủ, hoặc đề tham dự các đại lễ.

Hàng trăm phái đoàn văn sĩ, học giả, ký giả đến khu vực có đông tin đồ để sưu tầm tài liệu phỏng vấn, tham khảo về lai do P.G.H.H. Lại thêm rất đông các du khách thuộc các thành phần, đã về đây với tấm lòng mong muốn thăm qua và tìm hiểu.

(1) Xem chương Hoàng Pháp trong quyển *Muốn về cõi Phật* do *Hương Sen* xuất bản, cùng một tác giả.

Nhờ Giáo lý thâm diệu của Tò Thầy và chủ trương ôn hòa, vị tha của Giáo Hội ; nhờ các phái đoàn Giảng viên truyền bá Giáo lý hoạt động tích cực; nhờ nhiều kinh, sách, báo tung ra; nhờ chương trình phát thanh tiếng nói Đạo Pháp đều đặn: nhờ nhiên công tác từ thiện, xã hội... Khiến cho đa số quần chúng trong toàn quốc, dù chưa có dịp đến Thánh Địa, vẫn dành nhiều mỹ tình với Đạo qua những bức thư viếng thăm, góp ý kiến hoặc đưa ra những đề nghị xây dựng đáng được tán thành...

Nhiều báo chí, sách vở của các văn nhân ký giả ngoại đạo cũng dành những chương mục, những số riêng đề nói về P.G.H.H.

Đặc biệt đưa vài thí dụ : Như tuần báo *Cộng Hòa* đã dành trọn một số gồm trên 30 trang lớn đề nói về P.G.H.H. với nhiều hình ảnh và bài vở chọn lọc. Nhật báo *Miền Tây* với hằng loạt bài vừa phỏng vấn, vừa tường thuật những gì thuộc phạm vi sinh hoạt của anh em trong đạo.

Những bộ sách lớn như *Tín Ngưỡng Việt Nam. Người Việt đất Việt* của các nhà văn như Toan Ánh, như Cửu Long Giang... đã dành thật nhiều trang đề nói thật đầy đủ từ phát sanh xứ cho đến nghi thức tu hiền, từ những giáo điều cho đến cách thức vào Đạo v.v...

Trên bình diện quốc gia, Giáo Hội P.G.H.H. là một hội viên sáng lập *Hội Đồng Tôn Giáo Việt Nam* một cơ quan đoàn kết các tôn giáo

giữa P.G.H.H. với Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài giáo, Bahal.

Đó là một vài chứng tích thuộc ảnh hưởng quốc nội. Còn nói đến ảnh hưởng quốc tế thì cách biệt rất xa với những năm trước kia.

Ngay sau khi Giáo Hội phục hoạt các cơ cấu và *Đuốc Từ Bi* số 2 được phát hành, nhiều nhà trí thức ngoại quốc cũng như các học giả Việt Nam tại hải ngoại đã liên lạc ngay với cơ quan hữu trách của Giáo Hội, Bác sĩ Nguyễn-Trần Huân, giáo sư Đại Học Sorbone, là một học giả Việt Nam đầu tiên ở hải ngoại nghiên cứu về P. G.H.H. Trong một bức thư hồi đầu năm 1965, học giả nói :

« Tôi đã đọc *Đuốc Từ Bi* và rất lấy làm vui mừng nhận được nhiều tài liệu quý báu về Giáo Lý P.G.H.H. — Ở bên Pháp có nhiều nhà khảo cứu về Hòa Hảo. Nay nhận được báo này, tôi sẽ có thể cho họ biết được triển vọng của P.G.H.H. ».

Rồi trong một thư khác, đến khi đề cập « *Sám Giảng Thi văn Toàn Bộ* » của Đức Huỳnh Giáo chủ sau khi được ấn loát cẩn thận và gởi sang, Bác Sĩ viết :

« Bộ *Sám Giảng* này thật là một bộ sách quý và rất có ích lợi cho tất cả mọi người Việt Nam hay ngoại quốc muốn hiểu rõ về vấn đề P.G.H.H. ».

Trong số những thư từ liên lạc, Giáo sư Georges Condominas, Giám

Đốc Trung Tâm Khảo cứu về Đông Nam Á và Nam Dương, thuộc phân bộ Văn Hóa, trường Đại Học thực hành Kinh tế xã hội học ở Paris, sau khi tiếp nhận được Bộ Sấm Giảng Thi văn của Đức Giáo Chủ, đã viết cho chúng tôi một bức thư mà trong đó có một đoạn đầy thiện cảm, được dịch ra như sau :

« Bộ Kinh này (Sấm Giảng Thi Văn Toàn Bộ) giúp ích cho tôi rất nhiều, vì từ lâu người ta đã nói đến Phật Đạo canh tân Hòa Hảo, thế mà đến nay tôn giáo này vẫn chưa được nghiên cứu một cách đứng đắn trên những tài liệu chánh thức và xác thực. Việc xuất bản quyền kinh này cũng đã bổ khuyết một sự thiếu sót nghiêm trọng; vậy tôi xin nhiệt liệt ngợi khen ông về công tác ấy.

Tác phẩm này đã được đem ra làm đầu đề trong một buổi thuyết trình quan trọng tại một khóa tu học của chúng tôi : những môn đệ của tôi rất lấy làm thích thú, quan tâm đến vấn đề này cũng như về những liên quan cùng một lúc với thời sự và sự biến chuyển của các tư tưởng... »

Nói chung hiện nay có đến trên 100 thư viện của trên 30 quốc gia trên thế giới có tàng trữ các loại kinh, sách, báo chí của P.G.H.H và có liên lạc với tòa soạn Đuốc Từ Bi. Một số các nhà báo, nhà văn Pháp, Mỹ, Nhật đã viết về P.G.H.H. Có thể kể : *Annuaire 1966-1967* (tiếng

Pháp); *Monthly Gazette* (tiếng Nhật) *The Japan Time*, *The Mainichi Daily News* và *Newsweek* (tiếng Anh).

Ngoài ra, còn một số đông các tu sĩ, các nhà trí thức quốc tế, đã liên lạc với P.G.H.H. trong tinh thần tôn giáo. Xin kể qua vài vị trong một ít quốc gia. Đó là Bác Sĩ H.H.E. Loofs (Úc Đại Lợi) ; Giáo Sư Milton Sacks, Tiến sĩ Waltes Slote, Giáo Sư A Richard Gard (Hoa Kỳ) ; Thượng Tọa Ariya Wansa, Giáo Sư Kaship (Ấn Độ) ; Kỹ sư Fujiki ; Bác sĩ H'sao Shoga, Giáo Sư Yotoumoto, Hội chủ Nikkyo Niwano, Thượng Tọa Fujii, Thượng Tọa Riri Nakayama, Tu sĩ Sogen Omori (Nhật Bản) ; Giáo Sư Maurice Durand, Giáo Sư Georges Condominas (Pháp Quốc) .v.v...

Kể làm sao xiết được số lượng các phái đoàn ngoại quốc như phái đoàn Tôn giáo, Phái đoàn Văn Hóa, Phái đoàn Báo chí và phái đoàn chính trị đến viếng Thánh Địa trong mấy năm gần đây. Ai được hân hạnh ngồi đọc hết những dòng chữ lưu niệm trong quyển sổ vàng để lại Tờ Đình P.G.H.H với những nét bút khác nhau và nhiều thứ tiếng không giống nhau, mới thấy được những cảm nghĩ tốt đẹp của các nhân vật quốc tế đối với đoàn thể có nhiều triển vọng này.

Kỹ sư Fujiki, trưởng phái đoàn báo chí kinh tế và chuyên viên Nhật Bản trong chuyến hành hương về Thánh Địa hôm ngày 5 tháng 3 năm 1967, có đọc một bài diễn văn

quan trọng bằng tiếng Nhật, có thể tiêu biểu chung cho đa số cảm nghĩ của những người ngoại quốc có cảm tình với P.G.H.H. Xin dịch sát ý của nguyên văn :

•Thật là một Diễm phúc và là một danh dự mà quý vị đặc biệt dành riêng cho chúng tôi được đặt chân đến viếng thăm Thánh Địa Hòa Hảo hôm nay.

Tôi rất lấy làm cảm kích trước sự phò thông Giáo Lý chính xác của Đạo Phật Giáo Hòa Hảo cho các đoàn thể Phật Giáo Nhật, cho Giáo Hội Risscho Kosei Kai (1) và mọi người mà quý vị trong phái đoàn P.G.H.H đã thực hiện trong kỳ viễn thăm nước Nhật Bản trong năm vừa qua.

Tôi thành thực cảm tạ trước trước sự nỗ lực không ngừng của liệt quý vị đề kiến thiết một quốc gia, một xã hội con người có đạo lý, làm cho thế giới phải chú ý đến vùng châu thổ sông Cửu Long của nước Việt Nam có được một Giáo Hội P.G.H.H. với một tinh thần đoàn kết mạnh mẽ và hãnh diện trước thế giới » (2).

Chắc không còn gì đề nói nhiều hơn lời của một viên kỹ sư và cũng là một cư sĩ Phật Giáo người Nhật mà chúng ta vừa được biết.

Phật Giáo Hòa Hảo ngày nay thật sự đã tiến triển được nhiều mặt mà người biết chuyện nào chắc cũng phải nhìn nhận như vậy. Nhưng điều đáng mừng hoặc đáng ngợi là hãy xem sự tiến triển ấy có

tiến đúng theo mục tiêu đạo nghĩa của nó hay chăng.

Mặc dù cũng còn một số người đua đòi hoặc đam mê vật chất, chạy theo đạo với một mục đích chưa đúng ý nghĩa mà Đức Giáo chủ đã đề ra. Đó là một điều không sao tránh khỏi bất cứ ở đâu và ở thời nào. Tuy nhiên, một số lớn đã chăm lo tu học, chuyên làm việc thiện, biết cải tạo xã hội, đồng thời dọn mình tinh sạch đề qua bờ giải thoát, họ thật sự cố gắng để tiến đúng mục tiêu cao cả của Đạo Vô Vi mà Đức Tôn Sư đã khai mở cho họ. Chính điều này mới thật sự đáng ngợi khen và cái tiến triển của P.G.H.H. ngày nay mới là một hiện tượng đáng mừng.

HÌNH PHƯƠNG CƯ SĨ

1. Risscho Kosei Kai là một Hội Phật Giáo tại Nhật Bản có trên hai triệu hội viên. Hội chủ là Ngài Nikyo Niwano. Hội này có chỗ tương đồng với P.G. H.H. là hầu hết trong đạo đều cư sĩ tại gia. Trong kỳ sang Nhật năm 1966, phái đoàn P.G.H.H. đã được mời đến chùa hội quán của Hội tại Tokyo để trình bày về sinh hoạt và Giáo Lý P.G.H.H. cùng trao đổi nhiều quan điểm tu Phật trước một số kỹ giả và thỉnh giả. Nhật báo The Mainichi Daily News số 15,752 ra ngày 13-12-66 có đăng bài tường thuật với đầy đủ hình ảnh.
2. Cùng với Bác sĩ Shoga, chủ tịch Toàn Á Hiệp Hội, kỹ sư Fujiki là một trong những người từng giúp đỡ nhiều phương tiện cho phái đoàn P.G.H.H. trên đất Nhật. Trong một buổi thuyết trình Giáo lý PGHH. tại chùa Tsukiji Hongati hồi 13 giờ đến 15 giờ 30 ngày thứ tư, 7-12-66 (nhằm 26-10 Bính Ngọ) tại trung tâm thành phố Tokyo, trước một số thỉnh giả quan trọng trong đó có Thượng Tọa Nakayama và Thượng Tọa Fujii, cùng là nhờ có sự góp tay trợ giúp đắc lực của kỹ sư Fujiki.

Tôn Giáo Baha'i

Thống-kê

THỐNG KÊ BAHAI TRÊN TOÀN THẾ GIỚI :

— Hội Đồng Tinh Thần Quốc Gia (Cơ cấu quản trị quốc gia) vào 21 tháng 04 năm 1972	113
— Quốc gia chấp nhận Đạo Baha'i	
— Quốc gia độc lập	135
— Phần đất và các đảo quan trọng	182
	317
— Số cộng đồng nơi người Baha'i cư ngụ vào ngày 15 tháng 01 năm 1972	56.645
— Số Hội Đồng Tinh Thần Địa Phương vào ngày 15 tháng 01 năm 1972	10.461
— Số ngôn ngữ mà kinh sách Baha'i đã được phiên dịch và ấn hành	434
— Trung Tâm giáo dục Baha'i	117
— Đất đai đã tạo mãi để xây cất Đền thờ tương lai . . .	58
— Số bộ lạc và dân thiểu số trong tôn giáo có trên . . .	1.136

ĐỨC BAB : (1819-1850)

Tôn Giáo Baha'i phát nguồn từ Ba-Tur với bản Tuyên ngôn vào năm 1844 của Đức BAB Đấng Tiên tri Tử Đạo, Đức Tiên phong của sự khai sáng Baha'i.

ĐỨC BAHÁ'U'LLAH : (1817-1892)

Đức Baha'u'llah Đấng sáng lập Tôn Giáo Baha'i đã phán truyền rằng Ngài chính là Đấng hứa hẹn của muôn người (và người Baha'i thực sự tin như vậy) đã được Tiên tri bởi các Thánh kinh trước và cũng được báo trước bởi Đức Bab. Ngài Tuyên bố sứ mạng vào năm 1863 ở Thành Baghdad và sau này trong các Thánh thư gửi các vua chúa các vị lãnh đạo quốc gia và các vị lãnh đạo tôn giáo trên thế giới. Ngài sinh trưởng trong một gia đình quý tộc ở Ba tư nhưng đã bị tước bỏ ngay từ lúc thiếu thời, ở tù và bị hành hạ chỉ vì đã tuyên bố sự thật của tôn giáo. Kỳ giam cầm đầu tiên là ở Baghdad vào năm 1862, lần thứ nhì ở Constantinople và lần thứ ba ở Andinople vào năm 18'3, lần thứ tư ở thành AKKA nơi Thánh Địa vào năm 1868, ở thành AKKA Ngài bị cầm hãm trong nhà tù kiên cố nhất và sau đó Ngài sống những năm còn lại ở một ngôi nhà quê mùa ngay ở phía Bắc của bờ thành, chỗ mang tên là Bahji. Trong lúc lưu đày Ngài bị hành hạ đủ thứ nào đánh đập, trói bị bỏ đói và phi nhổ bởi đám dân chúng, lòng gọt và ngộ độc ngay bởi một người thân thích trong gia đình. Tuy vậy nhưng ngài vẫn xứng đáng như lời ông E.G Boowne « Ngài là bản chất của lòng tôn sùng và tình thương mà bất cứ vua chúa nào trên thế gian này đều ghen tị và mong muốn không được ».

ĐỨC ABDUL-BAHA (1844-1921)

Đức Baha'u'llah trong chúc thư Ngài có viết lại đề chỉ định người con trưởng Abdul Baha cũng còn gọi là « Abbas Effendi » là người kế nối và giảng giáo lý của Ngài. Sau ngày thăng thiên của thân phụ, Đức Abdul Baha bị người Thổ giam giữ mãi cho tới năm 1908 khi Chánh phủ ban hành luật đại xá, Ngài đã đi rất nhiều để truyền bá Đức tin Baha'i : viếng Ai Cập, Âu Châu và Mỹ Châu. Ngài quy định mọi sự soi sáng của Đức Baha'u'llah. Vào năm 1920 Ngài nhậm chức công dân danh dự của Anh Quốc do Quốc Vương George Đệ Ngũ kính tặng. Ngài qua đời vào năm 1921 tại Thánh Địa, mọi người đều thương tiếc kể cả các người khác tín ngưỡng nhưng nhất là những người nghèo và người thiếu thốn đã coi Ngài như là vị cha đẻ.

ĐỨC SHOGHI EFFENDI VÀ NỀN QUẢN TRỊ.

Trong chúc thư Đức Abdul Baha chỉ định Cháu Đích Tôn là Đức Shoghi Effendi khi đó đang là sinh viên tại Đại học Oxford làm giám hộ của Tôn Giáo và cũng là người có quyền hành duy nhất để giáng giải Thánh kinh. Những bộ thánh kinh này đối với người Baha'i như là một giao ước của nền trật tự Thế giới đã được ban hành bởi Đức Baha'u'llah quy định tổng quát cho nền quản trị và thành lập phương thức bầu cử Tòa Công lý Quốc Tế, cơ cấu ban hành luật lệ và quản trị tối cao của tôn giáo. Thời gian giám hộ của SHOGHI EFFENDI kéo dài suốt 36 năm. Thời đó là thời kỳ phát triển mạnh mẽ Đức tin nhất trên Thế giới, cũng như sự bành trướng to tát của Trung Tâm Baha'i Thế giới trong khu thành song lập Haifa và Akka, nơi từ đây chót của Đức Baha'u'llah và Abdul Baha. Những khu đất rộng lớn đã được tạo mãi sát ngay thành Haifa và Akka trên đỉnh núi Carmel nơi mà ngày nay những khu vườn tuyệt đẹp bao xung quanh những lăng tẩm của Đức Baha'u'llah và Đức Bab. Nổi bật nhất là Thánh lăng Đức Bab với cả một vòm đỉnh vàng óng ánh giữa nền xanh mát của ngọn núi Carmel.

Đức Shoghi Effendi tạ thế vào năm 1957 và cũng từ ngày ấy cho mãi tới năm 1963 tôn giáo được cai quản bởi các vị Phụ Tá Đức Giám hộ hội hợp chỉ định bởi chính Đức Giám hộ vào tháng 4 năm 1963. Các vị Phụ Tá Đức Giám hộ hội hợp tất cả 56 cơ cấu quản trị quốc gia đã có trong lúc bấy giờ để bầu Tòa Công lý Quốc Tế. Như vậy nền Quản trị đã được thành lập và ngày nay Tôn Giáo Baha'i được cai quản và hướng dẫn bởi cơ cấu này.

TÍNH CÁCH ĐỘC LẬP CỦA TÔN GIÁO BAHAI :

Tôn Giáo Baha'i là một tôn giáo hoàn cầu, hoàn toàn độc lập không vay mượn hay tổng hợp bất cứ một xu hướng tôn giáo nào, không bắt nguồn bất cứ một thánh kinh của các tôn giáo khác. Đấng sáng lập Đức Baha'u'llah đã thẳng thắn tuyên bố rằng sứ mệnh của Ngài là một mạch khải bất nguồn thẳng từ Thượng Đế và Ngài cũng nói rõ là động lực ngàn cách của nền mạch khải như thế không bao giờ được đồng hóa với chính sự tinh khiết Thượng đế. Tôn giáo Baha'i có những thánh kinh riêng biệt, luật lệ riêng, cơ cấu quản trị riêng, thánh địa riêng, nổi tiếng nhất là vùng bên cạnh và trên Carmel.

GIÁO LÝ CĂN BẢN :

Theo như lời Đức Shoghi Effendi thì giáo lý căn bản đã được rao truyền bởi Đức Baha'u'llah. Cũng như tín đồ của Ngài tin chắc chắn như thế là chân lý của tôn giáo không phải là tuyệt đối mà là tương đối, mọi khai sáng của Thượng Đế là một động lực liên tục và tiến triển, mọi đại tôn giáo đều có một nguồn gốc thiêng liêng, nguyên lý căn bản hoàn toàn hòa hợp mục đích và chủ thể như nhau. Mọi giáo lý ví như nhiều khía cạnh của một sự thật mọi giáo vụ đều bổ túc cho nhau, nếu có một vài khác biệt chỉ là một vài hình thức không mấy cần thiết của tín ngưỡng riêng biệt và sau hết là sứ mạng của các tôn giáo tượng trưng cho những thời kỳ kế tiếp trong sự tiến hóa của xã hội loài người.

Tôn Giáo Baha'i tin tưởng rằng thời kỳ hiện đại của sự tiến hóa đó là « thời kỳ trưởng thành của nhân loại » Người Baha'i mạnh mẽ xây dựng và truyền bá các nguyên lý như sau :

- THỐNG NHẤT NHÂN LOẠI bằng cách xóa bỏ mọi thành kiến chủng tộc, tôn giáo, giai cấp và quốc gia, thực thi công bằng nam nữ, cấm chỉ chế độ nô lệ và tiêu diệt mọi sự giàu nghèo thái quá.
- Thực thi cụ thể sự thống nhất nhân loại qua nền trật tự thế giới bao gồm toàn thể trái địa cầu đề tạo nên « trái đất là một quốc gia và nhân loại là công dân của quốc gia đó ».
- Dùng một thế giới ngữ như là ngôn ngữ phụ bó buộc.
- Hòa bình thế giới sẽ được thực hiện qua ý muốn đoàn kết của tất cả mọi giống nòi trên thế giới và được cai quản do một chính phủ quốc tế nhip theo những nguyên lý do đức Baha'u'llah soi sáng.
- Hoàn toàn tự do trong việc tìm chân lý và coi tôn giáo phải hòa hợp với khoa học hô hào một nền giáo dục bó buộc và hủy bỏ cơ cấu tu sĩ cùng lối khổ tu, khát thực và tu viện.
- Phải tuân tòng chặt chẽ luật của quốc gia mình.
- Phải trong sạch thể xác lẫn tâm hồn, khuyến khích đời sống gia đình, cấm ly dị, chấp nhận chế độ một vợ một chồng.

- Phải làm gương mẫu cao cả của nền luân lý và lòng ngay thẳng trong mọi công việc làm.
- Hoàn tất mọi việc làm trong tinh thần phụng sự và phải coi đó như là một hình thức thờ phượng.

Tôn Giáo Baha'i tin tưởng ở lời cầu nguyện, ở sự bất diệt của linh hồn và sự cần thiết cho con người để sống trong sự tuân tùng các luật lệ của Thượng đế như đã được các sứ giả của Ngài phán truyền vào mỗi lần biểu hiện.



ĐÓN COI

PHƯƠNG ĐÔNG số 23, 24 và 25

Đặt biệt :

BỘ MẶT TÔN GIÁO NGÀY NAY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG

- Phong trào Phật Giáo chính trị Soka Gakkai bên Nhật
- Các hội kín Lão giáo Đài Loan, hiện tượng Krishnamurti, ông Đạo Dừa, tình hình Công Giáo, Phật giáo, Cao Đài, Hòa hảo, tín ngưỡng dân Thượng v.v...
- Giải pháp Đông phương cho vấn đề tôn giáo ngày nay.

ISODINE

(Thuốc nước dùng ngoài da)

ĐẶC TÍNH

Sát trùng, chống các bệnh do nấm, rửa sạch, làm hết mùi hôi.

CHUYÊN TRỊ — CÁCH DÙNG

BỆNH NGOÀI DA : ISODINE SCRUB

- Bị viêm, bì viêm có mủ.
- Lở loét chân, phong ngứa có mủ.
- Bị viêm dát trẻ sơ sinh.

Dùng ISODINE SCRUB nguyên chất để thoa hoặc pha loãng dùng để chà sát.

NGOẠI THƯƠNG : ISODINE SCRUB

- Vô trùng ngoài da.
- Rửa và khử trùng vết thương.

Dùng ISODINE SCRUB nguyên chất để thoa hoặc pha loãng dùng để chà sát.

BỆNH ĐÀN BÀ : ISODINE SCRUB

- Bệnh huyết trắng do nấm *Candida*
hoặc *Trichomonas vaginalis*.

Dùng ISODINE pha để rửa và khử trùng

KHÔNG UỐNG ĐƯỢC

ISODINE không làm bẩn quần áo và có thể rửa sạch bằng nước.

Chai đựng 125 ml.

Visa No 5309 BYT/DPHC.

VIỆN BẢO CHẾ SARGET

Avenue du Président-Kennedy
33. MERIGNAC (PHÁP-QUỐC)

HIỆN TÌNH CÔNG GIÁO VIỆT-NAM **CÁC ĐỊA PHẬN MIỀN BẮC VIỆT-NAM 1972 (THEO MISSI SỐ 4 NĂM 1968)**

ĐỊA PHẬN	DIỆN TÍCH	DÂN SỐ	CÔNG GIÁO	% LỖ LỆ	LINH MỤC	GIÁO XỨ	NHÀ THỜ	GIÁM MỤC 1972	RANH GIỚI ĐỊA PHẬN
1. Hà-Nội	4.200 ^{csv}	2.500.000	155.000	06,20	54	112	478	G. Trịnh như Khuê	Thủ đô Hà-nội, Hoàng-dông, 1/3 Nam-dinh, Hòa-binh
2. Lạng-Sơn	25.900—	350.000	2.500	07,71	4	11	14	G. Trịnh văn Căn V. Phạm văn Dự	Lạng-sơn, Cao-bằng, 1/2 Hòa-giang
3. Hải-Phòng	10.000—	1.500.000	54.617	03,60	8	61	316	P. Khuất văn Tạo	Hải-phòng, Hải-dương, Kiến-an, Quảng-yên, Móng-cây
4. Bắc-Ninh	24.700—	2.000.000	35.423	01,80	7	428	235	P. Phạm đình Tung	Bắc-ninh, Bắc-giang, Vĩnh-phước-yên, Thương-quyên, Bắc-can, 1/3 Tuyên-quang, Phú-thọ, 1/3 Hải-dương
5. Hưng-Hóa	54.000—	1.920.000	70.161	03,60	34			P. Nguyễn huy Quang	Sơn-tây, Phú-thọ, Yên-bái, Sơn-la, 1/2 Tuyên-quang, Hòa-binh, Lai-châu, Hà-giang
6. Thái-Bình	2.207—	1.660.891	88.625	05,30	17	14	536	B. Đinh đức Tự	Thái-bình, Hưng-yên
7. Bùi-Chu	1.073—	895.000	165.000	18,10	30	117	432	G. Phạm năng Tĩnh	Bùi-chu, 1/3 Nam-dinh
8. Phố-Diệm	1.700—	450.000	58.900	13,00	26	61	282	P. Bùi chu Tạo	Ninh-binh
9. Thanh-Hóa	10.200—	1.500.000	47.000	03,10	27	44	176	G. Lê quý Thanh P. Phạm Tân	Thanh-hóa
10. Vinh	24.000—	1.890.000	156.195	08,20	124			B. Trần đình Nhiên P. Nguyễn Năng	Nghê-an, Hà-ninh, 1/3 Quảng-binh
TỔNG CỘNG	157.080 không có ruộng	14.665.891	830.868	05,69	331	848	2.470		

CÁC ĐỊA PHẬN MIỀN NAM VIỆT NAM (THEO TÀI LIỆU TRIỂN LẠM TBPA 1973)

ĐỊA PHẬN	DIỆN TÍCH	DÂN SỐ	CÔNG GIÁO	% TỶ LỆ	TỶ LINH MỤC	DỰ TỔNG	GIÁM MỤC 1973	RANH GIỚI ĐỊA PHẬN
1. Saigon	1.632csv	3 026.430	505.845	16,71	573	1312	P. Nguyễn văn Bình F. Trần thanh Khâm G. Nguyễn văn Mậu	— Đô thành Saigon, Chợ Lớn, Giadinh — Vĩnhlong, Vĩnhbinh, Kiênhoa, Sadeo
2. Vĩnh-Long	6.591—	1.778.742	101.493	05,70	112		G. Trần văn Thiện	— Địnhhường, Longan, Kiên tuất g, Kiênphong, Gò công
3. Mỹ-Tho	9.214—	1.500.000	59.279		70		G. Nguyễn ngọc Quang	— Phongdinh, Baxuyên, Bạc liêu, Anxuyên, Chuongthien
4. Cần-Thơ	13.400—	1.570.071	85.641		105		M. Nguyễn khắc Ngõ	— Châuđốc, Angiang, Kiên giang, Chuongthien, Cõnson
5. Long-Xuyên	10.158—	1.500.000	106.377	07,07	117	198	S. Nguyễn văn Hiền	— Tuyendũc, Lâmđồng, Thị xã Bàlạt
6. Bàlạt	9.580—	289.000	67.053		134	6000	G. Lê văn Ấn	— Biênhòa, Longkhánh, Phướctuy, Thị xã Vũngtau
7. Xuân-Lộc	7.926—	843.694	317.162	37,50	190	1141	G. Phạm văn Thien	— Bìnhhuang, Tâyninh, Bìnhlong, Hậughĩa
8. Phú-Cường	10.880—	816.000	64.208	07,86	64		P. Nguyễn kim Điền	— Quảnggirl, Thùathien, Thị xã Huế
9. Huế	8.227—	704.000	92.000	13,08	133		Đ. Hoàng văn Đoàn	— Quảngngãi, Bìnhđinh Phướn
10. Qui-Nhon	21.206—	1.809.365	79.499		85	545	Paul Seitz Kim	— Konium, Pleiku, Phú bõn, Quận Ankhê
11. Kontum	21.428—	800.000	80.000	10,00	84		G. Nguyễn văn Thuận	— Khánhhoa, Ninhthuận, Bìnhthuận, Bìnhtuy
12. Nha-Trang	20 000—	965 227	135.033	13,98	203		P. Phạm ngọc Chi	— Quảnglin Quảngnam, Thị xã Đàng
13. Đà-Nẵng	11.329—	1.400.000	08.000		99	1093	P. Nguyễn huy Mai	— Darlac, Quảnggũc, Phướctong
14. Banmethuôt	21.723—	324 723	48.186		67	4527		
TỔNG CỘNG	173.294 cây số vuông	17.327.252	1.849.776	10,67	2 036	14.816		

Tin tức Văn Hóa và Tôn Giáo

Tuần lễ Phật Đản tại Viện Đại Học Vạn Hạnh

Năm nay, Viện Đại Học Vạn Hạnh đã tổ chức một tuần lễ mừng Phật Đản 2.517 từ 10-5 đến 17-5-1973 với chủ đề « Đức Phật và con người hiện đại ». Chương trình gồm nhiều tiết mục : — tranh giải thể thao — Hòa nhạc Phật giáo — Kịch nghệ, chiếu phim, — Triển lãm hội họa và nữ công v.v...

Nhưng đặc biệt phải kể đến các buổi diễn thuyết của Giáo sư Hajime Nakamura và lễ giới thiệu Trung bộ kinh tập I do Thượng Tọa Thích-minh-Châu phiên dịch.

Được biết, Gs. Hajime Nakamura đã đậu Tiến sĩ văn chương tại Imperial University, Nhật bản, giáo sư chuyên nghiên cứu về văn hóa và tôn giáo Đông Phương, thông thạo nhiều thứ tiếng. Giáo sư viết sách báo và giảng dạy về Triết Lý và Tôn giáo tại nhiều trường Đại Học Nhật Bản, Hoa kỳ và Ấn Độ. Ba buổi thuyết trình do Giáo sư Hajime Nakamura tại viện Đại học Vạn Hạnh được tổ chức vào các ngày 11, 12 và 16-5-73 với các đề tài : « Sự đóng góp của tư tưởng Đông Phương và Phật giáo cho văn hóa Nhân loại », « ý tưởng một quốc gia Phật giáo theo Thánh Đức Thái Tử » và « Đức Phật và con người hiện đại ». Các bài giảng đều bằng tiếng Anh và được dịch ra tiếng Việt. Nhân dịp này, Viện Đại Học Vạn Hạnh đã cấp bằng Tiến sĩ Danh dự cho giáo sư Hajime Nakamura.

Ngoài ra, vào ngày 15-5-73, lễ giới thiệu Trung Bộ Kinh tập I gồm 50 kinh, trong bộ kinh Majjima Nikaya gồm 152 kinh, do Thượng Tọa Thích minh Châu phiên dịch và chú thích từ tạng Pali. Sau phần giới thiệu, các TT. Thích Huyền Vi, TT. Thích hộ Giác và Ông Vũ Văn Phưởng đã lên phát biểu cảm tưởng. Đại ý tỏ bày sự ngưỡng mộ đối với công trình phiên dịch của dịch giả và kêu gọi sự hảo tâm giúp đỡ cho công việc phiên dịch (Tam Tạng Kinh) chóng hoàn tất.

Các buổi thuyết trình và lễ giới thiệu sách đã được khá đông các tu sĩ Phật giáo, học giả, giáo sư và sinh viên đến tham dự.

Lễ Phật Đản tại Saigon và Huế.

Lễ Phật Đản năm nay được mừng khá lớn, nhất là tại Saigon và Huế.

Đặc biệt năm nay tại Saigon, hai giáo hội Ấn quang và Việt-Nam Quốc-tự đã bắt đầu một thí nghiệm nhằm tiến tới hợp nhất. Đó là việc hai Giáo Hội đã góp tiền (mỗi bên một triệu) tổ chức lễ Phật đản chung (15-4 Quý Sửu, tức là 17-5-1973). Lễ tổ chức rất lớn, với cuộc diễu hành của hàng trăm xe hoa.

Ở Huế, Đức Phật cũng « lên xe hoa ». Một chuyện hí huu xảy ra đêm 17-5-1973 : sau khi đoàn xe hoa đã diễu hành xong từ lâu rồi, lúc 11 giờ khuya vẫn còn hai chiếc bị kẹt cứng bên kia Cầu Mới, không thề tới địa điểm diễu hành.

Kẹt, đó là vì xe cộ và người đông quá. Chẳng xe, mà cả đến người cũng bị đóng đinh tại chỗ ở nhiều nơi, đi không thề đi, mà lùi cũng chịu nổi.

Trong mấy ngày ấy, đêm tại Huế sáng trưng với các kỳ đài, pháo bông và trái sáng, với đèn trao la liệt tại các Công Trường, trước Công sở, trước cửa nhà, và đèn xanh đèn đỏ lênh bênh nổi trên Sông Hương

Không biết Huế đã tiêu bao nhiêu chục triệu cho lễ Phật đản, cũng như Saigon mới đây tiêu vào dịp Giáng Sinh.

Một điều khiến chúng ta nên suy nghĩ : bên Âu Châu, người ta vẫn mừng các lễ Giáng Sinh, Ba Vua, Mardi Gras lớn như xưa, dù tinh thần tôn giáo thì đã sa sút từ lâu trong dân chúng rồi.

Sách báo nhận được

Tòa soạn đã nhận được sách báo gửi tặng sau đây, trân trọng giới thiệu với quý độc giả.

— ĐẶC KHẢO VỀ DÂN NHẠC VIỆT NAM, của Phạm Duy, do Hiện Đại xuất bản, 212 trang giá 250\$. Gồm mọi bộ môn nhạc : Bộ tộc Trường Sơn, Thương du Bắc Việt, Chàm, Khmer ở Nam Việt, và Việt Nam (dân ca, ca nhạc phòng và ca kịch nghệ).

— NHẬP MÔN TRIẾT HỌC ÁN ĐỘ của GS. Lê xuân Khoa, do Trung Tâm Học Liệu tái bản, có nhiều phần bổ túc, giá bán 500\$.

— SUỐI NGUỒN VI DIỆU, tác phẩm thi hóa Kinh Pháp Cú, của nhà thơ Phạm thiên Thư, sách dày hơn 130 trang, trình bày trang nhã.

— Ý NGHĨ XANH : Tuyển tập thơ văn học sinh do Trung Học bán công Đà-nẵng xuất bản cho niên học 72-73.

— KY TÔ GIÁO VÀ VĂN HÓA ĐÔNG PHƯƠNG do Học viện liên dòng Thủ-đức xuất bản.

Hộp thư

Ông Thân Văn (Cần Thơ). Đã nhận được bài góp ý về Hát bội. Sẽ đăng vào số tới. Đa tạ.

Ông Phan kim Huê (Tân An). Đã nhận được bài « Từ nguồn gốc Hán đến Mã lai của dân tộc Việt Nam ». Sẽ đăng sau, Cảm ơn nhiều.

MỤC LỤC

toàn tập IV

từ số 19 (tháng giêng 1973) đến số 24 (tháng sáu 1973)

TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA TỔNG QUÁT

Hoàng sỹ Quý	Đạo hòa trên biên loạn	5
Thái văn Kiềm	Năm Sưu nói chuyện Trâu	13
Nguyễn văn Thọ	Mạn đàm về chiến tranh và hòa bình	24
Kim Đĩnh	Phương pháp huyền sử	133
	Chân trời huyền sử	213
Nguyễn Bạt Tụy	Trả lời Ô. Trần Kim Thạch	191

PHONG TỤC

Hồ hữu Tường	Xuân trâm tư	39
Nhất Thanh	Ấm lịch, dương lịch và Tết ta	62
Đỗ bằng Đoàn	Câu đối ngày Tết	74
Bình nguyên Lộc	Tết thanh bình ở miền Nam	92

THIÊN VĂN, ĐỊA LÝ

Nguyễn văn Thọ	Dịch kinh với Thiên văn học	218
----------------	-----------------------------	-----

Y HỌC

Siêu Thần	Tuyên ngôn y đạo	100
Trần văn Tích	Nhiếp sinh mùa xuân	88
	Góp ý vào việc nghiên cứu sơ bộ Đông dược	159
	Xông hơi	252
Trần tiến Hy	Gây tê bằng châm thuật	140
Đào sĩ Chu	Khảo cứu Đông dược bằng phương pháp thực nghiệm	150, 257

NHẠC KỊCH

Thăm Oánh	Tín Xuân	292
Thiệu khang Tiết		
Ng văn Thọ, Thăm Oánh	An lạc như như	131
Hồ hữu Tường	Hát bội	244

HỘI HỌA

Thái Tuấn

Ngày Xuân xem tranh mộc bản VN

57

GIÁO DỤC

Hoàng văn Đức

Giáo dục mới

167, 263

Đỗ bằng Đoàn

Đỗ Trọng Huê

Thầy đồ và trường học

268

DÂN TỘC HỌC — NGŨ HỌC

Nguyễn Bạt Tụy

Tết người Giao Mường

45

Từ quyền lịch sử thành lập đất Việt đến
quyền Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt-nam 277,361

Bình Nguyễn Lộc

Ma ta Mạc da và Mạc ta

198

Nguyễn Đức Dụ

Sự chuyển mình của ngành gla phá VN

185

Một lối chép phá đơn giản

237

ĐẠO ĐỨC — TÔN GIÁO

Hoàng Sỹ Quý

Hành hương Tây trúc mới

172,230

Phương đông có thể làm gì cho một
xã hội đương hồi tục

293,373

Nhất Thanh

Đạo giáo ở Việt-Nam

178,222,339,400

Nguyễn Đăng Thực

Phật giáo Việt-Nam hiện đại

304

Hình Phương Cư sĩ

Nhìn thẳng vào tôn giáo Phật giáo Hòa Hảo

310,429

Trần văn Quế

Cao Đài đại đạo

315,474

Nguyễn văn Thọ

Không giáo vô thần hay hữu thần

321,386

Hoàng văn Đức

Krishnamurti : một thông điệp mới

347,417

Đỗ Xuân Quế

Vấn đề đặt ra cho Công giáo miền Nam

354

Thích Mãn Giác

Phật giáo và Thiên học Việt-Nam

395

Khái yếu Baha'i

434

Nguyễn Bạt Tụy

Tín ngưỡng dân số ít miền Nam

380

Michael Soso

Towards a methodology

403

VĂN HỌC — LỊCH SỬ

Trần Trọng San

Mùa xuân trong Đường thi

80

THƠ

Tuệ Mai

Một chiều thơ

22

Quê hương

22

Trở vào cuộc sống

23

Hoành Sơn

Lễ cầu xuân

113

Thảm Oánh

Linh diệu

123

Lê Quốc Sinh

Đồng phương khải

350

Phạm Thiên Thư

Citavaggio, kinh thơ

422

ĐẠI-NAM NGÂN-HÀNG

(DAINAM BANK)

Trụ-sở Trung-ương, 17 Công-Trường Lam-Sơn, SAIGON

Đ.T. : 93.444 — 93.445

Với 14 chi nhánh trong toàn quốc

ĐẢM NHIỆM MỌI NGHIỆP VỤ NGÂN - HÀNG

- GIAO-DỊCH VỚI CÁC NGÂN HÀNG CHỈ ĐỊNH TRÊN KHẮP THẾ GIỚI.
- MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ XUẤT NHẬP CẢNG
- CHUYỀN NGÂN HỐI ĐOÀI
- TÀI TRỢ CÔNG THƯƠNG KỸ-NGHỆ GIA
- TRƯỞNG MỤC TIẾT KIỆM « RỒNG VÀNG » V.V...



- CÔNG VIỆC LÀM NHANH CHÓNG, KÍN ĐÁO
- NHÂN VIÊN LỄ ĐỘ, BẬT THIỆP, TIẾP ĐÓN NIỀM NỠ
- LUÔN LUÔN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA KHÁCH HÀNG
- NGÂN HÀNG ĐÁNG TÍN NHIỆM NHẤT.

ĐẠI-NAM NGÂN-HÀNG

ĐỊA - ĐIỂM **OHSAWA**

- Đây đủ sách báo tìm hiểu về phương pháp DƯỠNG SINH OHAWA.
- Cung cấp các loại thực phẩm dưỡng sinh.
- Sẵn sàng chỉ dẫn những ai muốn tìm hiểu để áp dụng phép dinh dưỡng này.
- Nhận nấu cơm dưỡng sinh theo tuần hay tháng.

Kính mời đến hay viết thư cho địa chỉ :

Quán THIÊN - NHIÊN

115/48, Trương-minh-Ký — Gia-Đị h (Cồng xe lửa số 6 đi vào)

KÉM ĂN MẤT NGỦ

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON

LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: NEN XUYỄN, PHONG NGŨA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

số 48/BYT/QCDP ngày 13-7-72

SAIGON ĂN QUÁN

CÔNG TY NẶC DANN VỐN : 20.000.000\$00

35, Nguyễn-Đình-Chiêu — SAIGON

Đ. T. : 22.208 — 22.498

TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH

NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ 25 NĂM NAY

Nhà thuốc PHƯƠNG - ĐÔNG

KHẢO CỨU THỰC-NGHIỆM ĐÔNG TÂY Y-DƯỢC

THUỐC BỒ
NHẬT VÔ ĐỊCH

CHINOMOTO

Đã bán ra thị trường mấy chục triệu chai rồi.

Ai đã dùng qua đều công nhận là thần hiệu và vô địch

Do Dược sĩ ĐÀO-SĨ-CHU Thủ khoa Đại Học Toulouse và Paris tự tay bào chế với sự cộng tác của các phụ tá Nhật và Việt Nam Đông Dược : M. Yamada, M. Umeda ; Sơn Điền và Hà Nông.

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê-văn-Duyên Saigon

Điện thoại 20.832 và 20.277

Đã có

Phương Đông ĐÔNG TẬP

Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả

Có bán tại tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn :

Tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 700\$

Tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 700\$

Tập 3 : từ số 13 đến số 18, giá bán 700\$

Gửi mua tại Tòa báo thì mỗi tập :

**Ở xa trong nước, kèm thêm 100\$ cước phí bảo đảm.
Miền Trung và Cao-nguyên thêm phụ phí Hàng không 60\$
(160\$). Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 250\$**

HEPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

☐ THƠM NGON, NGỌT

☐ BỒ HUYẾT, BỒ GAN

☐ DA DẸ HỒNG HÀO

Tại các nhà Thuốc Tây

Mua ở: Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty—601—Lê.V. Duyệt, Saigon

TÌM ĐỌC

SUỐI NGUỒN VI DIỆU

- Tác phẩm thi hóa tư tưởng Dhammapada của
PHẠM THIÊN THU
- Quyền sách gồm chứa những tư tưởng nền tảng của con
đường nhập hóa và siêu hóa.
- Phương đóng
- Cơ sở VĂN CHƯƠNG xuất bản — Phát hành toàn quốc.

Giá 250đ

Đọc và cổ động cho PHƯƠNG ĐÔNG

Là xây dựng đất nước của TIÊN TỒ



BIÊU-HIỆU
hòa-đồng tôn-giáo
của tôn-giáo-phái
Ấn-độ
**RAMAKRISHNA
MISSION**

huyền-nghiêm-sỹ
RAMAKRISHNA,
ông tổ của
Ramakrishna Mission
do Vivekananda
sáng lập



Giá bán : 120 đ.